

Biểu mẫu số 1: Cấp thôn
Hiện trạng sử dụng nước sinh hoạt hộ gia đình năm 2025
 Thôn An Sơn, xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi.

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên chủ hộ</i>	<i>Hộ nghèo</i>	<i>Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng</i>		<i>Nguồn cấp nước</i>	
			<i>Nước sạch theo quy chuẩn*</i>	<i>Nước hợp vệ sinh**</i>	<i>Công trình CNSNTTT***</i>	<i>Công trình CNQMHGD****</i>
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)</i>
1	Phạm Văn Tường		1	1		1
2	Lê Tôn		1	1		1
3	Phạm Mười			1		1
4	Trần Văn Thế		1	1		1
5	Đào Khắc Sáu			1		1
6	Nguyễn Thị Bích Đào		1	1		1
7	Hà Thanh Chương			1		1
8	Võ Ngọc Anh		1	1		1
9	Phạm Cầu			1		1
10	Nguyễn Cảnh		1	1		1
11	Phan Tấn Bình		1	1		1
12	Nguyễn Thị Công			1		1
13	Phạm Thị Cao			1		1
14	Mai Thị Lý		1	1		1
15	Nguyễn Văn Trung		1	1		1
16	Huỳnh Tấn Nam			1		1
17	Mai Văn Vàng		1	1		1
18	Ngô Văn Đức		1	1		1
19	Nguyễn Ngọc Bình			1		1
20	Nguyễn Ngọc Bình		1	1		1
21	Nguyễn Ngọc Tuấn			1		1
22	Nguyễn Ngọc Thịnh			1		1
23	Nguyễn Ngọc Hùng		1	1		1
24	Phan Quảng			1		1
25	Võ Lý		1	1		1
26	Võ Văn Thích		1	1		1
27	Nguyễn Đức Công		1	1		1
28	Nguyễn Toàn Bé			1		1
29	Nguyễn Văn Sinh		1	1		1
30	Võ Đông Giang			1		1
31	Nguyễn Thị Mỹ Linh		1	1		1
32	Trần Ngọc Định			1		1
33	Nguyễn Tấn Sang			1		1
34	Trần Ngọc Liêm		1	1		1
35	Trần Thị Lệ Hoa		1	1		1
36	Nguyễn Hữu Thành		1	1		1
37	Lương Hữu Sinh		1	1		1
38	Võ Phẩm			1		1
39	Nguyễn Văn Hồng		1	1		1
40	Phạm Ngọc Châu		1	1		1
41	Nguyễn Trung Hai			1		1
42	Trần Tâm			1		1
43	Phạm Thanh		1	1		1
44	Trần Trung Tàng		1	1		1
45	Nguyễn Nghị		1	1		1
46	Nguyễn Công		1	1		1
47	Phạm Công		1	1		1
48	Nguyễn Được			1		1

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên chủ hộ</i>	<i>Hộ nghèo</i>	<i>Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng</i>		<i>Nguồn cấp nước</i>	
			<i>Nước sạch theo quy chuẩn*</i>	<i>Nước hợp vệ sinh**</i>	<i>Công trình CNSNTTT***</i>	<i>Công trình CNQMHGD****</i>
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)</i>
49	Nguyễn Hoanh		1	1		1
50	Lê Ngọc Hưng			1		1
51	Lương Hữu Thời		1	1		1
52	Lương Hữu Đức			1		1
53	Nguyễn Văn Tuấn		1	1		1
54	Nguyễn Lực		1	1		1
55	Nguyễn Thị Cảnh			1		1
56	Nguyễn Thị Hoanh			1		1
57	Nguyễn Tấn Kỳ		1	1		1
58	Nguyễn Thị Tuyết		1	1		1
59	Nguyễn Văn Minh			1		1
60	Nguyễn Văn Thụy			1		1
61	Nguyễn Thanh Truyền		1	1		1
62	Nguyễn Văn Đức			1		1
63	Nguyễn Hoàng Chi		1	1		1
64	Nguyễn Thiên Trinh			1		1
65	Võ Thị Bảy		1	1		1
66	Nguyễn Đây			1		1
67	Nguyễn Ngọc Toàn			1		1
68	Nguyễn Văn Thùy		1	1		1
69	Lê Tấn Độ		1	1		1
70	Trần Đình Vân		1	1		1
71	Trần Thị Thanh Trà		1	1		1
72	Bạch Hữu Hoàn			1		1
73	Bạch Hữu Sơn		1	1		1
74	Lê Thị Cẩm			1		1
75	Bạch Hữu Tuấn		1	1		1
76	Đặng Thị Hương		1	1		1
77	Võ Thị Mừng			1		1
78	Bùi Thị Kim Minh			1		1
79	Lê Văn Tá		1	1		1
80	Tôn Long Nhựt		1	1		1
81	Bạch Hữu Hậu			1		1
82	Trần Thị Độ		1	1		1
83	Bạch Cư		1	1		1
84	Trần Ngọc Kỹ		1	1		1
85	Võ Duy Ba			1		1
86	Nguyễn Văn Phúc		1	1		1
87	Nguyễn Văn Long		1	1		1
88	Phan Thị Thanh Liêm			1		1
89	Trần Văn Chí		1	1		1
90	Trần Văn Thích			1		1
91	Nguyễn Thị Nhân	<i>I</i>	1	1		1
92	Ngô Đình Hùng			1		1
93	Ngô Đình Cường		1	1		1
94	Nguyễn Văn Minh		1	1		1
95	Võ Duy Chánh		1	1		1
96	Nguyễn Thị Nhung			1		1
97	Phạm Thị Nga		1	1		1
98	Mai Tuấn			1		1
99	Nguyễn Văn Chánh		1	1		1
100	Trần Ngọc Trương		1	1		1

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên chủ hộ</i>	<i>Hộ nghèo</i>	<i>Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng</i>		<i>Nguồn cấp nước</i>	
			<i>Nước sạch theo quy chuẩn*</i>	<i>Nước hợp vệ sinh**</i>	<i>Công trình CNSNTTT***</i>	<i>Công trình CNQMHGD****</i>
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)</i>
101	Mai Đạo			1		1
102	Nguyễn Thị Hồng Nền			1		1
103	Nguyễn Thanh Tuấn		1	1		1
104	Trần Chí Tâm		1	1		1
105	Võ Tùng			1		1
106	Nguyễn Dương			1		1
107	Nguyễn Chí Tựu		1	1		1
108	Trần Một			1		1
109	Nguyễn Thị Hoanh		1	1		1
110	Nguyễn Văn Thời		1	1		1
111	Nguyễn Quý Anh		1	1		1
112	Nguyễn Văn Thịnh		1	1		1
113	Nguyễn Thị Ngọc Viên	<i>1</i>		1		1
114	Phan Văn Nhơn		1	1		1
115	Phan Văn Tâm		1	1		1
116	Trần Văn Lực		1	1		1
117	Nguyễn Văn Truyền			1		1
118	Trần Vọng		1	1		1
119	Võ Thị Bé			1		1
120	Võ Duy Ly			1		1
121	Nguyễn Trung Thạnh		1	1		1
122	Ngô Văn Ngọc			1		1
123	Ngô Văn Sự			1		1
124	Nguyễn Văn Toàn		1	1		1
125	Đỗ Trọng Quang		1	1		1
126	Trần Ngọc Trung			1		1
127	Trần Ngọc Phương		1	1		1
128	Nguyễn Thị Thỏ	<i>1</i>		1		1
129	Nguyễn Thị Đào		1	1		1
130	Nguyễn Mai			1		1
131	Phạm Ngọc Tăng		1	1		1
132	Lê Văn Hân			1		1
133	Nguyễn Thị Lệ			1		1
134	Phạm Văn Vi		1	1		1
135	Đỗ Quang Dũng			1		1
136	Phan Văn Ninh		1	1		1
137	Phạm Thị Thu			1		1
138	Huỳnh Văn Ngô		1	1		1
139	Nguyễn Hữu Diệp		1	1		1
140	Đặng Huynh		1	1		1
141	Nguyễn Thuận			1		1
142	Lương Thị Minh Anh		1	1		1
143	Lương Văn Minh Trinh		1	1		1
144	Nguyễn Anh Tuấn			1		1
145	Trần Ngọc Kỳ		1	1		1
146	Lương Văn Minh		1	1		1
147	Nguyễn Hữu Lý		1	1		1
148	Lương Văn Minh Vệ			1		1
149	Võ Duy Hòa			1		1
150	Nguyễn Văn Tính		1	1		1
151	Huỳnh Tào			1		1
152	Nguyễn Thị Hậu			1		1

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên chủ hộ</i>	<i>Hộ nghèo</i>	<i>Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng</i>		<i>Nguồn cấp nước</i>	
			<i>Nước sạch theo quy chuẩn*</i>	<i>Nước hợp vệ sinh**</i>	<i>Công trình CNSNTT***</i>	<i>Công trình CNQMHGD****</i>
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)</i>
153	Lê Thị Thu		1	1		1
154	Phạm Ngọc Tâm		1	1		1
155	Trần Thị Lục			1		1
156	Trần Thị Ân		1	1		1
157	Trần Ngọc		1	1		1
158	Trần Công Vĩnh			1		1
159	Trần Văn Minh		1	1		1
160	Nguyễn Hữu Minh			1		1
161	Tôn Thị Mỹ Huệ			1		1
162	Nguyễn Thị Yên		1	1		1
163	Nguyễn Hữu Hùng		1	1		1
164	Nguyễn Hữu Viện		1	1		1
165	Trần Ngọc Cách		1	1		1
166	Trần Ba			1		1
167	Trần Ngọc Cuộc			1		1
168	Võ Thị Thủy			1		1
169	Đào Khắc Thế		1	1		1
170	Lâm Viết Dũng			1		1
171	Trần Thị Độ	<i>I</i>		1		1
172	Trương Quý		1	1		1
173	Trương Văn Sinh		1	1		1
174	Lâm Viết Tiến Dũng		1	1		1
175	Võ Duy Hường			1		1
176	Nguyễn Tấn Thịnh		1	1		1
177	Nguyễn Thị Dê			1		1
178	Đỗ Quang Côi		1	1		1
179	Trần Thị Vui			1		1
180	Trần Thị Tiêm	<i>I</i>		1		1
181	Lê Văn Trung Em		1	1		1
182	Trần Bá Vũ			1		1
183	Đặng Mười			1		1
184	Đặng Cảnh			1		1
185	Đặng Luân		1	1		1
186	Nguyễn Thân		1	1		1
187	Nguyễn Hữu Cường		1	1		1
188	Trần Thị Tùng			1		1
189	Trần Thị Kim Liên			1		1
190	Phan Văn Nghĩa		1	1		1
191	Nguyễn Trung Tạo		1	1		1
192	Nguyễn Trung Hải		1	1		1
193	Đào Thị Miên	<i>I</i>		1		1
194	Nguyễn Sáu			1		1
195	Nguyễn Thị Một		1	1		1
196	Trần Thị Thanh		1	1		1
197	Đặng Một		1	1		1
198	Đặng Cảnh		1	1		1
199	Lê Văn Trung Anh			1		1
200	Trần Thị Lá		1	1		1
201	Nguyễn Văn Thủy			1		1
202	Nguyễn Anh Tiến		1	1		1
203	Nguyễn Thị Trinh			1		1
204	Trần Thị Tuyết Sương			1		1

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên chủ hộ</i>	<i>Hộ nghèo</i>	<i>Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng</i>		<i>Nguồn cấp nước</i>	
			<i>Nước sạch theo quy chuẩn*</i>	<i>Nước hợp vệ sinh**</i>	<i>Công trình CNSNTTT***</i>	<i>Công trình CNQMHGD****</i>
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)</i>
205	Trần Thị Thanh		1	1		1
206	Trần Thị Hội		1	1		1
207	Nguyễn Văn Tuấn		1	1		1
208	Võ Duy Hòa		1	1		1
209	Trần Thị Kim Liên			1		1
210	Trần Thị Hòa			1		1
211	Trần Thị Thanh Trà		1	1		1
212	Nguyễn Thị Học			1		1
213	Nguyễn Thị Minh Tâm		1	1		1
214	Phạm Thị Hai			1		1
215	Cao Thị Tuyết Nhung		1	1		1
216	Nguyễn Thị Dung		1	1		1
217	Nguyễn Tiến Phùng		1	1		1
218	Tôn Long Huân		1	1		1
219	Nguyễn Hữu Khánh		1	1		1
220	Phan Hoàng			1		1
221	Lê Thị Tuyết Xuân			1		1
222	Phạm Thị Tư			1		1
223	Nguyễn Hoàng Nam		1	1		1
224	Nguyễn Thiên Thân		1	1		1
225	Trần Thị Xuân Ba		1	1		1
226	Nguyễn Văn Thắng		1	1		1
227	Nguyễn Thị Lên		1	1		1
228	Mai Thị Lan			1		1
229	Phạm Thị Nga		1	1		1
230	Trần Ngọc Vinh			1		1
231	Nguyễn Việt Hải		1	1		1
232	Mai Hùng			1		1
233	Trần Văn Hưng			1		1
234	Ngô Văn Trung		1	1		1
235	Trần Ngọc Trí			1		1
	Tổng	6	135	235	0	235

UBND XÃ PHƯỚC GIANG

TRƯỞNG THÔN

Nguyễn Hoàng Chi

Biểu mẫu số 1: Cập thôn
Hiện trạng sử dụng nước sinh hoạt hộ gia đình năm 2025
 Thôn An Định, xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi.

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên chủ hộ</i>	<i>Hộ nghèo</i>	<i>Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng</i>		<i>Nguồn cấp nước</i>	
			<i>Nước sạch theo quy chuẩn*</i>	<i>Nước hợp vệ sinh**</i>	<i>Công trình CNSNTTT***</i>	<i>Công trình CNQMHGD****</i>
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)</i>
1	Huỳnh Văn Phúc		1	1		1
2	Huỳnh Tín			1		1
3	Lê Thị Các		1	1		1
4	Huỳnh Văn	1		1		1
5	Huỳnh Thị Xuyên		1	1		1
6	Huỳnh Văn Tân			1		1
7	Nguyễn Văn Nghĩa		1	1		1
8	Nguyễn Nhựt			1		1
9	Nguyễn Sáu		1	1		1
10	Nguyễn Đình Luyện			1		1
11	Huỳnh Văn Phước		1	1		1
12	Huỳnh Văn Long			1		1
13	Trần Văn Côi		1	1		1
14	Huỳnh Đức Sĩ			1		1
15	Nguyễn Thanh Long		1	1		1
16	Đỗ Thị Nghiã	1		1		1
17	Trần Hai			1		1
18	Nguyễn Thị Tàng		1	1		1
19	Trần Đức			1		1
20	Trần Văn Đồng		1	1		1
21	Huỳnh Sáu			1		1
22	Trần Văn Luật		1	1		1
23	Trần Văn Bình		1	1		1
24	Trần Đoàn		1	1		1
25	Trần Đoan			1		1
26	Dương Văn Nguyên			1		1
27	Trần Đình Phiếu		1	1		1
28	Lưu Thị Thuận			1		1
29	Trần Văn Đào		1	1		1
30	Trần Văn Vĩnh			1		1
31	Trần Thanh Hoàng		1	1		1
32	Lê Số			1		1
33	Hồ Tấn Duy		1	1		1
34	Trần Ngọc Sang			1		1
35	Nguyễn Ngọc Thành		1	1		1
36	Nguyễn Phúc			1		1
37	Nguyễn Văn Tiên		1	1		1
38	Nguyễn Văn Hạnh			1		1
39	Phạm Chương		1	1		1
40	Phạm Duy Tân			1		1
41	Phạm Ngọc Thúc		1	1		1
42	Đinh Văn Thận			1		1
43	Phan Anh Vũ		1	1		1
44	Trần Thị Mỹ Hạnh	1		1		1
45	Trần Thị Thu Hà			1		1
46	Phạm Chín		1	1		1
47	Phạm Hồ Châu			1		1
48	Trần Thanh Ba		1	1		1
49	Lê Thị Tính		1	1		1
50	Trần Văn Thanh		1	1		1
51	Trần Văn Chín			1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
52	Trần Văn Thiện		1	1		1
53	Trần Văn Thuyền		1	1		1
54	Trần Thị Hồng Yên			1		1
55	Trần Thị Sáu			1		1
56	Trần Văn Quảng		1	1		1
57	Trần Thanh Sơn			1		1
58	Nguyễn Thu			1		1
59	Phan Cường		1	1		1
60	Nguyễn Văn Phiếu			1		1
61	Trần Ngọc Ân		1	1		1
62	Trần Văn Mẫn			1		1
63	Nguyễn Thị Hương		1	1		1
64	Trần Văn Sáu			1		1
65	Huỳnh Thông		1	1		1
66	Lê Thị Minh		1	1		1
67	Trần Văn Dương			1		1
68	Trần Đức Minh		1	1		1
69	Nguyễn Tấn Dũng		1	1		1
70	Trần Văn Minh			1		1
71	Trần Đức Sinh		1	1		1
72	Trần Phục			1		1
73	Nguyễn Tấn Tư		1	1		1
74	Trần Thị Kim Phương			1		1
75	Trần Quốc Tây		1	1		1
76	Trần Thị Vân			1		1
77	Bùi Thị Liên		1	1		1
78	Nguyễn Văn Hương		1	1		1
79	Nguyễn Văn Hồng			1		1
80	Nguyễn Văn Phương		1	1		1
81	Nguyễn Thị Anh			1		1
82	Trần Văn Liệu			1		1
83	Trần Văn Đệ		1	1		1
84	Trần Tạo			1		1
85	Trần Văn Tấn		1	1		1
86	Nguyễn Thị Thu			1		1
87	Trần Văn Phương		1	1		1
88	Trần Thị Tư			1		1
89	Trần Văn Long		1	1		1
90	Nguyễn Thị Thùy		1	1		1
91	Phạm Thị Lúa			1		1
92	Phạm Thị Lkim Tuyền		1	1		1
93	Trần Văn Liễu			1		1
94	Trần Văn Mười			1		1
95	Trần Văn Ân		1	1		1
96	Trần Văn Phước			1		1
97	Trần Tài		1	1		1
98	Trần Văn Kinh			1		1
99	Nguyễn Định		1	1		1
100	Nguyễn Đăng Chính		1	1		1
101	Phạm Duy Thụ			1		1
102	Phạm Thanh Luân			1		1
103	Nguyễn Thị Thông		1	1		1
104	Nguyễn Văn		1	1		1
105	Trần Thanh Xuân			1		1
106	Trần Thanh Bình		1	1		1
107	Trần Thị Thu Mẫn			1		1
108	Phạm Đăng Chính		1	1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
109	Nguyễn Tùng		1	1		1
110	Trần Đình Thi			1		1
111	Trần Thị Nghanh		1	1		1
112	Trần Năm			1		1
113	Ngô Hòa Phương		1	1		1
114	Ngô Thị Thanh Tuyền	I		1		1
115	Lê Thị Thanh		1	1		1
116	Trần Văn Tùng			1		1
117	Trần Đình Hòa			1		1
118	Trần Việt Phương		1	1		1
119	Trần Việt Hùng		1	1		1
120	Trần Thanh Sơn		1	1		1
121	Trần Thị Ngọc Lan		1	1		1
122	Trần Văn Tý		1	1		1
123	Trần Đình Phú			1		1
124	Trần Đình Khôi		1	1		1
125	Trần Thị Mỹ	I		1		1
126	Võ Phái		1	1		1
127	Nguyễn Hữu Tính			1		1
128	Trần Đình Huy		1	1		1
129	Nguyễn Đức Đường			1		1
130	Trần Thị Thanh			1		1
131	Trần Ngọc Thoại		1	1		1
132	Trần Hthị Phụng	I		1		1
133	Lê Thành Dương		1	1		1
134	Lê Thị Hà			1		1
135	Trần Việt Cường		1	1		1
136	Phạm Đình Công		1	1		1
137	Lê Thị Liên			1		1
138	Đỗ Đình Trung			1		1
139	Đỗ Thị Kim Chi		1	1		1
140	Vũ Văn Nhạc		1	1		1
141	Phạm Diên Anh		1	1		1
142	Trịnh Thế		1	1		1
143	Hồ Thị Lan		1	1		1
144	Đinh Văn Anh		1	1		1
145	Đinh Văn Hùng			1		1
146	Nguyễn Đăng Dũng			1		1
147	Nguyễn Thị Hồng Vân		1	1		1
148	Nguyễn Thìn			1		1
149	Nguyễn Phương Hưng		1	1		1
150	Nguyễn Tấn Phụng		1	1		1
151	Nguyễn Duy Mạnh			1		1
152	Trần Văn Lộc		1	1		1
153	Nguyễn Thanh Huy			1		1
154	Nguyễn Đăng Tân		1	1		1
155	Lê Ngọc		1	1		1
156	Huỳnh Văn Giang		1	1		1
157	Huỳnh Văn Nhất			1		1
158	Đỗ Thanh Bình		1	1		1
159	Đỗ Lợi		1	1		1
160	Nguyễn Hải			1		1
161	Võ Văn Tường		1	1		1
162	Nguyễn Thị Thùy Hương		1	1		1
163	Trần Văn Thiệu		1	1		1
164	Lê Ngọc Thạch			1		1
165	Nguyễn Thị Ry			1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
166	Nguyễn Trường Thọ		1	1		1
167	Nguyễn Công			1		1
168	Trần Văn Chánh		1	1		1
169	Võ Đình Luận			1		1
170	Võ Đình Phụng		1	1		1
171	Võ Văn Hùng			1		1
172	Võ Hữu Long			1		1
173	Đỗ Đức Chánh		1	1		1
174	Trần Thị Xuân		1	1		1
175	Lê Thị Oanh		1	1		1
176	Võ Văn Thân		1	1		1
177	Trần Vạn		1	1		1
178	Trần Hoàng Vương			1		1
179	Trần Hoàng Long			1		1
180	Nguyễn Tân Bảo		1	1		1
181	Trần Thị Kim Oanh		1	1		1
182	Trần Thị Hùng			1		1
183	Trần Thanh Hùng		1	1		1
184	Phan Tân Tám			1		1
185	Trần Đình Hải		1	1		1
186	Trần Văn Mẫn		1	1		1
187	Nguyễn Đoàn		1	1		1
188	Phan Thị Tùng		1	1		1
189	Trần Đức Hy		1	1		1
190	Phạm Ngọc Thiệu		1	1		1
191	Phạm Thị Mai Thảo		1	1		1
192	Võ Thị Đàm		1	1		1
193	Võ Thị Bông			1		1
194	Trần Thị Xiển			1		1
195	Nguyễn Thị Bông			1		1
196	Trần Thiên		1	1		1
197	Phan Tấn Tiến		1	1		1
198	Phan Danh			1		1
199	Lê văn Tiến		1	1		1
200	Lê VĂN Dũng		1	1		1
201	Huỳnh Văn Đường		1	1		1
202	Huỳnh Văn Tiến			1		1
203	Phạm Tấn Gioi			1		1
204	Đinh Văn Phận		1	1		1
205	Phạm Thị Minh		1	1		1
206	Phạm Ngọc Anh			1		1
207	Nguyễn Thị Thắm		1	1		1
208	Phạm Thị Thu Hà			1		1
209	Trần Thị Thúy		1	1		1
210	Trần Mẫn			1		1
211	Đoàn Thị Kim Cảnh		1	1		1
212	Trần Đình Thanh			1		1
213	Trần Minh Hùng		1	1		1
214	Nguyễn Tấn Tuệ			1		1
215	Huỳnh Thị Phụng		1	1		1
216	Trần Thị Bảy			1		1
217	Nguyễn Thị Sầm		1	1		1
218	Trần Thị Dung		1	1		1
219	Nguyễn Thị Kinh		1	1		1
220	Trần Văn Quyên			1		1
221	Nguyễn Thị Vân			1		1
222	Trần Hữu Quang		1	1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
223	Nguyễn Hữu Hùng			1		1
224	Phan Văn Lộc		1	1		1
225	NgUYỄN TẦns Phước		1	1		1
226	Huỳnh Nam			1		1
227	Trần Thị Tình		1	1		1
228	Huỳnh Thị Thái		1	1		1
229	Trần Đức Ân			1		1
230	Trần Quang Tâm		1	1		1
231	Trần Thị Bân	/	1	1		1
232	Huỳnh Văn Tình	/		1		1
233	Nguyễn Tiền	/	1	1		1
234	Trần Quang Lộc			1		1
235	Huỳnh Giap		1	1		1
236	Đỗ Đình Vũ			1		1
	Tổng	9	133	236	0	236

UBND XÃ PHƯỚC GIANG

TRƯỞNG THÔN

Phạm Ngọc Anh

Biểu mẫu số 1: Cấp thôn
Hiện trạng sử dụng nước sinh hoạt hộ gia đình năm 2025
 Thôn An Tân, xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi.

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Võ Văn An	1		1	
2	Nguyễn Thị Vân	1	1	1	
3	Võ Thị Tuyết	1		1	
4	Võ Thị Cúc	1		1	
5	Trần Đoan		1	1	
6	Lê Công Ngọc			1	
7	Nguyễn Thị Tuyền		1	1	
8	Lương Công Phương		1	1	
9	Nguyễn Thị Kim Trinh			1	
10	Võ Hữu Bá			1	
11	Ngô Thị Kim Phiên		1	1	
12	Võ Cước			1	
13	Đình Quang Thái		1	1	
14	Võ Thị Diễm		1	1	
15	Nguyễn Thị Cúc			1	
16	Nguyễn Thành Tâm			1	
17	Nguyễn Thành Sơn		1	1	
18	Võ Hữu Thời		1	1	
19	Nguyễn Hoàng Nhớ		1	1	
20	Nguyễn Thị Mật			1	
21	Huỳnh Lưu			1	
22	Võ Duy Cẩn		1	1	
23	Phạm Văn Quang		1	1	
24	Huỳnh Anh Lâm		1	1	
25	Nguyễn Tấn		1	1	
26	Nguyễn Văn Thông		1	1	
27	Nguyễn Tấn Hoàn		1	1	
28	Huỳnh Văn Kim		1	1	
29	Phan Hiến		1	1	
30	Đình Văn Hồng		1	1	
31	Lương Thị Mỹ Hạnh			1	
32	Lê Long		1	1	
33	Lê Hòa			1	
34	Lê Cường		1	1	
35	Lê Văn Tuyền		1	1	
36	Lê Thị Yên			1	
37	Lê Sơn			1	
38	Võ Đình Lý		1	1	
39	Nguyễn Thị Thanh Xuân			1	
40	Võ Văn Chín		1	1	
41	Nguyễn Văn Thông		1	1	
42	Võ Nhật Tiến			1	
43	Đình Thị Xuân			1	
44	Trần Minh Thức		1	1	
45	Trần Văn Lộc			1	
46	Phan Cẩn			1	
47	Nguyễn Đăng		1	1	
48	Nguyễn Thị Kim Phượng		1	1	
49	Huỳnh Văn Thắng		1	1	
50	Trần Tấn Thi			1	
51	Huỳnh Văn Thường		1	1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
52	Nguyễn Nghĩa (L)		1	1	
53	Phạm Diên Em			1	
54	Trần Duy Linh			1	
55	Phạm Thị Khương		1	1	
56	Trần Thị Minh Hà			1	
57	Nguyễn Đen			1	
58	Thi Văn Chung		1	1	
59	Võ Hữu Tài		1	1	
60	Nguyễn Pháp			1	
61	Nguyễn Văn Kế		1	1	
62	Nguyễn Thành Chí		1	1	
63	Nguyễn Thị Bảy			1	
64	Võ Văn Minh		1	1	
65	Nguyễn Văn Cường			1	
66	Trần Thị Lộc			1	
67	Phạm Thị Hồng		1	1	
68	Đỗ Đình Luyện			1	
69	Huỳnh Văn Thành		1	1	
70	Hứa Văn Hải			1	
71	Hồ Hòa		1	1	
72	Võ Văn Thư		1	1	
73	Võ Hữu Phước		1	1	
74	Võ Văn Hoàng		1	1	
75	Hồ Hà			1	
76	Phạm Thanh Hùng			1	
77	Nguyễn Á Huyền		1	1	
78	Phạm Duy Linh			1	
79	Nguyễn Quốc Trung		1	1	
80	Võ Thị Thanh Nhung		1	1	
81	Trần Minh Thường			1	
82	Lê Tấn Hiền			1	
83	Nguyễn Văn Tiến		1	1	
84	Phạm Lệnh			1	
85	Phạm Thùy		1	1	
86	Phạm Thanh Căn			1	
87	Đỗ Đình Lan			1	
88	Nguyễn Văn Lợi		1	1	
89	Trần Văn Kỹ		1	1	
90	Huỳnh Tấn Quang		1	1	
91	Nguyễn Văn Vương			1	
92	Nguyễn Nghĩa(P)		1	1	
93	Nguyễn Minh		1	1	
94	Huỳnh Tấn Nhựt		1	1	
95	Huỳnh Tấn Bôn		1	1	
96	Trần Thị Bích Nga		1	1	
97	Đinh Biên Vũ			1	
98	Nguyễn Hữu Thái		1	1	
99	Đỗ Văn Thủy		1	1	
100	Nguyễn Thị Năm			1	
101	Nguyễn Đức Tâm		1	1	
102	Nguyễn Đức Thống		1	1	
103	Nguyễn Kiều		1	1	
104	Võ Nguyên Anh		1	1	
105	Nguyễn Thư		1	1	
106	Lê Ngoan			1	
107	Võ Thạnh		1	1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
108	Trần Thanh Lĩnh			1	
109	Nguyễn Văn Thanh			1	
110	Nguyễn Thị Xuân		1	1	
111	Huỳnh Trung			1	
112	Ngô Minh Hồng			1	
113	Võ Đình Thông		1	1	
114	Võ Thạnh			1	
115	Võ Thị Thắng		1	1	
116	Ngô Thanh Quân			1	
117	Nguyễn Thư		1	1	
118	Huỳnh Tân Quang			1	
119	Trịnh Thị Thanh Tuyết		1	1	
120	Võ Đình Dương			1	
121	Võ Duy Thạch		1	1	
122	Nguyễn Thị Luyến		1	1	
123	Võ Duy Phú		1	1	
124	Võ Duy Thành		1	1	
125	Võ Thị Cẩm Thúy		1	1	
126	Lê Thị Bông			1	
127	Phạm Ngọc Thành			1	
128	Nguyễn Thị Cúc (V)		1	1	
129	Phan Thanh Hải			1	
130	Võ Văn Giáp		1	1	
131	Lê Văn Lộc			1	
132	Lê Văn Thảo		1	1	
133	Lê Mộng Sơn			1	
134	Nguyễn Văn Cân		1	1	
135	Trần Ngọc Sinh			1	
136	Nguyễn Văn Tuấn			1	
	Tổng	4	78	136	0

UBND XÃ PHƯỚC GIANG

TRƯỞNG

Huỳnh V

Biểu mẫu số 1: Cấp thôn
Hiện trạng sử dụng nước sinh hoạt hộ gia đình năm 2025
 Thôn An Phước, xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi.

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Bạch Thị Hạnh			1	
2	Bùi Chế Tùng		1	1	
3	Bùi Hằng			1	
4	Bùi Tấn Chắt		1	1	
5	Bùi Tấn Dũng		1	1	
6	Bùi Tấn Hùng			1	
7	Bùi Tấn Khanh			1	
8	Bùi Tấn Linh		1	1	
9	Bùi Tấn Lộc			1	
10	Bùi Tấn Sĩ		1	1	
11	Bùi Thị Chín		1	1	
12	Bùi Thị Hân			1	
13	Bùi Thị Mai			1	
14	Bùi Văn Chi		1	1	
15	Bùi Văn Công			1	
16	Bùi Văn Khanh		1	1	
17	Bùi Văn Khánh		1	1	
18	Bùi Văn Vũ			1	
19	Đặng Hùng			1	
20	Đặng Minh Giang		1	1	
21	Đặng Phương			1	
22	Đặng Thị Ba		1	1	
23	Đặng Thị Ca			1	
24	Đặng Thị Tiệp		1	1	
25	Đặng Tinh			1	
26	Đặng Văn Anh			1	
27	Đào Ngọc Bình		1	1	
28	Đào Quốc Hải		1	1	
29	Đào Thị Lang			1	
30	Đào Thị Tài		1	1	
31	Đào Thị Thanh Thúy			1	
32	Đào Thị Tịnh		1	1	
33	Đào Thị Xuân			1	
34	Đình Công Pháp		1	1	
35	Đình Quang Tý			1	
36	Đình Thị Lan		1	1	
37	Đỗ Quang Thông			1	
38	Đỗ Tài		1	1	
39	Đỗ Thị Thu	I		1	
40	Đỗ Thị Tuyết Nhung		1	1	
41	Đoàn Văn			1	
42	Đồng Văn Toàn		1	1	
43	Hà Kinh			1	
44	Hà Minh Hải	I		1	
45	Hà Thanh Chính			1	
46	Hà Thanh Lâm		1	1	
47	Hà Thị Diễm Thúy			1	
48	Hà Văn Sáu		1	1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn Công trình CNSNTTT***
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
49	Hà Xuân Minh			1	
50	Hồ Nhân		1	1	
51	Hồ Thị Mười			1	
52	Hồ Văn Có		1	1	
53	Huỳnh Chấn			1	
54	Huỳnh Khiêm		1	1	
55	Huỳnh Minh Đức			1	
56	Huỳnh Minh Trương			1	
57	Huỳnh Nhân		1	1	
58	Huỳnh Sơn Lâm			1	
59	Huỳnh Sơn Thủy			1	
60	Huỳnh Tân Nhị		1	1	
61	Huỳnh Thị Đào Tiên			1	
62	Huỳnh Thị Khương			1	
63	Huỳnh Thị Liễu		1	1	
64	Huỳnh Thị Thanh			1	
65	Huỳnh Thị Thành		1	1	
66	Huỳnh Thị Thanh Tuyền			1	
67	Huỳnh Văn Dũng		1	1	
68	Huỳnh Văn Hiếu			1	
69	Lê Bình		1	1	
70	Lê Duy Lan			1	
71	Lê Duy Tuấn		1	1	
72	Lê Hồng			1	
73	Lê Lộc		1	1	
74	Lê Minh Thanh			1	
75	Lê Nghĩa		1	1	
76	Lê Ngọc Quý			1	
77	Lê Nho			1	
78	Lê Phụng			1	
79	Lê Quang Bé		1	1	
80	Lê Quang Hiếu			1	
81	Lê Quang Linh		1	1	
82	Lê Tân Thạch			1	
83	Lê Tân Tiến		1	1	
84	Lê Tân Trung			1	
85	Lê Thành Huệ		1	1	
86	Lê Thành Long		1	1	
87	Lê Thành Minh			1	
88	Lê Thị Diệp			1	
89	Lê Thị Hồng Vân		1	1	
90	Lê Thị Kim Cúc			1	
91	Lê Thị Kính		1	1	
92	Lê Thị Kính			1	
93	Lê Thị Nga		1	1	
94	Lê Thị Nương			1	
95	Lê Thị Phương			1	
96	Lê Thị Sim		1	1	
97	Lê Thị Thịnh			1	
98	Lê Thị Tuyết Nga		1	1	
99	Lê Thị Xuân Hồng	1	1	1	
100	Lê Thị Xuân Hương			1	
101	Lê Thời		1	1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
102	Lê Trung Du			1	
103	Lê Trung Hiếu			1	
104	Lê Trung Sơn		1	1	
105	Lê Trung Thịnh		1	1	
106	Lê Văn Bình			1	
107	Lê Văn Dư			1	
108	Lê Văn Dũng		1	1	
109	Lê Văn Dương			1	
110	Lê Văn Hải		1	1	
111	Lê Văn Hạnh		1	1	
112	Lê Văn Hòa		1	1	
113	Lê Văn Hùng			1	
114	Lê Văn Kinh		1	1	
115	Lê Văn Linh			1	
116	Lê Văn Ly		1	1	
117	Lê Văn Nghiệm			1	
118	Lê Văn Ruộng		1	1	
119	Lê Văn Tài			1	
120	Lê Văn Thanh			1	
121	Lê Văn Thiên		1	1	
122	Lê Văn Vũ			1	
123	Nguyễn Thị Mận		1	1	
124	Lương Công Phong			1	
125	Lương Hữu Chí		1	1	
126	Lương Hữu Dân			1	
127	Lương Hữu Quang		1	1	
128	Lương Hữu Thép		1	1	
129	Lương Hữu Trung			1	
130	Lưu Ngọc Hưng			1	
131	Mai Thị Thanh Thúy		1	1	
132	Mai Thị Thường			1	
133	Mai Văn Bình			1	
134	Mai Văn Thanh		1	1	
135	Mai Văn Thích			1	
136	Ngô Anh Tuấn		1	1	
137	Ngô Hoài Sơn			1	
138	Ngô Minh Phụng		1	1	
139	Ngô Văn Quang			1	
140	Ngô Văn Tâm			1	
141	Nguyễn Anh Khôi		1	1	
142	Nguyễn Bảy			1	
143	Nguyễn Bình			1	
144	Nguyễn Cảnh		1	1	
145	Nguyễn Cầu			1	
146	Nguyễn Chí Dương		1	1	
147	Nguyễn Công Thảo			1	
148	Nguyễn Dân		1	1	
149	Nguyễn Đăng Đạo		1	1	
150	Nguyễn Đạt			1	
151	Nguyễn Định		1	1	
152	Nguyễn Đình Tín			1	
153	Nguyễn Đức Nhiệm		1	1	
154	Nguyễn Đức Quang			1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
155	Nguyễn Đức Thịnh			1	
156	Nguyễn Dũng		1	1	
157	Nguyễn Dương			1	
158	Nguyễn Hiên		1	1	
159	Nguyễn Hoàng			1	
160	Nguyễn Huy			1	
161	Nguyễn Huyền		1	1	
162	Nguyễn Huynh		1	1	
163	Nguyễn Hy			1	
164	Nguyễn Khắc Lợi		1	1	
165	Nguyễn Lâm		1	1	
166	Nguyễn Luận			1	
167	Nguyễn Lương		1	1	
168	Nguyễn Minh Tin		1	1	
169	Nguyễn Minh Tuấn			1	
170	Nguyễn Ngọc Danh		1	1	
171	Nguyễn Nguyên			1	
172	Nguyễn Nương		1	1	
173	Nguyễn Phụng			1	
174	Nguyễn Phương			1	
175	Nguyễn Tân Đệ		1	1	
176	Nguyễn Tân Quang			1	
177	Nguyễn Tân Thành		1	1	
178	Nguyễn Tân Vinh			1	
179	Nguyễn Tân Vũ		1	1	
180	Nguyễn Thanh			1	
181	Nguyễn Thanh Hải		1	1	
182	Nguyễn Thị Anh			1	
183	Nguyễn Thị Bình			1	
184	Nguyễn Thị Đồng		1	1	
185	Nguyễn Thị Hùng	I	1	1	
186	Nguyễn Thị Hương			1	
187	Nguyễn Thị Kê		1	1	
188	Nguyễn Thị Khoa			1	
189	Nguyễn Thị Kim Hồng		1	1	
190	Nguyễn Thị Lệ	I		1	
191	Nguyễn Thị Loan			1	
192	Nguyễn Thị Lợi		1	1	
193	Nguyễn Thị Long		1	1	
194	Nguyễn Thị Minh Tình			1	
195	Nguyễn Thị Mười			1	
196	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh		1	1	
197	Nguyễn Thị Nam		1	1	
198	Nguyễn Thị Nữ			1	
199	Nguyễn Thị Sáu		1	1	
200	Nguyễn Thị Thông			1	
201	Nguyễn Thị Thu Giang		1	1	
202	Nguyễn Thị Thu Hoàng			1	
203	Nguyễn Thị Thuần		1	1	
204	Nguyễn Thị Tinh			1	
205	Nguyễn Thị Trà My		1	1	
206	Nguyễn Thị Tư			1	
207	Nguyễn Thị Tường		1	1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
208	Nguyễn Thị Vân			1	
209	Nguyễn Thị Vân			1	
210	Nguyễn Thị Xuân		1	1	
211	Nguyễn Thị Xuân Dung	1		1	
212	Nguyễn Thị Xuân Trinh		1	1	
213	Nguyễn Thiên Hoanh		1	1	
214	Nguyễn Thiên Hùng			1	
215	Nguyễn Thiên Hưng		1	1	
216	Nguyễn Thiên Phú			1	
217	Nguyễn Thiên Phương			1	
218	Nguyễn Thịnh		1	1	
219	Nguyễn Tiến Dương			1	
220	Nguyễn Trãi		1	1	
221	Nguyễn Văn Cường			1	
222	Nguyễn Văn Đồng		1	1	
223	Nguyễn Văn Hảo			1	
224	Nguyễn Văn Hiến		1	1	
225	Nguyễn Văn Học			1	
226	Nguyễn Văn Huân			1	
227	Nguyễn Văn Hùng		1	1	
228	Nguyễn Văn Kiều			1	
229	Nguyễn Văn Lợi			1	
230	Nguyễn Văn Minh		1	1	
231	Nguyễn Văn Nhân			1	
232	Nguyễn Văn Quang			1	
233	Nguyễn Văn Sang		1	1	
234	Nguyễn Văn Sung			1	
235	Nguyễn Văn Sửu		1	1	
236	Nguyễn Văn Thanh			1	
237	Nguyễn Văn Thành		1	1	
238	Nguyễn Văn Thích			1	
239	Nguyễn Văn Thịnh		1	1	
240	Nguyễn Văn Tiên			1	
241	Nguyễn Văn Trung		1	1	
242	Nguyễn Văn Xuân			1	
243	Nguyễn Vĩ		1	1	
244	Nguyễn Vũ			1	
245	Nguyễn Xuân Hoàng		1	1	
246	Nguyễn Xuân Lương			1	
247	Nguyễn Xuân Minh		1	1	
248	Nguyễn Xuân Tuấn			1	
249	Nguyễn Xuân Vĩnh			1	
250	Phạm Bạt		1	1	
251	Phạm Chí Hậu			1	
252	Phạm Tấn Linh		1	1	
253	Phạm Thị			1	
254	Phạm Thị Hồng			1	
255	Phạm Thị Phận		1	1	
256	Phạm Thị Sanh	1		1	
257	Phạm Thị Thảo Đông		1	1	
258	Phạm Thị Toa			1	
259	Phạm Thị Xanh		1	1	
260	Phạm Văn Hùng			1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
261	Phan Thị Lan		1	1	
262	Phan Thị Nga			1	
263	Tạ Quốc Dũng		1	1	
264	Tạ Quốc Nam			1	
265	Tạ Văn Tâm		1	1	
266	Tạ Văn Thành			1	
267	Thượng Việt		1	1	
268	Trần Cao Phúc		1	1	
269	Trần Cao Vinh			1	
270	Trần Cát		1	1	
271	Trần Đệ		1	1	
272	Trần Đình Lâm			1	
273	Trần Đức Quang		1	1	
274	Trần Kín			1	
275	Trần Mẫn		1	1	
276	Trần Minh Danh		1	1	
277	Trần Minh Hùng			1	
278	Trần Ngọc Ánh		1	1	
279	Trần Ngọc Hồng			1	
280	Trần Ngọc Huân			1	
281	Trần Ngọc Ninh			1	
282	Trần Ngọc Phụng		1	1	
283	Trần Ngọc Thuận			1	
284	Trần Ngọc Tuấn			1	
285	Trần Ngọc Tuyển		1	1	
286	Trần Quốc Nhi			1	
287	Trần Quỳnh		1	1	
288	Trần Thanh Lập			1	
289	Trần Thanh Tuấn			1	
290	Trần Thị Liên			1	
291	Trần Thị Minh		1	1	
292	Trần Thị Ngọc Vân		1	1	
293	Trần Thị Phụng			1	
294	Trần Thị Phương Hiếu		1	1	
295	Trần Thị Sử		1	1	
296	Trần Thị Tám			1	
297	Trần Thị Thủy			1	
298	Trần Thị Thùy An		1	1	
299	Trần Thị Thùy Diễm			1	
300	Trần Thị Xuân Thu		1	1	
301	Trần Văn Chín			1	
302	Trần Văn Năm		1	1	
303	Trần Văn Ngọc		1	1	
304	Trần Văn Tin			1	
305	Trần Văn Trữ		1	1	
306	Trần Văn Trung			1	
307	Trần Văn Tuấn			1	
308	Triệu Thị Hoa		1	1	
309	Trịnh Thị Lùng			1	
310	Trương Quốc Dũng		1	1	
311	Trương Thị Xuân Nguyên			1	
312	Trương Văn Tiến		1	1	
313	Võ Ba			1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
314	Võ Đình Trung		1	1	
315	Võ Duy Hải			1	
316	Võ Duy Tâm		1	1	
317	Võ Duy Thành			1	
318	Võ Duy Tín		1	1	
319	Võ Hoàng Sơn			1	
320	Võ Hữu Cường		1	1	
321	Võ Ngọc Chuân			1	
322	Võ Sáu		1	1	
323	Võ Thị Chí			1	
324	Võ Thị Kim Nhung		1	1	
325	Võ Thị Lan		1	1	
326	Võ Thị Nông			1	
327	Võ Thị Thùy Duyên		1	1	
328	Võ Thị Tuấn			1	
329	Võ Văn Thắng		1	1	
330	Võ Văn Thiệu			1	
	Tổng	7	157	330	0

UBND XÃ PHƯỚC GIANG

TRƯỞNG

Lê Kh

<i> cấp nước</i>
<i> Công trình CNQMHGD****</i>
<i>(7)</i>
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
330

NG THÔN

10a Bảng

Biểu mẫu số 1: Cấp thôn
Hiện trạng sử dụng nước sinh hoạt hộ gia đình năm 2025
 Thôn An Hòa, xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi.

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT****	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Phạm Văn Lương		1	1		1
2	Phạm Văn Tinh			1		1
3	Bạch Thanh Vinh		1	1		1
4	Bạch Công		1	1		1
5	Phạm Thị Tịnh		1	1		1
6	Nguyễn Tấn Huệ		1	1		1
7	Võ Thanh Tùng			1		1
8	Huỳnh Thị Lý		1	1		1
9	Nguyễn Thị Hoàng Hương			1		1
10	Phan Tấn		1	1		1
11	Nguyễn Thị Thê		1	1		1
12	Nguyễn Ngọc Hồng		1	1		1
13	Trần Thị Vàng		1	1		1
14	Lê Thị Phương		1	1		1
15	Nguyễn Ngọc Dương		1	1		1
16	Nguyễn Côi			1		1
17	Nguyễn Linh			1		1
18	Nguyễn Thị Uyên			1		1
19	Nguyễn Vũ			1		1
20	Nguyễn Thanh Hồng		1	1		1
21	Nguyễn Thị Thảo		1	1		1
22	Nguyễn Thảo			1		1
23	Nguyễn Báu		1	1		1
24	Nguyễn Đức Biên			1		1
25	Nguyễn Văn Tuyền			1		1
26	Trần Thiệp		1	1		1
27	Nguyễn Thị Huệ			1		1
28	Thị Văn Quang			1		1
29	Trần Chín		1	1		1
30	Nguyễn Thị Thành			1		1
31	Nguyễn Ích		1	1		1
32	Nguyễn Văn Vệ		1	1		1
33	Ngô Thị Ba		1	1		1
34	Phan Bình		1	1		1
35	Nguyễn Văn Dương			1		1
36	Phan Duy			1		1
37	Đoàn Thị Tánh			1		1
38	Trần Ngọc Hoàng		1	1		1
39	Võ Thị Nghiệm	1	1	1		1
40	Phạm Văn Chính		1	1		1
41	Nguyễn Đức Bửu		1	1		1
42	Phùng Thị Đức		1	1		1
43	Lê Văn Nhân			1		1
44	Nguyễn Văn Ánh		1	1		1
45	Phạm Văn Phụng		1	1		1
46	Phạm Lâm Vũ		1	1		1
47	Nguyễn Đức Ánh		1	1		1
48	Lê Thị Quỳnh Sâm			1		1
49	Nguyễn Tấn Hoàng Nam		1	1		1
50	Nguyễn Phương Tiên		1	1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
51	Phạm Hồng Thái		1	1		1
52	Nguyễn Hồng Nhân		1	1		1
53	Nguyễn Tân Tình		1	1		1
54	Phan Thường		1	1		1
55	Nguyễn Sơn		1	1		1
56	Trần Quang Khải		1	1		1
57	Lê Thị Đông		1	1		1
58	Trần Ngọc Cậ			1		1
59	Huỳnh Tân Tiến		1	1		1
60	Trần Ngọc Diệu		1	1		1
61	Nguyễn Nhung		1	1		1
62	Đỗ Đình Tân		1	1		1
63	Thi Văn Nam			1		1
64	Lê Văn Thiên			1		1
65	Võ Duy Tri		1	1		1
66	Võ Duy Tiến		1	1		1
67	Trần Đức Hòa			1		1
68	Trần Đức Thuận			1		1
69	Tạ Kim Hùng		1	1		1
70	Phan Hải		1	1		1
71	Phan Hoàng		1	1		1
72	Nguyễn Thị Vân		1	1		1
73	Trần Ngọc Sơn		1	1		1
74	Nguyễn Văn Truyền		1	1		1
75	Võ Đăng Khoa		1	1		1
76	Phạm Ngọc Thịnh			1		1
77	Đỗ Đình Khương		1	1		1
78	Phạm Thị Thanh Hiếu			1		1
79	Nguyễn Thiên Hiền		1	1		1
80	Phan Hoa			1		1
81	Nguyễn Văn Huy		1	1		1
82	Nguyễn Thị Kim Liên			1		1
83	Nguyễn Thanh Hùng			1		1
84	Đoàn Quang Hồng			1		1
85	Phạm Công Sơn		1	1		1
86	Nguyễn Thị Ai		1	1		1
87	Nguyễn Văn Hồng		1	1		1
88	Phan Lân		1	1		1
89	Nguyễn Thân			1		1
90	Trần Bảy			1		1
91	Lê Thị Kim Tuyến		1	1		1
92	Trịnh Thanh Cường			1		1
93	Nguyễn Văn Nhất			1		1
94	Nguyễn Dũng			1		1
95	Nguyễn Sáu		1	1		1
96	Nguyễn Thị Thơ		1	1		1
97	Nguyễn Đức Dục		1	1		1
98	Nguyễn Minh Trình		1	1		1
99	Nguyễn Tấn Dụng			1		1
100	Nguyễn Tấn Bảo		1	1		1
101	Nguyễn Quý			1		1
102	Trịnh Thị Kim Liên			1		1
103	Võ Chí Đạt		1	1		1
104	Nguyễn Tấn Vinh			1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
105	Phạm Văn Thành			1		1
106	Võ Văn Hồng		1	1		1
107	Lê Ngọc Bé			1		1
108	Trịnh Văn Minh		1	1		1
109	Nguyễn Xuân			1		1
110	Nguyễn Quốc Thắng		1	1		1
111	Nguyễn Thị Hoa		1	1		1
112	Trần Thanh Hưng		1	1		1
113	Đoàn Khắc Nghị		1	1		1
114	Mai Danh			1		1
115	Phạm Thanh Đồng			1		1
116	Nguyễn Anh Tuấn			1		1
117	Bùi Anh Dũng		1	1		1
118	Bùi Anh Hùng		1	1		1
119	Nguyễn Thị Thùy			1		1
120	Nguyễn Thái Hạnh		1	1		1
121	Đặng Văn Thành		1	1		1
122	Lê Thiện Tiếp		1	1		1
123	Nguyễn Tấn Xem		1	1		1
124	Trần Hoài Tường			1		1
125	Lê Văn Thịnh		1	1		1
126	Võ Ngọc Vũ		1	1		1
127	Nguyễn Nghiệp		1	1		1
128	Nguyễn Thuê			1		1
129	Nguyễn Văn Tám		1	1		1
130	Nguyễn Văn Hạnh			1		1
131	Trần Cao Hoàng		1	1		1
132	Trần Thị Nở			1		1
133	Phan Đồng		1	1		1
134	Chế Thị Mười		1	1		1
135	Huỳnh Bảy		1	1		1
136	Phan Ngọt			1		1
137	Nguyễn Thị Mười			1		1
138	Phạm Thị Tâm		1	1		1
139	Nguyễn Thị Tơ		1	1		1
140	Nguyễn Hùng		1	1		1
141	Nguyễn Lộc			1		1
142	Nguyễn Thị Tuấn			1		1
143	Nguyễn Văn Dũng (Thế)		1	1		1
144	Nguyễn Văn Hòa		1	1		1
145	Nguyễn Thị Trọng			1		1
146	Nguyễn Huân		1	1		1
147	Nguyễn Văn Oanh		1	1		1
148	Nguyễn Đức Giảng			1		1
149	Chế Quang Khai		1	1		1
150	Nguyễn Ngọc Hiệp		1	1		1
151	Nguyễn Ngọc Ba			1		1
152	Lương Thị Ê Ly		1	1		1
153	Nguyễn Đức Em		1	1		1
154	Nguyễn Đức Báu			1		1
155	Hồ Một			1		1
156	Phan Lan			1		1
157	Phan Hùng		1	1		1
158	Nguyễn Đức Thịnh		1	1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
159	Trần Ngọc Hoanh		1	1		1
160	Nguyễn Đức Thiện			1		1
161	Nguyễn Đức Huy		1	1		1
162	Phan Ngọc		1	1		1
163	Phan Trang		1	1		1
164	Đỗ Tứ Phương			1		1
165	Phan Tuấn		1	1		1
166	Đỗ Thị Thụy		1	1		1
167	Nguyễn Thị Thân		1	1		1
168	Trịnh Đông Hùng		1	1		1
169	Huỳnh Thị Phận			1		1
170	Nguyễn Tịnh			1		1
171	Phan Cương			1		1
172	Nguyễn Tấn Ba			1		1
173	Nguyễn Thị Hạnh	I	1	1		1
174	Nguyễn Thế Linh		1	1		1
175	Nguyễn Văn Tuấn		1	1		1
176	Phan Tân			1		1
177	Trần Văn Huynh			1		1
178	Trần Văn Huân		1	1		1
179	Trần Thị Anh	I	1	1		1
180	Nguyễn Duy Hoàng		1	1		1
181	Nguyễn Đình Nam			1		1
182	Phạm Xuân Diệu		1	1		1
183	Nguyễn Văn Phát		1	1		1
184	Nguyễn Văn Khoa			1		1
185	Nguyễn Văn Thịnh		1	1		1
186	Nguyễn Xuân Đồng			1		1
187	Trần Ngọc Trinh			1		1
188	Trần Thị Thông			1		1
189	Nguyễn Thị Thúy		1	1		1
190	Phạm Ngọc Duy			1		1
191	Huỳnh Thanh Tuấn		1	1		1
192	Hồ Thân		1	1		1
193	Nguyễn Văn Đề			1		1
194	Bạch Thanh Tâm			1		1
195	Nguyễn Thị Thủy		1	1		1
196	Bạch Văn Ba			1		1
197	Trần Cao Trung		1	1		1
198	Nguyễn Thị Xuân			1		1
199	Nguyễn Văn Vinh			1		1
200	Nguyễn Thị Kim Anh		1	1		1
201	Nguyễn Thị Bân			1		1
202	Nguyễn Thị Sen			1		1
203	Đỗ Hoàng	I	1	1		1
204	Đỗ Phụ			1		1
205	Đỗ Quốc Vương			1		1
206	Phạm Thị Thỉnh		1	1		1
207	Phạm Đăng Hoanh			1		1
208	Nguyễn Đình Bảy			1		1
209	Huỳnh Thị Năm		1	1		1
210	Phạm Ngọc Mười			1		1
211	Phạm Mãi		1	1		1
212	Phan Đường		1	1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
213	Nguyễn Thị Hồng Hoa			1		1
214	Nguyễn Văn Vàng		1	1		1
215	Trần Huy Mẫn			1		1
216	Lê Phước Đông		1	1		1
217	Phạm Đăng Trình		1	1		1
218	Phạm Đăng Thịnh		1	1		1
219	Lê Thị Thuyền		1	1		1
220	Phạm Thị Giới		1	1		1
221	Trần Văn Trọng		1	1		1
222	Phạm Đăng Chinh			1		1
223	Nguyễn Văn Thanh			1		1
224	Nguyễn Đình Huy		1	1		1
225	Thị Thị Lan			1		1
226	Thị Văn Trị		1	1		1
227	Nguyễn Thị Minh Tâm			1		1
228	Nguyễn Văn Quyền		1	1		1
229	Trần Thanh Vũ			1		1
230	Bạch Thị Lý		1	1		1
231	Nguyễn Văn Sáo			1		1
232	Nguyễn Thị Vân	1	1	1		1
233	Nguyễn Văn Tâm		1	1		1
234	Nguyễn Văn Ba			1		1
235	Phạm Vang		1	1		1
236	Huỳnh Thị Ba			1		1
237	Phạm Nguyên Hùng		1	1		1
238	Nguyễn Đức Tự		1	1		1
239	Nguyễn Đức Hoành			1		1
240	Tông Thị Mùa		1	1		1
241	Nguyễn Thị Nga		1	1		1
242	Nguyễn Văn Dũng		1	1		1
243	Lê Trung Tấn		1	1		1
244	Lê Thiện Nửa		1	1		1
245	Nguyễn Hiệp Sỹ		1	1		1
246	Nguyễn Hồng		1	1		1
247	Trần Văn Thụ		1	1		1
248	Nguyễn Khắc Việt			1		1
249	Phan Xuân		1	1		1
250	Nguyễn Đức Thức		1	1		1
251	Nguyễn Đức Hồng			1		1
252	Võ Thị Đồng			1		1
253	Nguyễn Đức Hiếu			1		1
254	Nguyễn Đức Linh			1		1
255	Nguyễn Đức Phong		1	1		1
256	Nguyễn Cường		1	1		1
257	Nguyễn Đức Chiến		1	1		1
258	Nguyễn Đức Công			1		1
259	Nguyễn Sâu		1	1		1
260	Nguyễn Sô			1		1
261	Phạm Tấn Sinh		1	1		1
262	Nguyễn Đức Phi			1		1
263	Trần Ngọc Hoàng			1		1
264	Nguyễn Khắc Nam		1	1		1
265	Nguyễn Văn Y			1		1
266	Nguyễn Đức Anh			1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
267	Nguyễn Đức Tạo		1	1		1
268	Lê Thị Kim Tuyến			1		1
269	Nguyễn Đức Dương		1	1		1
270	Bạch Thị Xuân			1		1
271	Hồ Dũng			1		1
	Tổng	5	161	271	0	271

UBND XÃ PHƯỚC GIANG

TRƯỞNG THÔN

Võ Văn Bé

Biểu mẫu số 1: Cấp thôn
Hiện trạng sử dụng nước sinh hoạt hộ gia đình năm 2025
 Thôn Kim Thành, xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Nguyễn Xuân Hưu		1	1		1
2	Nguyễn Thị Lựu	I		1		1
3	Nguyễn Sơn			1		1
4	Đỗ Trịnh		1	1		1
5	Lê Tấn Sáu		1	1		1
6	Phạm Linh			1		1
7	Nguyễn Huệ		1	1		1
8	Phạm Đình (Thích)		1	1		1
9	Võ Thị Nhân			1		1
10	Phạm Trạng		1	1		1
11	Huỳnh Tấn Đình			1		1
12	Nguyễn Thị Huệ			1		1
13	Võ Văn Tấn		1	1		1
14	Đỗ Quang Kim			1		1
15	Nguyễn Thị Hà			1		1
16	Nguyễn Thị Than			1		1
17	Nguyễn Thị Nương			1		1
18	Đinh Thị Hoa		1	1		1
19	Huỳnh Thị Bông	I		1		1
20	Đoàn Thị Xuân Vinh		1	1		1
21	Lê Văn Hân		1	1		1
22	Lê Xuân Dũng			1		1
23	Lê Xuân Đài		1	1		1
24	Nguyễn Thị Bực			1		1
25	Đỗ Quang Duyệt		1	1		1
26	Võ Ngọc Bảy		1	1		1
27	Nguyễn Thị An			1		1
28	Lê Thị Ái			1		1
29	Lê Thị Tàu			1		1
30	Lê Thị Truật			1		1
31	Trần Thị Chánh		1	1		1
32	Phạm Tám			1		1
33	Nguyễn Hiền Triết			1		1
34	Nguyễn Khoa Phước		1	1		1
35	Nguyễn Thị Tuần		1	1		1
36	Nguyễn Thị Nhung			1		1
37	Huỳnh Thị Sự		1	1		1
38	Phạm Hồi		1	1		1
39	Phạm Ngọc Thạch	I		1		1
40	Nguyễn Thị Tám			1		1
41	Phạm Phong			1		1
42	Phạm Thị Chi			1		1
43	Nguyễn Thị Đồng			1		1
44	Nguyễn Bốn			1		1
45	Trần Dân	I		1		1
46	Nguyễn Tấn Ích			1		1
47	Lê Thị Huân			1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGĐ****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
48	Đỗ Thị Cừu			1		1
49	Trần Ngọc Lăng			1		1
50	Lê Thị Cẩm			1		1
51	Phạm Ngọc Thành		1	1		1
52	Nguyễn Tám			1		1
53	Nguyễn Văn Nguyên			1		1
54	Nguyễn Phụ			1		1
55	Ngô Thị Toán			1		1
56	Phạm Thị Lan			1		1
57	Lê Xuân Viên			1		1
58	Nguyễn Hồng Nguyên			1		1
59	Nguyễn Thị Lượng			1		1
60	Lê Xuân Xanh			1		1
61	Nguyễn Tấn Diêu			1		1
62	Đỗ Thâm			1		1
63	Lê Văn Sự			1		1
64	Nguyễn Trung Lượng			1		1
65	Phạm Thị Hạnh			1		1
66	Thị Văn Toa			1		1
67	Nguyễn Tấn Thiên		1	1		1
68	Nguyễn Thị Minh	I		1		1
69	Nguyễn Thị Ngọc			1		1
70	Nguyễn Thị Hạnh	1		1		1
71	Nguyễn Thị Cảnh			1		1
72	Nguyễn Thiện Cháp			1		1
73	Dương Thị Nhâm		1	1		1
74	Nguyễn Thị Phụ			1		1
75	Nguyễn Thị Đoàn		1	1		1
76	Nguyễn Thị Ngà		1	1		1
77	Đỗ Phụ		1	1		1
78	Tổng Duy Thương		1	1		1
79	Trần Thị Bông		1	1		1
80	Nguyễn Thị Cúc	I		1		1
81	Mai Thị Công			1		1
82	Hồ Thị Cúc		1	1		1
83	Lê Thị Nương		1	1		1
84	Lê Tấn Ba		1	1		1
85	Nguyễn Xuân Tín			1		1
86	Võ Thị Thừa	I		1		1
87	Nguyễn Thị Kim Anh		1	1		1
88	Trần Thị Mai		1	1		1
89	Lê Văn Toại		1	1		1
90	Nguyễn Linh			1		1
91	Nguyễn Thị Kim Cúc		1	1		1
92	Lê Văn Oanh		1	1		1
93	Nguyễn Hải		1	1		1
94	Võ Thị Tám			1		1
95	Nguyễn Ngọt			1		1
96	Nguyễn Mới			1		1
97	Đỗ Quang Khanh		1	1		1
98	Nguyễn Thị Mỹ	I		1		1
99	Hồ Chí Thắng		1	1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
100	Đinh Hiền			1		1
101	Hồ Thị Thường		1	1		1
102	Trương Quang Trọng		1	1		1
103	Huỳnh Ngọc Hội		1	1		1
104	Lê Thị Phi		1	1		1
105	Nguyễn Đình Hân		1	1		1
106	Nguyễn Thùy	I		1		1
107	Nguyễn Lợi		1	1		1
108	Nguyễn Thị Niên			1		1
109	Bùi Thanh Hải			1		1
110	Chê Thanh		1	1		1
111	Lê Thị Khương			1		1
112	Nguyễn Thành		1	1		1
113	Lê Thị Kim Liên		1	1		1
114	Nguyễn Thị Kiêm			1		1
115	Nguyễn Thị Dung	I		1		1
116	Nguyễn Thị Đề			1		1
117	Lê Thị Hòa			1		1
118	Phạm Thòa			1		1
119	Đặng Thị Giánh			1		1
120	Lê Văn Hòa		1	1		1
121	Huỳnh Thị Ba	I		1		1
122	Võ Văn Linh		1	1		1
123	Thị Văn Hào		1	1		1
124	Nguyễn Thị Chín		1	1		1
125	Lê Quang Thê		1	1		1
126	Lương Thị Hào			1		1
127	Lưu Hữu Quý			1		1
128	Phạm Bình			1		1
129	Võ Hữu Nhơn		1	1		1
130	Võ Đức Tuấn		1	1		1
131	Phạm Đăng Ninh			1		1
132	Nguyễn Tài			1		1
133	Nguyễn Tấn Ngọt		1	1		1
134	Lê Văn Hữu		1	1		1
135	Nguyễn Thị Bảy		1	1		1
136	Phan Thị Bình			1		1
137	Trịnh Thị Xuân Mai		1	1		1
138	Nguyễn Thị Đoan		1	1		1
139	Nguyễn Thị Xuân		1	1		1
140	Phạm Đăng Khoa		1	1		1
141	Phạm Hồng Thái			1		1
142	Nguyễn Vận		1	1		1
143	Lê Văn Thanh			1		1
144	Võ Duy Chín		1	1		1
145	Huỳnh Văn Nghi			1		1
146	Lê Thị Tuệ			1		1
147	Lê Văn Vũ		1	1		1
148	Phạm Tấn Vinh			1		1
149	Nguyễn Vạn Năng		1	1		1
150	Đỗ Quang Phụng		1	1		1
151	Phạm Ngọc Dương			1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGĐ****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
152	Đặng Thị Mai		1	1		1
153	Phạm Thị Thiện		1	1		1
154	Huỳnh Thị Thu Thủy		1	1		1
155	Võ Văn Tất		1	1		1
156	Phạm Văn Thủy		1	1		1
157	Lê Thị Hân	I		1		1
158	Nguyễn Thị Bích Thu		1	1		1
159	Đỗ Thị Tý Bốn			1		1
160	Mai Diêm			1		1
161	Lê Văn Tất			1		1
162	Nguyễn Văn Trọng		1	1		1
163	Nguyễn Linh Quý		1	1		1
164	Võ Thị Loan			1		1
165	Phạm Hạng			1		1
166	Phạm Văn Hội		1	1		1
167	Lê Quang Diệu		1	1		1
168	Võ Ngọc Sáu		1	1		1
169	Trần Văn Cương			1		1
170	Nguyễn Thị Kim Tuyền			1		1
171	Lê Văn Xanh		1	1		1
172	Lê Thị Bốn		1	1		1
173	Thị Văn Cách		1	1		1
174	Lê Thị Kính		1	1		1
175	Trần Thị Miên		1	1		1
176	Đỗ Quốc Khánh			1		1
177	Nguyễn Thiện Thận			1		1
178	Lê Văn Nho		1	1		1
179	Trần Thị Tánh			1		1
180	Nguyễn Thị Thanh Luyện			1		1
181	Lê Văn Chu			1		1
182	Nguyễn Thị Tân	I	1	1		1
183	Lê Xuân Phương		1	1		1
184	Lê Cường		1	1		1
185	Võ Văn Phương			1		1
186	Phạm Thị Chuyện		1	1		1
187	Võ Duy Mười		1	1		1
188	Lê Nào Anh			1		1
189	Nguyễn Thương			1		1
190	Lê Văn Nam		1	1		1
191	Phan Dân		1	1		1
192	Nguyễn Duy Minh		1	1		1
193	Phạm Quốc Sự			1		1
194	Nguyễn Thị Ba		1	1		1
195	Nguyễn Ty		1	1		1
196	Nguyễn Văn Danh			1		1
197	Phạm Quốc Khởi			1		1
198	Võ Duy Anh		1	1		1
199	Võ Thị Tuyên		1	1		1
200	Lê Hồng Minh		1	1		1
201	Nguyễn Vạn Quân		1	1		1
202	Nguyễn Chung		1	1		1
203	Tổng Văn Chính		1	1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
204	Đỗ Quang Quát			1		1
205	Phạm Văn Hòa		1	1		1
206	Lê Thị Sáu		1	1		1
207	Lê Văn Cường		1	1		1
208	Nguyễn Tấn Duy		1	1		1
209	Lê Xuân Thái		1	1		1
210	Lê Thị Thu Thủy		1	1		1
211	Hồ Phiên		1	1		1
212	Thị Văn Mười			1		1
213	Lê Văn Hiến			1		1
214	Lê Công Sơn		1	1		1
215	Trần Đình Thanh		1	1		1
216	Võ Mai Thảo			1		1
217	Nguyễn Tài		1	1		1
218	Nguyễn Dũng	1		1		1
219	Nguyễn Mạnh		1	1		1
220	Lê Văn Hội	1	1	1		1
221	Lê Văn Phùng			1		1
222	Nguyễn Bồ		1	1		1
223	Hồ Thị Thoang	1		1		1
224	Nguyễn Thanh Liêm		1	1		1
225	Lê Thị Ba	1		1		1
226	Nguyễn Vạn Tình			1		1
227	Nguyễn Văn Ngọc			1		1
228	Lương Thị Ngọc Ai			1		1
229	Nguyễn Đình Mười		1	1		1
230	Nguyễn Thị Phin		1	1		1
231	Nguyễn Thị Mai Hương			1		1
232	Nguyễn Ngọc		1	1		1
233	Trần Ngọc Dược		1	1		1
234	Lê Thị Hỷ			1		1
235	Nguyễn Thị Hưng		1	1		1
236	Lê Văn Nhân		1	1		1
237	Nguyễn Thị Phú			1		1
238	Nguyễn Thị Chung		1	1		1
239	Nguyễn Văn Giới		1	1		1
240	Nguyễn Vạn Thuận		1	1		1
241	Mai Văn Thương			1		1
242	Phạm Ngọc Khánh		1	1		1
243	Nguyễn Văn Long		1	1		1
244	Phạm Thị Minh Vân		1	1		1
245	Thị Thị Sáu			1		1
246	Mai Đồng			1		1
247	Trần Xuân Thanh		1	1		1
248	Phạm Bá Đoan		1	1		1
249	Đỗ Quang Lưu			1		1
250	Thị Văn Quyết			1		1
251	Võ Hữu Hoàng		1	1		1
252	Nguyễn Duy Phong			1		1
253	Lê Xuân Thạch		1	1		1
254	Phạm Ngọc Thời			1		1
255	Võ Duy Phương		1	1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
256	Lê Quang Thục		1	1		1
257	Nguyễn Vạn Thành			1		1
258	Lê Văn Quân			1		1
259	Phạm Văn Phú			1		1
260	Bùi Thị Lao			1		1
261	Nguyễn Văn Kính			1		1
262	Trần Đoan		1	1		1
263	Đỗ Quang Lầu			1		1
264	Nguyễn Tiến Lực		1	1		1
265	Thị Văn Quăng		1	1		1
266	Mai Bằng			1		1
267	Đỗ Quang Phương			1		1
268	Nguyễn Duy Thân		1	1		1
269	Nguyễn Thị Dung	I		1		1
270	Huỳnh Thị Liên		1	1		1
271	Đinh Văn Thiệu		1	1		1
272	Thị Văn Hoàng		1	1		1
273	Đỗ Quang Khương			1		1
274	Hồ Sùng		1	1		1
275	Lưu Ngọc Tuấn		1	1		1
276	Nguyễn Xuân Phương		1	1		1
277	Nguyễn Thị Xuân Phương		1	1		1
278	Nguyễn Đình Hoan		1	1		1
279	Nguyễn Văn Lô		1	1		1
280	Võ Văn Chấn			1		1
281	Huỳnh Thị Côi		1	1		1
282	Võ Văn Tuấn		1	1		1
283	Nguyễn Thanh Lâm			1		1
284	Nguyễn Vạn Chính			1		1
285	Lê Tấn Độ		1	1		1
286	Phạm Việt Bảo		1	1		1
287	Võ Duy Pha		1	1		1
288	Lê Văn Huyền		1	1		1
289	Huỳnh Thị Lê	I		1		1
290	Nguyễn Văn Vĩnh		1	1		1
291	Trịnh Đông Hào		1	1		1
292	Phạm Ngọc Lực			1		1
293	Lê Văn Huân		1	1		1
294	Phạm Thế Mỹ			1		1
295	Võ Giang Hải		1	1		1
296	Trần Văn Đồng		1	1		1
297	Võ Chí Năm		1	1		1
298	Phạm Thị Thiệt			1		1
299	Nguyễn Xuân Hồi		1	1		1
300	Trần Thị Thu Hương		1	1		1
301	Nguyễn Minh Tâm		1	1		1
302	Võ Chí Thanh		1	1		1
303	Thị Văn Định		1	1		1
304	Nguyễn Hữu Hạnh		1	1		1
305	Nguyễn Thị Hân	I		1		1
306	Phạm Ngọc Tàu Em		1	1		1
307	Đỗ Thị Mỹ Lệ Tuyên		1	1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
308	Lê Bé			1		1
309	Trịnh Tiến		1	1		1
310	Lê Thị Màu			1		1
311	Nguyễn Hữu Hậu		1	1		1
312	Nguyễn Thị Thận			1		1
313	Võ Thị Tuệ		1	1		1
314	Đỗ Quang Phách		1	1		1
315	Nguyễn Bảo		1	1		1
316	Trần Ngọc Việt			1		1
317	Lê Văn Quang Khoa			1		1
318	Chê Hoàng Duân		1	1		1
319	Lê Thị Thanh Thảo		1	1		1
320	Phạm Đình Trúc		1	1		1
321	Lê Thanh Việt			1		1
322	Võ Thành Huy		1	1		1
323	Nguyễn Tấn Niên		1	1		1
324	Nguyễn Thái Uy		1	1		1
325	Nguyễn Thị Minh Thư	I		1		1
326	Mai Văn Bình		1	1		1
327	Thị Văn Kỳ		1	1		1
328	Phạm Duy			1		1
329	Nguyễn Đình Hồng		1	1		1
330	Nguyễn Văn Lợi		1	1		1
331	Đỗ Thị Thu Trang			1		1
332	Đỗ Quang Trị		1	1		1
333	Võ Thị Ngọc Em		1	1		1
334	Đỗ Thị Quyên		1	1		1
335	Trần Thích		1	1		1
336	Hồ Thuyết		1	1		1
337	Nguyễn Thị Thuật			1		1
338	Lưu Thị Lại			1		1
339	Nguyễn Thiên Sơn			1		1
340	Trần Thị Hùng		1	1		1
341	Nguyễn Văn Minh			1		1
342	Trần Ngọc Trai			1		1
343	Võ Văn Rin			1		1
344	Nguyễn Thị Phương Thúy		1	1		1
345	Nguyễn Thị Thu Thúy	I	1	1		1
346	Nguyễn Thị Thu Phương		1	1		1
347	Nguyễn Thị Anh		1	1		1
348	Nguyễn Thị Tý			1		1
349	Nguyễn Duy Đoan			1		1
350	Nguyễn Tôn		1	1		1
351	Đỗ Quang Cư			1		1
352	Nguyễn Thị Xuân Ba			1		1
353	Nguyễn Thị Sáu	I		1		1
354	Trần Thị Điền		1	1		1
355	Phạm Minh Thư		1	1		1
356	Phạm Thị Ly		1	1		1
357	Nguyễn Duy Duy			1		1
358	Võ Được		1	1		1
359	Lê Văn Thảo			1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
360	Lê Văn Cần			1		1
361	Phạm Ngọc Linh		1	1		1
362	Chê Hồng Lâm			1		1
363	Đỗ Quang Dy		1	1		1
364	Đỗ Quang Linh		1	1		1
365	Nguyễn Minh Ngải		1	1		1
	Tổng	24	197	365	0	365

UBND XÃ PHƯỚC GIANG

TRƯỞNG THÔN

Nguyễn Vạn Năng

Biểu mẫu số 1: Cấp thôn
Hiện trạng sử dụng nước sinh hoạt hộ gia đình năm 2025
 Thôn Trung Mỹ, xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi.

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			<i>Nước sạch theo quy chuẩn*</i>	<i>Nước hợp vệ sinh**</i>	<i>Công trình CNSNTTT***</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Phạm Thị Nú			<i>l</i>	
2	Đinh Thị Nga			<i>l</i>	
3	Đinh Hùng		<i>l</i>	<i>l</i>	
4	Đinh Danh			<i>l</i>	
5	Đinh Trót		<i>l</i>	<i>l</i>	
6	Đinh Trua			<i>l</i>	
7	Đinh Hải			<i>l</i>	
8	Đinh Trà		<i>l</i>	<i>l</i>	
9	Đinh Linh			<i>l</i>	
10	Đinh Vy			<i>l</i>	
11	Đinh Văn			<i>l</i>	
12	Đinh Thị Dền			<i>l</i>	
13	Đinh Thị Sa		<i>l</i>	<i>l</i>	
14	Đinh Thị Miết			<i>l</i>	
15	Đinh Thị Thiên			<i>l</i>	
16	Đinh Ghèo			<i>l</i>	
17	Đinh Dũng			<i>l</i>	
18	Đinh Dế		<i>l</i>	<i>l</i>	
19	Đinh Thanh Viên			<i>l</i>	
20	Đinh Bình			<i>l</i>	
21	Đinh Sơn			<i>l</i>	
22	Đinh Trót			<i>l</i>	
23	Đinh Văn Ý			<i>l</i>	
24	Đinh Văn Lang			<i>l</i>	
25	Đinh Chờ			<i>l</i>	
26	Đinh Thị Dung		<i>l</i>	<i>l</i>	
27	Đinh Thanh Vân			<i>l</i>	
28	Đinh Văn Nít			<i>l</i>	
29	Đinh Ngọc Thạch			<i>l</i>	
30	Phạm Văn Ngon			<i>l</i>	
31	Phạm Ngọc Tùng		<i>l</i>	<i>l</i>	
32	Đinh Lành			<i>l</i>	
33	Đinh Hiền			<i>l</i>	
34	Đinh Văn Xuân			<i>l</i>	
35	Đinh Út		<i>l</i>	<i>l</i>	
36	Đinh Văn Nô			<i>l</i>	
37	Đinh Văn Vinh			<i>l</i>	
38	Đinh Thanh Vi			<i>l</i>	
39	Nguyễn Thành Lũy		<i>l</i>	<i>l</i>	
40	Đinh Thanh Nguyên			<i>l</i>	
41	Đinh Thắng			<i>l</i>	
42	Đinh Văn Hóa		<i>l</i>	<i>l</i>	
43	Đinh Cu			<i>l</i>	
44	Đinh Thị Giúp			<i>l</i>	
45	Đinh Trọng			<i>l</i>	
46	Lê Văn Lĩnh			<i>l</i>	
47	Bùi Tấn Nở		<i>l</i>	<i>l</i>	
48	Bùi Trung Chính		<i>l</i>	<i>l</i>	
49	Lê Xuân Lâm			<i>l</i>	
50	Đỗ Thị Sáu			<i>l</i>	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
51	Phạm Dũng		/	/	
52	Đỗ Thị Phường		/	/	
53	Trương Chín		/	/	
54	Lê Xuân Tam			/	
55	Trương Tám		/	/	
56	Phạm Thị Mười			/	
57	Nguyễn Thị Cúc			/	
58	Đỗ Thị Lập			/	
59	Huỳnh Thị Kim Hận		/	/	
60	Lê Bảo Quốc		/	/	
61	Lê Văn Tứ		/	/	
62	Đỗ Thị Khoảng	/		/	
63	Huỳnh Thị Kim Hận		/	/	
64	Trần Xuân Hoanh			/	
65	Trần Như		/	/	
66	Nguyễn Thị Nho			/	
67	Lê Xuân Đồng		/	/	
68	Phạm Bê			/	
69	Nguyễn Hữu Tùng		/	/	
70	Đỗ Quang Duy		/	/	
71	Lê Văn Thông		/	/	
72	Võ Huỳnh Lan		/	/	
73	Huỳnh Luật		/	/	
74	Huỳnh Văn Tiến		/	/	
75	Hồ Chí Trọng		/	/	
76	Huỳnh Thị Liễu			/	
77	Đỗ Quang Phục		/	/	
78	Đỗ Quang Đông		/	/	
79	Đỗ Quang Liễu			/	
80	Đỗ Quang Sâm			/	
81	Lê Văn Thao		/	/	
82	Trần Dũng			/	
83	Nguyễn Thị Tám		/	/	
84	Nguyễn Lâm			/	
85	Nguyễn Vạn Hợp		/	/	
86	Nguyễn Vạn Bình		/	/	
87	Mai Văn Hồng		/	/	
88	Nguyễn Được			/	
89	Nguyễn Vạn Thận		/	/	
90	Nguyễn Thị Hoa		/	/	
91	Nguyễn Phi Long		/	/	
92	Nguyễn Văn Hạnh		/	/	
93	Nguyễn Đình Châu		/	/	
94	Lê Thị Tuyết			/	
95	Lê Xuân Tạo		/	/	
96	Lê Thị Túy			/	
97	Trương Thị Ngọc Dung			/	
98	Phạm Ngọc Chiến			/	
99	Trần Nhơn		/	/	
100	Nguyễn Về			/	
101	Nguyễn Thị Xuân Thắm		/	/	
102	Hồ Chí Tịnh			/	
103	Phạm Thị Mười		/	/	
104	Trần Bê On			/	
105	Lê Tấn Bốn		/	/	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
106	Đỗ Thị Hợi			/	
107	Nguyễn Tấn Chi		/	/	
108	Đào Ngọc Tấn			/	
109	Đào Văn Anh			/	
110	Nguyễn Thị Minh Nga	/		/	
111	Phạm Thị Hồng Thu		/	/	
112	Bùi Văn Hưng			/	
113	Phạm Văn Thành			/	
114	Chế Thị Dung		/	/	
115	Lâm Thanh		/	/	
116	Lâm Thị Mùi		/	/	
117	Lê Văn Xuất		/	/	
118	Nguyễn Thị Mà			/	
119	Lê Nơi			/	
120	Huỳnh Ngọc Hưng		/	/	
121	Lê Hải			/	
122	Thị Văn Toán		/	/	
123	Thị Văn Thuật			/	
124	Thị Văn Thâm			/	
125	Nguyễn Tòng		/	/	
126	Lê Văn Nhứt		/	/	
127	Phạm Đình Thương			/	
128	Nguyễn Hùng			/	
129	Hồ Thuyền		/	/	
130	Hồ Chí Tùng			/	
131	Nguyễn Vạn Xuân			/	
132	Đỗ Huỳnh		/	/	
133	Võ Duy Chín			/	
134	Lê Thị Vàng			/	
135	Đỗ Xuân Thơm		/	/	
136	Lê Văn Lương		/	/	
137	Huỳnh Tho		/	/	
138	Phạm Văn Hải		/	/	
139	Nguyễn Thị Bảy			/	
140	Lâm Văn Thành		/	/	
141	Lê Thị Nhiều			/	
142	Võ Duy Bình			/	
143	Đỗ Thị Diệp		/	/	
144	Nguyễn Thị Thu			/	
145	Lê Thị Thu Sương		/	/	
146	Huỳnh Xuân Huy			/	
147	Phạm Thị Liên		/	/	
148	Võ Ngọc Tám			/	
149	Lê Cự		/	/	
150	Võ Văn Hòa			/	
151	Lê Văn Hoanh		/	/	
152	Đào Văn Rê		/	/	
153	Nguyễn Minh Tính		/	/	
154	Đỗ Thị Xuân Nương		/	/	
155	Lê Văn Doan		/	/	
156	Huỳnh Văn Đi			/	
157	Nguyễn Phi Hùng			/	
158	Nguyễn Trung Thương		/	/	
159	Hồ Nhật			/	
160	Tổng Thị Lợi			/	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
161	Lê Văn Duy		1	1	
162	Võ Văn Tú			1	
163	Nguyễn Thái Hận			1	
164	Nguyễn Minh Toán		1	1	
165	Chê Thị Liên			1	
166	Hà Xuân Minh		1	1	
167	Nguyễn Văn Nam			1	
168	Nguyễn Thanh Lung		1	1	
169	Nguyễn Thị Thanh Luyện			1	
170	Nguyễn Minh Thùy		1	1	
171	Lê Cửu		1	1	
172	Nguyễn Quân		1	1	
173	Nguyễn Việt Xuân		1	1	
174	Nguyễn Tiến Khôi		1	1	
175	Trần Đình Lộc		1	1	
176	Thị Văn Thuật		1	1	
177	Phạm Ngọc Đồng		1	1	
178	Nguyễn Tấn Thế		1	1	
179	Lê Tấn Niên			1	
180	Phạm Văn Ngon		1	1	
181	Nguyễn Phi Nông			1	
182	Võ Thị Liên		1	1	
183	Trần Ngọc Thanh		1	1	
184	Hồ Thị Thắm			1	
185	Nguyễn Lý Hùng		1	1	
186	Trương Thị Tiếng			1	
	Tổng	2	90	186	0

UBND XÃ PHƯỚC GIANG

TRƯỞNG

Huỳnh

cấp nước

Công trình
CNQMHGĐ****

(7)

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

$$\frac{1}{1}$$
$$\frac{1}{1}$$
$$\frac{1}{1}$$
$$\frac{1}{1}$$
$$\frac{l}{1}$$
$$\frac{l}{1}$$
$$\frac{l}{1}$$

186

NG THÔN

nh Luật

Biểu mẫu số 1: Cập thôn
Hiện trạng sử dụng nước sinh hoạt hộ gia đình năm 2025
 Thôn Kim Thành Thượng, xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi.

Sst	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			<i>Nước sạch theo quy chuẩn*</i>	<i>Nước hợp vệ sinh**</i>	<i>Công trình CNSNTTT***</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Lê Văn Hào		1	1	
2	Nguyễn Điền		1	1	
3	Phạm Thanh Tân		1	1	
4	Lê Văn Cương		1	1	
5	Lê văn Chiêu		1	1	
6	Lê Văn Ninh (Bim)		1	1	
7	Võ Thanh Bình		1	1	
8	Võ Thị Lan		1	1	
9	Bùi Chải		1	1	
10	Trần Thị Thúy			1	
11	Nguyễn Cang		1	1	
12	Đoàn Văn Tùng		1	1	
13	Lê Ngọc Linh		1	1	
14	Lê Văn Trước		1	1	
15	Lê Văn Phụ		1	1	
16	Lê văn đạt		1	1	
17	Nguyễn Thanh Hùng			1	
18	Nguyễn Thị Thông(TR)		1	1	
19	Nguyễn Thị Tuân			1	
20	Phan Ngọc Hiếu		1	1	
21	Nguyễn Văn Nga		1	1	
22	Bùi Tá Cảnh(thỉnh)			1	
23	Nguyễn Thành Châu		1	1	
24	Trương Thị Nê		1	1	
25	Trần Phụ			1	
26	Nguyễn Thị Diệu	1	1	1	
27	Nguyễn Ngọc Hòa		1	1	
28	Nguyễn Tấn Đức		1	1	
29	Lê Thị Hương		1	1	
30	Lê Văn Hiến		1	1	
31	Võ Thị Trinh		1	1	
32	Nguyễn Đức Thắng		1	1	
33	Nguyễn Pháp		1	1	
34	Phan Phong		1	1	
35	Nguyễn Thị Nở (Hương)		1	1	
36	Võ Thanh Vinh		1	1	
37	Cao Thị Đường		1	1	
38	Nguyễn Tấn Sĩ		1	1	
39	Nguyễn T. Hoàng Nhung		1	1	
40	Nguyễn Tấn Hà		1	1	
41	Nguyễn Thị Túy			1	
42	Lê Thị Hiến			1	
43	Đoàn Văn Anh (Điều)			1	
44	Võ Phúc		1	1	
45	Võ Anh Thọ		1	1	
46	Võ Sĩ Chinh		1	1	
47	Nguyễn Văn Hưng		1	1	
48	Đỗ Pháp		1	1	
49	Nguyễn Văn Huy		1	1	
50	Nguyễn Hùng	1		1	
51	Nguyễn Liêm		1	1	
52	Nguyễn Dũng		1	1	
53	Nguyễn Trung Thạnh		1	1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
54	Nguyễn Văn Tại		1	1	
55	Nguyễn Văn Bảo		1	1	
56	Huỳnh Trung Tấn		1	1	
57	Nguyễn Đào		1	1	
58	Nguyễn Thị Phụng		1	1	
59	Nguyễn Vũ (Thái)		1	1	
60	Nguyễn Trung Chính		1	1	
61	Nguyễn Sỹ Vĩnh		1	1	
62	Đoàn Văn Thanh		1	1	
63	Võ Khúc Vũ		1	1	
64	Nguyễn Tấn Mạnh		1	1	
65	Phạm Phương Tài		1	1	
66	Nguyễn Hữu Dương		1	1	
67	Trương Công Tuấn		1	1	
68	Trương Thanh (Hoa)			1	
69	Nguyễn Trường		1	1	
70	Nguyễn Xuân Diệu		1	1	
71	Nguyễn Quỳnh		1	1	
72	Nguyễn Văn Vũ		1	1	
73	Phan Chánh		1	1	
74	Cao Văn Thịnh (2 Ký)		1	1	
75	Võ Duy Toại		1	1	
76	Nguyễn Thị Phấn		1	1	
77	Võ Truyện		1	1	
78	Trương Sự		1	1	
79	Nguyễn Viết Thanh		1	1	
80	Cao Ngọt		1	1	
81	Cao Mật		1	1	
82	Cao Quang Hải		1	1	
83	Huỳnh Nguyên		1	1	
84	Phạm Nguyên		1	1	
85	Lê Thị Thủy			1	
86	Nguyễn Thế Huy		1	1	
87	Huỳnh Thị Bích Đào		1	1	
88	Võ Thị Nhuận			1	
89	Trương Công Kính		1	1	
90	Nguyễn Tư		1	1	
91	Phạm Thị Tường			1	
92	Lưu Thị Tám (Ngon)		1	1	
93	Lê Tấn			1	
94	Nguyễn Quốc Trường		1	1	
95	Nguyễn Thị Thơm		1	1	
96	Nguyễn Lục (Mô)		1	1	
97	Nguyễn Thị Thứ		1	1	
98	Lê Văn Phát		1	1	
99	Nguyễn Thị Thông (Nghĩa)		1	1	
100	Lê Hùng (sin)		1	1	
101	Nguyễn Thị Tại			1	
102	Phạm Tạo		1	1	
103	Phạm Thị Xí (Mai)		1	1	
104	Trần Thị Chín		1	1	
105	Nguyễn Thị Nghĩa			1	
106	Nguyễn Mô		1	1	
107	Đặng Tài		1	1	
108	Cao Thường		1	1	
109	Võ Thành Trục		1	1	
110	Võ Thanh Bình (Ngại)		1	1	
111	Lê Thông (Đoàn)		1	1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
112	Lê Hùng (Thủy)		1	1	
113	Phạm Thanh Hiền			1	
114	Hà Thanh Hiền		1	1	
115	Phạm Minh Tân		1	1	
116	Lê Xuân Hòa		1	1	
117	Đỗ Thuê		1	1	
118	Lê Thị Hạnh		1	1	
119	Phạm Thị Mùi		1	1	
120	Lê Văn Quới			1	
121	Nguyễn Tấn Tài		1	1	
122	Nguyễn Tấn Của		1	1	
123	Phan Thê		1	1	
124	Đỗ Hữu		1	1	
125	Hồ Tôn		1	1	
126	Lê Thị Xuân Hưng			1	
127	Trần Thị Tư		1	1	
128	Phan Ngọc Thảo (Kính)			1	
129	Lê Trung			1	
130	Lê Văn Ánh		1	1	
131	Lê Văn Ngọc		1	1	
132	Phan Dương		1	1	
133	Phan Xuân		1	1	
134	Lê Xuân Đây		1	1	
135	Nguyễn Thị Đoàn		1	1	
136	Nguyễn Đức Thoại		1	1	
137	Nguyễn Văn Trị		1	1	
138	Lê Xuân Dũng		1	1	
139	Nguyễn Thiệt		1	1	
140	Nguyễn Chiến		1	1	
141	Hà Thanh Hải		1	1	
142	Võ Thị Tầm			1	
143	Đỗ Tám		1	1	
144	Đỗ Quang Phú		1	1	
145	Nguyễn Chánh		1	1	
146	Đỗ Lưu		1	1	
147	Trần Xuân Thanh		1	1	
148	Nguyễn Văn Tịnh		1	1	
149	Nguyễn Lục (Phượng)		1	1	
150	Hà Văn Tôn		1	1	
151	Nguyễn Đường		1	1	
152	Hồ Ty			1	
153	Trương Thị Ái			1	
154	Nguyễn Trung Nghĩa			1	
155	Cao Huyền		1	1	
156	Lê Dương Vân (Tân)(sáu)		1	1	
157	Lâm Thị Vàng		1	1	
158	Nguyễn T. Hoanh (Linh)			1	
159	Nguyễn Tuấn		1	1	
160	Trương Lý		1	1	
161	Nguyễn Thị Đào (Bông)			1	
162	Trương Thị Thúy			1	
163	Nguyễn Thương		1	1	
164	Nguyễn Tám		1	1	
165	Trương Thọ		1	1	
166	Nguyễn Thị Sáu		1	1	
167	Nguyễn Quang Khanh		1	1	
168	Nguyễn Quang Tuyên		1	1	
169	Nguyễn Quang Lực		1	1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
170	Trương Bình (Khánh)		1	1	
171	Nguyễn Thị Khi		1	1	
172	Lê Hồng Duy		1	1	
173	Nguyễn Thị Lang (Lon)		1	1	
174	Phan Cư (Minh)		1	1	
175	Huỳnh Thuyền		1	1	
176	Phan Thắng		1	1	
177	Nguyễn Tân Lai		1	1	
178	Nguyễn Cư (Nương)			1	
179	Trương Hy		1	1	
180	Trương Cư (nà)		1	1	
181	Huỳnh Ngọc		1	1	
182	Nguyễn Thanh Vinh		1	1	
183	Trương Tới		1	1	
184	Nguyễn Sơn		1	1	
185	Phan Cường (Mùi)		1	1	
186	Lê Văn Thảo		1	1	
187	Phạm Thị Vân		1	1	
188	Nguyễn Ché		1	1	
189	Lê Tín		1	1	
190	Dương Thới		1	1	
191	Lê Xuân Công		1	1	
192	Lê Xuân Thành (Diệp)		1	1	
193	Lê Thị Kiều Anh		1	1	
194	Võ Duy Năm(Võ Thị Hương)		1	1	
195	Phạm Thị Dế		1	1	
196	Nguyễn Tư (Đào)		1	1	
197	Trương Văn Thanh (Tùng)		1	1	
198	Nguyễn Thiên		1	1	
199	Nguyễn Tính		1	1	
200	Phạm Công		1	1	
201	Nguyễn Thanh (Lăng)		1	1	
202	Hồ Thị Huyền			1	
203	Nguyễn Bốn		1	1	
204	Nguyễn Thị Nga		1	1	
205	Tạ Công Hậu			1	
206	Võ Lượng		1	1	
207	Võ Một		1	1	
208	Nguyễn Thị Bích Lạc		1	1	
209	Nguyễn Thị Năm			1	
210	Nguyễn Văn Khánh (Bốn)		1	1	
211	Phạm Nhạn			1	
212	Lê Văn Bảo		1	1	
213	Trần Lâu		1	1	
214	Nguyễn Thị Tài			1	
215	Nguyễn Lập		1	1	
216	Phạm Thị Hạnh		1	1	
217	Lê Văn Bảy	1		1	
218	Nguyễn Ánh		1	1	
219	Nguyễn Đức Mạnh		1	1	
220	Nguyễn Đức Tiến		1	1	
221	Nguyễn Đức Quang		1	1	
222	Đặng Văn Hy		1	1	
223	Phạm Thị Đa		1	1	
224	Nguyễn Công		1	1	
225	Nguyễn Lý		1	1	
226	Võ Tấn		1	1	
227	Nguyễn Tiết		1	1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
228	Bùi Tấn Thành		1	1	
229	Đặng Thị Mai			1	
230	Huỳnh Ngọc Hiền		1	1	
231	Nguyễn Thanh		1	1	
232	Nguyễn Tri		1	1	
233	Cao Thị Hương (Ngọc)		1	1	
234	Nguyễn Giới		1	1	
235	Lê Hồng Sang		1	1	
236	Phạm Hùng		1	1	
237	Vương Tuấn Nhân		1	1	
238	Nguyễn Trung		1	1	
239	Lê Ngọc Trang		1	1	
240	Lê Vũ Bảo		1	1	
241	Bùi Quang Hòa		1	1	
242	Trịnh Nam		1	1	
243	Cao Thị Minh Thùy			1	
244	Trương Hùng		1	1	
245	Nguyễn Thị Hường			1	
246	Trương Quảng		1	1	
247	Võ Quê		1	1	
248	Phạm Ngọc Kiều		1	1	
249	Lê Văn Phán		1	1	
250	Cao Minh Tâm		1	1	
251	Trương Văn Tùng		1	1	
252	Nguyễn Kia		1	1	
253	Nguyễn Tâm		1	1	
254	Nguyễn Quảng		1	1	
255	Phạm Hùng		1	1	
256	Nguyễn Tấn Lộc		1	1	
257	Lê Xuân Dũng		1	1	
258	Phan Văn Hùng		1	1	
259	Nguyễn Tàu		1	1	
260	Lê xuân Thuyền		1	1	
261	Phan Thương		1	1	
262	Nguyễn Thị Điềm			1	
263	Nguyễn Trị (kê)			1	
264	Nguyễn Quang Sơn		1	1	
265	Hồ Vàng		1	1	
266	Nguyễn Quang Long		1	1	
267	Lê Hồng Minh		1	1	
268	Võ Ba		1	1	
269	Võ Bốn		1	1	
270	Lê Văn Cự		1	1	
271	Võ Huê		1	1	
272	Đặng Thị Liễu			1	
273	Trần Thị An			1	
274	Nguyễn Thị Hữu			1	
275	Lê Văn Thanh		1	1	
276	Lê Văn Nga		1	1	
277	Lê Văn Thảo		1	1	
278	Võ Tấn		1	1	
279	Phạm Thuộc		1	1	
280	Võ Văn Trường		1	1	
281	Võ Huy		1	1	
282	Nguyễn Ba		1	1	
283	Nguyễn Sơn		1	1	
284	Nguyễn Thị Phụ			1	
285	Nguyễn Thị Tư			1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
286	Bùi Thị Hòe		1	1	
287	Lê Thị Hợi			1	
288	Võ Văn Tổ		1	1	
289	Nguyễn Quang Pháp		1	1	
290	Võ Thị Luân		1	1	
291	Nguyễn Nhứt		1	1	
292	Nguyễn Thanh Tuấn		1	1	
293	Trịnh Minh Thành		1	1	
294	Đinh Quang Công		1	1	
295	Lương Thị Loan		1	1	
296	Nguyễn Việt		1	1	
297	Nguyễn Văn Thịnh		1	1	
298	Võ Duy Tân		1	1	
299	Lê Thị Đương		1	1	
300	Nguyễn Tấn Nghĩa		1	1	
301	Lê Thị Thu Đông		1	1	
302	Lê Mạnh			1	
303	Lê Thị Nguyệt		1	1	
304	Nguyễn Sinh			1	
305	Võ Thị Hoa Quýt			1	
306	Nguyễn Đình Huyền		1	1	
307	Võ Thương		1	1	
308	Phạm Tiến		1	1	
309	Võ Minh Cường			1	
310	Trương Công Pháp		1	1	
311	Phạm Thanh Tứ		1	1	
312	Trần Tiên		1	1	
313	Nguyễn Hòa			1	
314	Nguyễn Thanh Sơn			1	
315	Võ Tàu			1	
316	Lê Văn Danh			1	
317	Lê Thị Kim Chi			1	
318	Võ Văn Châu		1	1	
319	Lê Thị Lương		1	1	
320	Phạm Minh(Phạm Thị Hoa)		1	1	
321	Nguyễn Thị Lê (Năm)			1	
322	Bùi Thị Tôn		1	1	
323	Bùi Tá Cảnh		1	1	
324	Trần Hồng Huy		1	1	
325	Nguyễn Thị Lê		1	1	
326	Phạm Hồng Thiệu		1	1	
327	Nguyễn Tấn Ổ		1	1	
328	Võ Văn Chính		1	1	
329	Nguyễn Thành		1	1	
330	Nguyễn Thị Hương			1	
331	Huỳnh Hùng		1	1	
332	Trương Quang Đường		1	1	
333	Võ văn Lại		1	1	
334	Trương Văn Bình		1	1	
335	Võ Văn Chát		1	1	
336	Quảng Chí Hường		1	1	
337	Hồ Bốn		1	1	
338	Nguyễn Quang (út)		1	1	
339	Phạm Thị Sửu		1	1	
340	Phùng Thị Kim Quy		1	1	
341	Nguyễn Lan		1	1	
342	Phan Hương		1	1	
343	Nguyễn Nhân		1	1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
344	Nguyễn Thị kim Tạo			1	
345	Phạm Kiều		1	1	
346	Trần Văn Tư		1	1	
347	Phan Thị Đôn(Nguyễn Thị Ánh)			1	
348	Phan Thị Hoa		1	1	
349	Trần Thị Xuân An			1	
350	Nguyễn Hùng			1	
351	Huỳnh văn Hạnh		1	1	
352	Nguyễn Sánh			1	
353	Nguyễn Tỷ Phú		1	1	
354	Hồ Thị Biều		1	1	
355	Trần Hoa		1	1	
356	Mai Đồng		1	1	
357	Mai Ngọc Dược		1	1	
358	Hồ Thị Nhỏ		1	1	
359	Nguyễn Ngâm		1	1	
360	Võ thị Bích		1	1	
361	Hồ Trâm			1	
362	Trần văn Sơn		1	1	
363	Phan Phú		1	1	
364	Phạm Thị Tý		1	1	
365	Trần Thị Quý			1	
366	Nguyễn Châu		1	1	
367	Hồ Ba	1		1	
368	Nguyễn Những		1	1	
369	Lê Thị Tuyết Nhung			1	
370	Quảng Chí Cường		1	1	
371	Phan Dũng		1	1	
372	Quảng Chí Hưng		1	1	
373	Bùi Thị Thuận			1	
374	Phạm Lương Ôn			1	
375	Võ Đi			1	
376	Nguyễn Thị Hoa			1	
377	Nguyễn Thị Thương		1	1	
378	Võ Thị Xuân Hồng	1		1	
379	Nguyễn Hồng B		1	1	
380	Nguyễn Thị Kim Anh		1	1	
381	Trần Thị Mai			1	
382	Cao Thị Thanh Tùng			1	
383	Lê Thị Giàu		1	1	
384	Nguyễn Sâm			1	
385	Phạm Văn Sang	1		1	
386	Nguyễn Tân Cư		1	1	
387	Nguyễn Thiên			1	
388	Lê Ngọc Nguyên		1	1	
389	Nguyễn Hồng A		1	1	
390	Nguyễn Thị Luật		1	1	
391	Nguyễn Thượng Hoàng		1	1	
392	Nguyễn Thường			1	
393	Nguyễn Vũ			1	
394	Nguyễn Thịnh			1	
395	Nguyễn Tấn Thanh		1	1	
396	Nguyễn Thị Oanh		1	1	
397	Lê Văn Sinh		1	1	
398	Nguyễn Văn Bình		1	1	
399	Nguyễn Toàn		1	1	
400	Phạm Duy Khánh		1	1	
401	Mai Vẻ		1	1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
402	Nguyễn Minh Chính		1	1	
403	Nguyễn Quang Nhựt		1	1	
404	Trương Ngọc Tân		1	1	
405	Trần Xô		1	1	
406	Võ Nhựt		1	1	
407	Nguyễn Thanh Tịnh		1	1	
408	Nguyễn Toán			1	
409	Nguyễn Tấn Trung		1	1	
410	Nguyễn Tấn Đạt		1	1	
411	Mại Ngọc Cẩm		1	1	
412	Phan Dân		1	1	
413	Phan Đạo			1	
414	Nguyễn Văn Duy		1	1	
415	Lê Trung Vương		1	1	
416	Nguyễn Văn Trung			1	
417	Phạm Tuấn Đạt		1	1	
418	Võ Thị Hồng Thanh		1	1	
419	Phạm Hồng Linh		1	1	
420	Nguyễn Tấn		1	1	
421	Nguyễn Học		1	1	
422	Nguyễn Khoa		1	1	
423	Trương Văn Thi			1	
424	Trần Văn Nhật		1	1	
425	Nguyễn Thị Tâm		1	1	
426	Nguyễn Sáu			1	
427	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm			1	
428	Lê Văn Thống			1	
429	Nguyễn Văn Tuyên	1	1	1	
430	Phạm Đình Quyết			1	
431	Phạm Duy Tân		1	1	
432	Lê Văn Vũ	1		1	
433	Nguyễn Thanh Tân		1	1	
434	Võ Thị Cúc	1		1	
435	Phạm Thị Lê	1		1	
436	Nguyễn Cương		1	1	
	Tổng	10	346	436	0

UBND XÃ PHƯỚC GIANG

TRƯỞNG

Nguy

[illegible]

NG THÔN

Thẩm Pháp

Biểu mẫu số 1: Cấp thôn
Hiện trạng sử dụng nước sinh hoạt hộ gia đình năm 2025
 Thôn Đồng Vinh, xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi.

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Phạm Chữ		1	1	
2	Võ Thị Thanh			1	
3	Nguyễn Quỳnh		1	1	
4	Hồ Ngọc		1	1	
5	Nguyễn Văn Tòa		1	1	
6	Võ Thị Châu			1	
7	Võ Văn Hiến		1	1	
8	Cao Văn Ngọ		1	1	
9	Lê Quang Vinh		1	1	
10	Võ Thị Hoa		1	1	
11	Võ Tới		1	1	
12	Võ Nôi		1	1	
13	Nguyễn Thị Bằng			1	
14	Trần Văn Vui		1	1	
15	Võ Biên		1	1	
16	Nguyễn Câu		1	1	
17	Võ Thanh Tâm		1	1	
18	Võ Thanh Liêm		1	1	
19	Nguyễn Thị Thạnh			1	
20	Lâm Thị Đào			1	
21	Võ Văn Nhị		1	1	
22	Nguyễn Thị Lễ			1	
23	Phạm Thị Hồng Vân		1	1	
24	Trần Tâm		1	1	
25	Nguyễn Thị Tuyết		1	1	
26	Trịnh Công Ứng		1	1	
27	Trịnh Công Thanh		1	1	
28	Đỗ Chuân		1	1	
29	võ thị nương			1	
30	Ngô Công		1	1	
31	Ngô Văn Vụ		1	1	
32	Ngô Văn Cảnh			1	
33	Ngô Văn Nhàn		1	1	
34	Nguyễn Tấn Dung		1	1	
35	Đặng khánh Vương			1	
36	Cao Văn Linh		1	1	
37	Đặng Thị Phương		1	1	
38	Đặng Vui		1	1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
39	Xa Thị Tuyết			1	
40	Lê Lập		1	1	
41	Phạm Thị Mai		1	1	
42	Đặng Tư		1	1	
43	Võ Thanh Hòa		1	1	
44	Nguyễn Thị Nhân			1	
45	Phạm Thị Trường		1	1	
46	Trần Ngọc		1	1	
47	Trần Tiến		1	1	
48	Cao Cường		1	1	
49	Võ Văn Mẫn		1	1	
50	Trần Ngọc Sơn		1	1	
51	Huỳnh Thị Hận			1	
52	Trịnh Công Nhị		1	1	
53	Trần Ngọc Hùng		1	1	
54	Trần Ngọc Dũng		1	1	
55	Phạm Thị Năm		1	1	
56	Lưu Tân		1	1	
57	Lưu Lộc		1	1	
58	Huỳnh Thị Thu		1	1	
59	Lưu Bảy		1	1	
60	Trần Đạo		1	1	
61	Võ Văn Thêm		1	1	
62	Phạm Dương Hải		1	1	
63	Nguyễn Đề		1	1	
64	Lưu Trung		1	1	
65	Trần Đình Hảo		1	1	
66	Đặng Mùi			1	
67	Võ Xuân Ba		1	1	
68	Đặng Thị Định		1	1	
69	Phạm Luyến		1	1	
70	Xa Tấn Vương		1	1	
71	Xa Tấn Phúc			1	
72	Phạm Nghê		1	1	
73	Phạm Thị Mong		1	1	
74	Lâm Thị Vang			1	
75	Lưu Thị Hảo			1	
76	Lê Thị Sự			1	
77	Huỳnh Linh		1	1	
78	Phạm Khắc Hiếu		1	1	
79	Võ Luận		1	1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
80	Lương Thị Ngọt		1	1	
81	Huỳnh Dũng		1	1	
82	Trần Thị Thìn			1	
83	Võ Quy		1	1	
84	Võ Tư		1	1	
85	Phạm Phiến		1	1	
86	Nguyễn Đăng Dậu		1	1	
87	Phạm Đình Tấn		1	1	
88	Phạm Vọng		1	1	
89	Phạm Hồng Trí		1	1	
90	Nguyễn Thị Hiếu		1	1	
91	Phạm Lạc		1	1	
92	Phạm Thị Tứ		1	1	
93	Đặng Thị Nhâm		1	1	
94	Võ Thị Năm	1		1	
95	Võ Quang Ngọc		1	1	
96	Võ Văn Bảy		1	1	
97	Trần Ngọc Thạch		1	1	
98	Võ Thị Lên		1	1	
99	Huỳnh Thanh Trà		1	1	
100	Võ Thanh Long		1	1	
101	Võ Đường		1	1	
102	Ngô Thị Lên		1	1	
103	Trần Mậu Mạnh		1	1	
104	Trần Mậu Định		1	1	
105	Trần Mậu Điều		1	1	
106	Trần Thị Minh			1	
107	Hồ Thị Định		1	1	
108	Phạm Tính		1	1	
109	Bùi Thị Cúc		1	1	
110	Phạm Dược (Đội)		1	1	
111	Ngô Thị Nga		1	1	
112	Võ Đông		1	1	
113	Phạm Hùng		1	1	
114	Ngô Thường		1	1	
115	Trần Thị Năm		1	1	
116	Đoàn Vàng		1	1	
117	Đoàn Nghiệp		1	1	
118	Phạm Thị Luận		1	1	
119	Phạm Thị Thành		1	1	
120	Lê Văn Việt		1	1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
121	Hà Kỳ Hùng		<i>l</i>	<i>l</i>	
122	Võ Hồng Việt		<i>l</i>	<i>l</i>	
123	Phạm Thị Minh Thị		<i>l</i>	<i>l</i>	
124	Võ Duy Truyền		<i>l</i>	<i>l</i>	
125	Võ Phong		<i>l</i>	<i>l</i>	
126	Võ Duy Phương		<i>l</i>	<i>l</i>	
127	Ngô Văn Tâm		<i>l</i>	<i>l</i>	
128	Võ Trọng Lập		<i>l</i>	<i>l</i>	
129	Võ Trọng Sâm		<i>l</i>	<i>l</i>	
130	Võ Thận		<i>l</i>	<i>l</i>	
131	Trịnh Xuân Dũng		<i>l</i>	<i>l</i>	
132	Nguyễn Tấn Phong		<i>l</i>	<i>l</i>	
133	Nguyễn Danh		<i>l</i>	<i>l</i>	
134	Nguyễn Thị Giỏi		<i>l</i>	<i>l</i>	
135	Nguyễn Thị Anh		<i>l</i>	<i>l</i>	
136	Võ Cự		<i>l</i>	<i>l</i>	
137	Nguyễn Thị Phong		<i>l</i>	<i>l</i>	
138	Phạm Lực		<i>l</i>	<i>l</i>	
139	Phạm Dược (Cư)		<i>l</i>	<i>l</i>	
140	Phạm Hương		<i>l</i>	<i>l</i>	
141	Nguyễn Giáp		<i>l</i>	<i>l</i>	
142	Phạm Phú		<i>l</i>	<i>l</i>	
143	Trần Tiên		<i>l</i>	<i>l</i>	
144	Trương Quang Cần		<i>l</i>	<i>l</i>	
145	Trần Thị Minh		<i>l</i>	<i>l</i>	
146	Đỗ Thị Hường		<i>l</i>	<i>l</i>	
147	Nguyễn Thị Hương		<i>l</i>	<i>l</i>	
148	Phạm Thị Thiết		<i>l</i>	<i>l</i>	
149	Trần Thị Anh		<i>l</i>	<i>l</i>	
150	Trần Cửa		<i>l</i>	<i>l</i>	
151	Phạm Thị Liên		<i>l</i>	<i>l</i>	
152	Võ Thanh Hùng		<i>l</i>	<i>l</i>	
153	Phạm Thị Quyên		<i>l</i>	<i>l</i>	
154	Võ Thanh Huyền		<i>l</i>	<i>l</i>	
155	Võ Thanh Hành		<i>l</i>	<i>l</i>	
156	Lưu Thị Khanh		<i>l</i>	<i>l</i>	
157	Phạm Phước (Bảy)		<i>l</i>	<i>l</i>	
158	Phạm Thị Tám		<i>l</i>	<i>l</i>	
159	Cao Thị Lý		<i>l</i>	<i>l</i>	
160	Trần Phường		<i>l</i>	<i>l</i>	
161	Nguyễn Thị Loan		<i>l</i>	<i>l</i>	
162	Phạm Thúc		<i>l</i>	<i>l</i>	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
163	Phạm Tình		<i>l</i>	<i>l</i>	
164	Trần Tường		<i>l</i>	<i>l</i>	
165	Phạm Lai		<i>l</i>	<i>l</i>	
166	Võ Thị Loan		<i>l</i>	<i>l</i>	
167	Phạm Phước (Hào)		<i>l</i>	<i>l</i>	
168	Phạm Lũy		<i>l</i>	<i>l</i>	
169	Phạm Tý		<i>l</i>	<i>l</i>	
170	Phạm Chiến		<i>l</i>	<i>l</i>	
171	Phạm Hà		<i>l</i>	<i>l</i>	
172	Phạm Đoan		<i>l</i>	<i>l</i>	
173	Cao Thị Thủ		<i>l</i>	<i>l</i>	
174	Phạm Cang		<i>l</i>	<i>l</i>	
175	Nguyễn Thị Xuân Ba		<i>l</i>	<i>l</i>	
176	Phạm Thị Thu (hà)		<i>l</i>	<i>l</i>	
177	Phạm Minh Viên		<i>l</i>	<i>l</i>	
178	Bùi Văn Đông		<i>l</i>	<i>l</i>	
179	Nguyễn Văn Tụy		<i>l</i>	<i>l</i>	
180	Lâm Ngọc Đoàn		<i>l</i>	<i>l</i>	
181	Trịnh Lâm Anh		<i>l</i>	<i>l</i>	
182	Trịnh Lâm Pháp		<i>l</i>	<i>l</i>	
183	Trịnh Lâm Tàu			<i>l</i>	
184	Nguyễn Tấn Tính		<i>l</i>	<i>l</i>	
185	Nguyễn Tấn Học		<i>l</i>	<i>l</i>	
186	Nguyễn Tấn Lẹ		<i>l</i>	<i>l</i>	
187	Nguyễn Tấn Thạo		<i>l</i>	<i>l</i>	
188	Võ Phước		<i>l</i>	<i>l</i>	
189	Võ Tạo		<i>l</i>	<i>l</i>	
190	Võ Mười			<i>l</i>	
191	Nguyễn Hoang		<i>l</i>	<i>l</i>	
192	Nguyễn Tấn Lượng		<i>l</i>	<i>l</i>	
193	Nguyễn Tấn Tiếng			<i>l</i>	
194	Trịnh Lâm Ngân		<i>l</i>	<i>l</i>	
195	Nguyễn Toàn		<i>l</i>	<i>l</i>	
196	Nguyễn Thị Tú			<i>l</i>	
197	Lê Văn Pháp		<i>l</i>	<i>l</i>	
198	Phạm Liên		<i>l</i>	<i>l</i>	
199	Phạm Nông		<i>l</i>	<i>l</i>	
200	Phạm Nghiệp		<i>l</i>	<i>l</i>	
201	Phạm Báu		<i>l</i>	<i>l</i>	
202	Phạm Bồn		<i>l</i>	<i>l</i>	
203	Nguyễn Tấn Hiếu		<i>l</i>	<i>l</i>	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
204	Nguyễn Hoàng		1	1	
205	Nguyễn Văn Ca			1	
206	Trần Thị Em			1	
207	Nguyễn Tấn Lịch		1	1	
208	Nguyễn Tấn Còi			1	
209	Trương Thị Liêm		1	1	
210	Trần Đại Trung		1	1	
211	Trương Quang Liễu		1	1	
212	Trương Quang Minh		1	1	
213	Nguyễn Cư		1	1	
214	Nguyễn Cường		1	1	
215	Phạm Lỗi		1	1	
216	Võ Thị Nhân		1	1	
217	Phạm Luận		1	1	
218	Võ Thanh Nguyên		1	1	
219	Trịnh Thị Vò			1	
220	Trương Quang Dương		1	1	
221	Nguyễn Hồng Thạch		1	1	
222	Trương Quang Công		1	1	
223	Phạm Hải (ba)		1	1	
224	Nguyễn Tấn Tam		1	1	
225	Nguyễn Văn Triều		1	1	
226	Nguyễn Bé		1	1	
227	Nguyễn Thị Sen	1		1	
228	Ngô Văn Thanh		1	1	
229	Nguyễn Hồng Mao		1	1	
230	Nguyễn Ngọc		1	1	
231	Nguyễn Hồng Bạo			1	
232	Nguyễn Hồng Mạnh		1	1	
233	Nguyễn Hồng Đoàn		1	1	
234	Phạm Thị Chi		1	1	
235	Nguyễn Hồng Đảnh		1	1	
236	Nguyễn Hồng Dũng			1	
237	Nguyễn Anh Quang		1	1	
238	Võ Nghĩa (huê)		1	1	
239	Nguyễn Tấn Bông			1	
240	Nguyễn Thị Cam		1	1	
241	Nguyễn Công Kiều		1	1	
242	Phạm Thị thu (Bảy)		1	1	
243	Phạm Lợi		1	1	
244	Nguyễn Thị Qua			1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
245	Trần Thị Bửu			1	
246	Phạm Ngọc Sơn		1	1	
247	Võ Thị Bảy		1	1	
248	Võ Văn Vũ		1	1	
249	Võ Văn Bông		1	1	
250	Nguyễn Thị Lan		1	1	
251	Nguyễn Công Chiếu			1	
252	Nguyễn Công Đạo		1	1	
253	Nguyễn Thị Mun		1	1	
254	Lê thị anh			1	
255	Võ Quang			1	
256	Bùi Đình Du		1	1	
257	Nguyễn Công Thủy		1	1	
258	Nguyễn Thị Anh			1	
259	Trần Thị Bé		1	1	
260	Nguyễn Công Diễm		1	1	
261	Nguyễn Văn Tâm		1	1	
262	Nguyễn Văn Khánh		1	1	
263	Nguyễn Văn Khai		1	1	
264	Lê Hường			1	
265	Lê Văn Nên		1	1	
266	Lê Văn Thành		1	1	
267	Võ Thanh Lợi		1	1	
268	Đoàn Ngọc Tuấn		1	1	
269	Nguyễn Tình		1	1	
270	Cao Thị Ngon		1	1	
271	Đoàn Ngọc Linh			1	
272	Phạm Công			1	
273	Nguyễn Thị Lụa		1	1	
274	Phạm Thị Hương			1	
275	Nguyễn Tài		1	1	
276	Phạm Vệ		1	1	
277	Trần Đại Thạch		1	1	
278	Võ Thị Tâm		1	1	
279	Đoàn Thị Huệ		1	1	
280	Võ Duy Luyến		1	1	
281	Võ Thanh Hải		1	1	
282	Phạm Quý		1	1	
283	A Văn Ngôn		1	1	
284	Võ Thị Xị		1	1	
285	Nguyễn Hữu Phụng		1	1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Người
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
286	Nguyễn Hữu Thanh		1	1	
287	Trương Quang Tấn		1	1	
288	Phạm Phương			1	
289	Phạm Hải (Vệ)		1	1	
290	Trương Thị Khiêm		1	1	
291	Ngô Hoàng			1	
292	Nguyễn Đài		1	1	
293	Nguyễn Tấn Thắng		1	1	
294	Nguyễn Thị Bảng			1	
295	Trương Quang Khuyên		1	1	
296	Phạm Hậu		1	1	
	Tổng	2	251	296	0

UBND XÃ PHƯỚC GIANG

TRƯỞ

Lương T

n cấp nước

Công trình
CNQMHGĐ***

(7)

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

n cấp nước

Công trình
CNQMHGĐ****

(7)

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

n cấp nước

Công trình
CNQMHGĐ***

(7)

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

n cấp nước

Công trình
CNQMHGĐ***

(7)

1

1

1

1

1

1

1

1

$$\frac{1}{1}$$

$$\frac{1}{1}$$
$$\frac{1}{1}$$
$$\frac{1}{1}$$
$$\frac{1}{1}$$

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

n cấp nước

Công trình
CNQMHGĐ***

(7)

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

n cấp nước

Công trình
CNQMHGĐ***

(7)

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

Đóng góp của cấp nước

Công trình
*CNQMHGĐ*****

(7)

l

l

l

<i>l</i>

1
1

1
1

I
i

I

l

l

l

l

<i>l</i>

1
1

l
l

l
1

I
ϵ

I

l

l

l

l

I

1
l

l
l

1
1

I
ϵ

1

l

l

l

l

<i>l</i>

1
l

l
l

l
1

I

l

l

l

l

l

<i>l</i>

<i>n cấp nước</i>
<i>Công trình CNQMHGD****</i>
<i>(7)</i>
<i>1</i>
<i>1</i>
<i>1</i>
<i>1</i>
<i>1</i>
<i>1</i>
<i>1</i>
<i>1</i>
<i>1</i>
<i>1</i>
<i>1</i>
296

NG THÔN

hị Kim Ngân

Biểu mẫu số 1: Cấp thôn
Hiện trạng sử dụng nước sinh hoạt hộ gia đình năm 2025
 Thôn Nghĩa Lâm, xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi.

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Nguyễn Văn Tuệ		1	1		1
2	Hồ Thị Dung (Hùng Em)		1	1		1
3	Trịnh Ngọc Sơn		1	1		1
4	Lê Mênh		1	1		1
5	Trịnh Ngọc Thành		1	1		1
6	Trịnh Ngọc Bửu		1	1		1
7	Trịnh Ngọc Nam		1	1		1
8	Trịnh Ngọc Tiên		1	1		1
9	Nguyễn Bảy		1	1		1
10	Nguyễn Sáu		1	1		1
11	Nguyễn Đông		1	1		1
12	Lê Thị Ngọc			1		1
13	Trần Phát		1	1		1
14	Lương Thị Ngọc Phụng		1	1		1
15	Lê Thị Lành			1		1
16	Lê Văn Thảo (Tuế)		1	1		1
17	Trần Bình		1	1		1
18	Lê Thế Hoàng		1	1		1
19	Đinh Thị Mai			1		1
20	Phạm Trợ		1	1		1
21	Nguyễn Văn Chất		1	1		1
22	Ngô Hồng Trung		1	1		1
23	Đinh Công An		1	1		1
24	Phan Thị Nam			1		1
25	Võ Duy Hưng		1	1		1
26	Đinh Công Bình		1	1		1
27	Nguyễn Văn Thịnh		1	1		1
28	Nguyễn Á		1	1		1
29	Đinh Mau		1	1		1
30	Phạm Thị Minh Tâm			1		1
31	Phạm Khắc Luận		1	1		1
32	Đinh Lý		1	1		1
33	Huỳnh Thị Lờ			1		1
34	Võ Thị Thơ			1		1
35	Nguyễn Văn Long		1	1		1
36	Nguyễn Trung		1	1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
37	Nguyễn Thị Thắng			1		1
38	Nguyễn Hương		1	1		1
39	Nguyễn Trung Lai		1	1		1
40	Đinh Công Luật		1	1		1
41	Nguyễn Thị Hoa	1		1		1
42	Đinh Văn Tân		1	1		1
43	Đinh Sur		1	1		1
44	Đinh Thị Hưu		1	1		1
45	Đinh Nguru		1	1		1
46	Đinh Tới		1	1		1
47	Đinh Lưu		1	1		1
48	Đinh Kháng		1	1		1
49	Nguyễn Thị Trúc			1		1
50	Đinh Văn.Hùng		1	1		1
51	Đinh Hậu		1	1		1
52	Đinh Hơ		1	1		1
53	Đinh Hay			1		1
54	Đinh Tâm		1	1		1
55	Tiêu Thị Nga			1		1
56	Nguyễn Thới			1		1
57	Đinh Đường		1	1		1
58	Phạm Sáu		1	1		1
59	Đậu Thị Mãng		1	1		1
60	Phan Ngọc Trinh		1	1		1
61	Tiêu Thị Thúy		1	1		1
62	Đồng Thị Hề			1		1
63	Lương Thị Khái			1		1
64	Lê Tám		1	1		1
65	Trần Lờ		1	1		1
66	Lê Thị Mai		1	1		1
67	Trần Cao Giáp		1	1		1
68	Ngô Đình Tuôi		1	1		1
69	Nguyễn Thị Dung			1		1
70	Ngô Đình Thuận		1	1		1
71	Đinh Thị Bảy			1		1
72	Đinh Công Thuần		1	1		1
73	Đinh Công Trí		1	1		1
74	Đinh Công Thuyên		1	1		1
75	La Sử		1	1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
76	Lê Cảnh		1	1		1
77	Nguyễn Thị Hiếu			1		1
78	Nguyễn Thương		1	1		1
79	Nguyễn Thị Trí			1		1
80	Đinh Tài		1	1		1
81	Đinh Đến		1	1		1
82	Nguyễn Thị Thúc			1		1
83	Nguyễn Hồng		1	1		1
84	Ngô Thị Thứ			1		1
85	Nguyễn Tuất		1	1		1
86	Nguyễn Văn Tấn		1	1		1
87	Nguyễn Thị Thôn			1		1
88	Nguyễn Hợi		1	1		1
89	Trịnh Ngọc Sanh		1	1		1
90	Nguyễn Văn Khoái		1	1		1
91	Nguyễn Văn Nguyên		1	1		1
92	Hồ Cường		1	1		1
93	Nguyễn Tịnh			1		1
94	Nguyễn Thị Khanh			1		1
95	Hồ Tùng		1	1		1
96	Hồ Công		1	1		1
97	Trần Thị Hoa (v)			1		1
98	Lâm Văn Hoàng		1	1		1
99	Nguyễn Văn Bình			1		1
100	Nguyễn Thị Lan		1	1		1
101	Nguyễn Văn Tư		1	1		1
102	Lê Lai		1	1		1
103	Nguyễn Văn Tân			1		1
104	Nguyễn Văn Phong		1	1		1
105	Lê Hà Đông		1	1		1
106	Ngô Hồng Thành		1	1		1
107	Lê Vàng		1	1		1
108	Nguyễn Văn Tụ		1	1		1
109	Đinh Công Tám			1		1
110	Võ Tiết		1	1		1
111	Huỳnh Thị Hồng		1	1		1
112	Nguyễn Thanh Hùng			1		1
113	Đinh Thị Tài		1	1		1
114	Nguyễn Văn Hùng (hảo)		1	1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
115	Nguyễn Văn Toại			1		1
116	Nguyễn Văn Quân		1	1		1
117	Lê Văn Đương			1		1
118	Nguyễn Thị Thời		1	1		1
119	Nguyễn Văn Xuân			1		1
120	Nguyễn Quang			1		1
121	Lê Hà		1	1		1
122	Lê Văn Thùy		1	1		1
123	Nguyễn Lợi		1	1		1
124	Lê Truyện		1	1		1
125	Lê Văn.Nguyễn		1	1		1
126	Lê Văn Lịch		1	1		1
127	Nguyễn Thị Một			1		1
128	Lê Thị Diễm		1	1		1
129	Lê Thị Bốn		1	1		1
130	Lê Văn		1	1		1
131	Hồ Trung			1		1
132	Hồ Được		1	1		1
133	Hồ Quang			1		1
134	Trịnh Quang			1		1
135	Hồ Vĩnh Phước			1		1
136	Nguyễn Thị Tờ		1	1		1
137	Nguyễn Văn Việt		1	1		1
138	Hồ Dương			1		1
139	Phạm Tấn Chuân		1	1		1
140	Phan Thị Lệ Nga			1		1
141	Trần Hải		1	1		1
142	Lê Minh Tông		1	1		1
143	Lê Văn Tuất		1	1		1
144	La Văn Thông		1	1		1
145	Nguyễn Thị Thanh			1		1
146	Lê Thị Nguyệt		1	1		1
147	Lê Văn Liễu		1	1		1
148	Trần Lực (Lai)		1	1		1
149	Nguyễn Văn Thành		1	1		1
150	Đinh Văn Hiệp		1	1		1
151	Ngô Hồng Công			1		1
152	Nguyễn Văn Ba			1		1
153	Lê văn Thuận		1	1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
154	Mai Thanh Quang		1	1		1
155	Đinh Văn Thương			1		1
156	Lê Nhật Linh		1	1		1
157	Huỳnh Thị Phương Dung		1	1		1
158	Đinh Văn Thanh			1		1
159	Nguyễn Thị Kim Chung		1	1		1
160	Nguyễn Văn vũ		1	1		1
161	Nguyễn Văn Ấn		1	1		1
162	Lê Thị Kim Tuyết		1	1		1
163	Nguyễn Thiên		1	1		1
164	Đinh Văn Hiền		1	1		1
165	Ngô Thị Kim Tuyền			1		1
166	Đinh Công Tuyền		1	1		1
167	Bùi Thị Chí			1		1
168	Nguyễn Thị Nhật Hạnh		1	1		1
169	Nguyễn Nhật Cường		1	1		1
170	Đinh Văn Thơm			1		1
171	Đinh Văn Trâm		1	1		1
172	Nguyễn Văn Huy			1		1
173	Nguyễn Văn Cảnh		1	1		1
174	Nguyễn Thị Nhon		1	1		1
175	Trần Thị Minh cảnh			1		1
176	Đinh công Nin		1	1		1
177	Đoàn Thị Bốn			1		1
178	Lê Văn Võ		1	1		1
179	Lê thị Thu Bình	1	1	1		1
180	Phạm Đào		1	1		1
181	Nguyễn Thị Thụy Thuyền		1	1		1
182	Võ Thị Tài		1	1		1
183	Nguyễn Thừa		1	1		1
184	Nguyễn Thị Thu Thảo			1		1
185	Võ Hồ Hải		1	1		1
186	Nguyễn Tính		1	1		1
187	Nguyễn Thị Vân		1	1		1
188	Hồ Thị Ngọc			1		1
189	Nguyễn Văn Độ		1	1		1
190	Bùi Thị Phương			1		1
191	Phan Văn Truyền		1	1		1
192	Võ Thị Thu Sinh		1	1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
193	Trịnh Ngọc Tụ		1	1		1
194	Nguyễn Thị Huyền		1	1		1
195	Võ Đậu		1	1		1
196	Nguyễn Thị Kim Cương			1		1
197	Phạm Văn Đức		1	1		1
198	Trương Có		1	1		1
199	Huỳnh Thị Dền	1		1		1
200	Lê Văn Độ		1	1		1
201	Lương thị Thanh Quý		1	1		1
202	Lê Văn Duyệt			1		1
203	Trần Ngọc Linh		1	1		1
204	Nguyễn Thị Ngọc Quý	1		1		1
205	Ngô Đình Việt		1	1		1
206	Đinh Thị Tường	1		1		1
207	Nguyễn Thiện		1	1		1
208	Nguyễn Thị Nhạn			1		1
	Tổng	5	148	208	0	208

UBND XÃ PHƯỚC GIANG

TRƯỞNG THÔN

Lê Thành Được

Biểu mẫu số 1: Cấp thôn
Hiện trạng sử dụng nước sinh hoạt hộ gia đình năm 2025
Thôn Tân Lập, xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi.

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nguyễn Văn Nam		<i>l</i>	<i>l</i>	
2	Nguyễn Văn Muôn		<i>l</i>	<i>l</i>	
3	Nguyễn Lý		<i>l</i>	<i>l</i>	
4	Nguyễn Hồng Long		<i>l</i>	<i>l</i>	
5	Nguyễn Thị Minh Nguyệt			<i>l</i>	
6	Hồ Thanh Trường		<i>l</i>	<i>l</i>	
7	Nguyễn Mỹ			<i>l</i>	
8	Nguyễn Đăng Duân			<i>l</i>	
9	Đỗ Lành		<i>l</i>	<i>l</i>	
11	Tiêu Cảnh			<i>l</i>	
12	Tiêu Đồng		<i>l</i>	<i>l</i>	
13	Nguyễn Văn Trà		<i>l</i>	<i>l</i>	
14	Nguyễn Văn Khê		<i>l</i>	<i>l</i>	
15	Tiêu Tuận		<i>l</i>	<i>l</i>	
16	Tiêu Ba		<i>l</i>	<i>l</i>	
17	Huỳnh Văn Tấn		<i>l</i>	<i>l</i>	
18	Phạm Lự		<i>l</i>	<i>l</i>	
19	Nguyễn Đăng Nguyên			<i>l</i>	
20	Huỳnh Tấn Linh		<i>l</i>	<i>l</i>	
21	Huỳnh Thị Lệ Huyền		<i>l</i>	<i>l</i>	
22	Tiêu Hoàng		<i>l</i>	<i>l</i>	
23	Tiêu Văn Hải			<i>l</i>	
24	Nguyễn Phương		<i>l</i>	<i>l</i>	
25	Nguyễn Vĩnh Thành		<i>l</i>	<i>l</i>	
26	Nguyễn Tuệ			<i>l</i>	
27	Tiêu Kim		<i>l</i>	<i>l</i>	
28	Đinh Thị Lan			<i>l</i>	
29	Nguyễn Lâm Hùng		<i>l</i>	<i>l</i>	
30	Nguyễn Văn Ký		<i>l</i>	<i>l</i>	
31	Nguyễn Bốn		<i>l</i>	<i>l</i>	
32	Nguyễn Xuân Đường		<i>l</i>	<i>l</i>	
33	Nguyễn Đăng Bình (B)		<i>l</i>	<i>l</i>	
34	Từ Văn Quang		<i>l</i>	<i>l</i>	
35	Từ Thị Kim Liên		<i>l</i>	<i>l</i>	
36	Trương Thị Ân			<i>l</i>	
37	Nguyễn Tấn Tâm		<i>l</i>	<i>l</i>	
38	Phạm Ngọc Mậu			<i>l</i>	
39	Phạm Ngọc Sanh		<i>l</i>	<i>l</i>	
40	Phạm Ngọc Sử		<i>l</i>	<i>l</i>	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn c Công trình CNSNTTT***
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
41	Tiêu Liên		1	1	
42	Nguyễn Thị Tình			1	
43	Nguyễn Hoàng			1	
44	Nguyễn Sự		1	1	
45	Phan Văn Thuần			1	
46	Phạm Duy			1	
47	Phạm Tám			1	
48	Phạm Ngọc Thảo		1	1	
49	Phạm Ngọc Diệp			1	
50	Nguyễn Tấn Lập			1	
51	Lê Thị Thanh			1	
52	Phạm Lơ		1	1	
53	Phạm Khoái		1	1	
54	Nguyễn Thị Xí			1	
55	Phan Được		1	1	
56	Phan Thị Phần	1		1	
57	Phan Văn Tường		1	1	
58	Bùi Văn Thân			1	
59	Nguyễn Tấn Việt		1	1	
60	Nguyễn Tấn Kỳ			1	
61	Nguyễn Tấn Vu		1	1	
62	Phạm Lâm		1	1	
63	Trương Thị Thạnh		1	1	
64	Phạm Anh		1	1	
65	Phạm Lai		1	1	
66	Trần Thị Nga		1	1	
67	Trần Đăng		1	1	
68	Trần Phái		1	1	
69	Trần Đoàn		1	1	
70	Nguyễn Đăng Chất		1	1	
71	Nguyễn Đăng Hường		1	1	
72	Nguyễn Đăng Chí			1	
73	Nguyễn Văn Hiền		1	1	
74	Nguyễn Đăng Triển			1	
75	Nguyễn Đăng Diệp			1	
76	Nguyễn Thị Truyền		1	1	
77	Lương Thị Tuyết Ba			1	
78	Nguyễn Thành Nhân			1	
79	Nguyễn Thị Ảnh	1		1	
80	Nguyễn Đăng Dạm		1	1	
81	Nguyễn Đăng Quang		1	1	
82	Lương Thị Bảo			1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn c
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
83	Nguyễn Đăng Trí		<i>l</i>	<i>l</i>	
84	Nguyễn H Đăng Thức		<i>l</i>	<i>l</i>	
85	Nguyễn Đăng Tuệ		<i>l</i>	<i>l</i>	
86	Nguyễn Thị Liệp			<i>l</i>	
87	Nguyễn Đăng Ất		<i>l</i>	<i>l</i>	
88	Nguyễn Đăng Thới			<i>l</i>	
89	Nguyễn Đăng Diêm		<i>l</i>	<i>l</i>	
90	Nguyễn Đăng Sinh (D)			<i>l</i>	
91	Nguyễn Đăng Quế		<i>l</i>	<i>l</i>	
92	Nguyễn Đăng Quý			<i>l</i>	
93	Nguyễn Tấn Bường		<i>l</i>	<i>l</i>	
94	Nguyễn Đăng Tương		<i>l</i>	<i>l</i>	
95	Nguyễn Còn			<i>l</i>	
96	Lương Thị Kim Anh		<i>l</i>	<i>l</i>	
97	Lưu Thị Sáu		<i>l</i>	<i>l</i>	
98	Đỗ Xuân Lý		<i>l</i>	<i>l</i>	
99	Nguyễn Thiện			<i>l</i>	
100	Nguyễn Thị Thân	<i>l</i>		<i>l</i>	
101	Phạm Thị Thủy			<i>l</i>	
102	Nguyễn Đăng Sinh (L)		<i>l</i>	<i>l</i>	
103	Nguyễn Đăng Lộc		<i>l</i>	<i>l</i>	
104	Nguyễn Đăng Lựu		<i>l</i>	<i>l</i>	
105	Nguyễn Đăng Bình (A)		<i>l</i>	<i>l</i>	
106	Nguyễn Đăng Công		<i>l</i>	<i>l</i>	
107	Nguyễn Đăng Lai		<i>l</i>	<i>l</i>	
108	Đồng Quang Hùng		<i>l</i>	<i>l</i>	
109	Nguyễn Hữu Nguyên			<i>l</i>	
110	Nguyễn Văn Tân		<i>l</i>	<i>l</i>	
111	Nguyễn Hiệp		<i>l</i>	<i>l</i>	
112	Lê Thị Xuân Ba			<i>l</i>	
113	Nguyễn Ngọc Linh		<i>l</i>	<i>l</i>	
114	Nguyễn Ngọc Diệp		<i>l</i>	<i>l</i>	
115	Hồ Thị Thanh		<i>l</i>	<i>l</i>	
116	Lương Kim Tứ		<i>l</i>	<i>l</i>	
117	Nguyễn Văn Vang		<i>l</i>	<i>l</i>	
118	Nguyễn Hữu Một		<i>l</i>	<i>l</i>	
119	Trần Thị Hương			<i>l</i>	
120	Nguyễn Thới		<i>l</i>	<i>l</i>	
121	Lê Thị Soạn		<i>l</i>	<i>l</i>	
122	Nguyễn Thị Sáu (B)			<i>l</i>	
123	Nguyễn Ngọc Sơn		<i>l</i>	<i>l</i>	
124	Trần Thị Thông			<i>l</i>	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn c Công trình CNSNTTT***
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
125	Hồ Chạy		<i>l</i>	<i>l</i>	
126	Phạm Thị Thiện			<i>l</i>	
127	Võ Văn Thanh		<i>l</i>	<i>l</i>	
128	Nguyễn Tấn Thi		<i>l</i>	<i>l</i>	
129	Lê Thanh Nghị		<i>l</i>	<i>l</i>	
130	Huỳnh Nhị		<i>l</i>	<i>l</i>	
131	Nguyễn Đức Tuấn		<i>l</i>	<i>l</i>	
132	Nguyễn Ngọc Tuấn		<i>l</i>	<i>l</i>	
133	Nguyễn Chín		<i>l</i>	<i>l</i>	
134	Nguyễn Thị Liễu			<i>l</i>	
135	Nguyễn Thị Đào			<i>l</i>	
136	Nguyễn Ngọc Tâm		<i>l</i>	<i>l</i>	
137	Nguyễn Ngọc Hải		<i>l</i>	<i>l</i>	
138	Trần Ngọc Tấn		<i>l</i>	<i>l</i>	
139	Bùi Đình Tám		<i>l</i>	<i>l</i>	
140	Nguyễn Thị Sáu (A)			<i>l</i>	
141	Nguyễn Văn Long		<i>l</i>	<i>l</i>	
142	Nguyễn Trung Lắm		<i>l</i>	<i>l</i>	
143	Nguyễn Trung Nhon		<i>l</i>	<i>l</i>	
144	Phạm Hiền		<i>l</i>	<i>l</i>	
145	Nguyễn Trung Viết		<i>l</i>	<i>l</i>	
146	Huỳnh Thị Diễm			<i>l</i>	
147	Đoàn Thị Khương			<i>l</i>	
148	Nguyễn Trung Vàng		<i>l</i>	<i>l</i>	
149	Nguyễn Trung Quý		<i>l</i>	<i>l</i>	
150	Nguyễn Trung Lai		<i>l</i>	<i>l</i>	
151	Nguyễn Đăng Vui		<i>l</i>	<i>l</i>	
152	Trần Lâm		<i>l</i>	<i>l</i>	
153	Trần Lý		<i>l</i>	<i>l</i>	
154	Trương Đồng		<i>l</i>	<i>l</i>	
155	Nguyễn Đăng Vọng		<i>l</i>	<i>l</i>	
156	Phạm Minh Lâm (H)			<i>l</i>	
157	Phạm Minh Sơn			<i>l</i>	
158	Nguyễn Hồng Sơn		<i>l</i>	<i>l</i>	
159	Nguyễn Đình Tinh			<i>l</i>	
160	Nguyễn Đình Trãi		<i>l</i>	<i>l</i>	
161	Nguyễn Tấn Vũ		<i>l</i>	<i>l</i>	
162	Võ Văn Bi		<i>l</i>	<i>l</i>	
163	Lê Văn Quát			<i>l</i>	
164	Ngô Liệu		<i>l</i>	<i>l</i>	
165	Trần Thật		<i>l</i>	<i>l</i>	
166	Nguyễn Lâm Nhật Tiền			<i>l</i>	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn c Công trình CNSNTTT***
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
167	Tiêu Thị Cẩm Đông	1	1	1	
168	Nguyễn thị Tám			1	
169	Bùi Đình Tĩnh		1	1	
170	Nguyễn Đăng Hường		1	1	
171	Nguyễn Thị Mười			1	
172	Nguyễn thị Phê		1	1	
173	Nguyễn Thị Nò			1	
174	Nguyễn Tấn Bốn		1	1	
175	Phạm Văn Lại		1	1	
176	Huỳnh Tấn Huy		1	1	
177	Đỗ Minh Tân		1	1	
178	Trần Ngọc Thông		1	1	
	Tổng	4	121	177	0

UBND XÃ PHƯỚC GIANG

TRƯỞNG

Người

cấp nước

Công trình
*CNQMHGĐ*****

(7)

cấp nước

Công trình
*CNQMHGĐ*****

(7)

1

1

1

l

l

l

l

1

l

l

l

1

1

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

1

l

l

l

l

cấp nước

Công trình
*CNQMHGĐ*****

(7)

1

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

cấp nước

Công trình
CNQMHGĐ****

(7)

l

1

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

l

<i>cấp nước</i>
<i>Công trình CNQMHGD*****</i>
<i>(7)</i>
<i>1</i>
<i>1</i>
<i>1</i>
<i>1</i>
<i>1</i>
<i>1</i>
<i>1</i>
<i>1</i>
<i>1</i>
<i>1</i>
<i>1</i>
<i>1</i>
177

G THÔN

ễn Tài

Biểu mẫu số 1: Cập nhật
Hiện trạng sử dụng nước sinh hoạt hộ gia đình năm 2025
 Thôn Phước Lâm, xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi.

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Nguyễn Thị Hảo		1	1		1
2	Đinh Quang Trung		1	1		1
3	Nguyễn Trọng Hòa		1	1		1
4	Lê Thị Sinh			1		1
5	Chế Thị Lễ			1		1
6	Tổng Phước Thuận			1		1
7	Lương Thị Tình			1		1
8	Ngô Hoàng Mậu		1	1		1
9	Bùi Thị Thứ			1		1
10	Nguyễn Văn Chí		1	1		1
11	Nguyễn Văn Thu		1	1		1
12	Đinh Thị Uyển			1		1
13	Lê Văn Thông		1	1		1
14	Bùi Đình Nhung		1	1		1
15	Trần văn Hoàng		1	1		1
16	Lưu Văn Hiệp			1		1
17	Lưu Văn Ninh		1	1		1
18	Lưu Văn Trị		1	1		1
19	Lưu Ngọc Thanh			1		1
20	Bùi Đình Danh		1	1		1
21	Nguyễn Minh Trung		1	1		1
22	Đinh Tơ			1		1
23	Phạm Văn Phùng		1	1		1
24	Đinh Quốc Thanh			1		1
25	Đinh Quốc Sự		1	1		1
26	Nguyễn văn Chí		1	1		1
27	Nguyễn Thị Kim Tuyết			1		1
28	Phạm Dầu		1	1		1
29	Phạm Minh Vương		1	1		1
30	Hồ Thạch Pháp		1	1		1
31	Lê Nghĩa		1	1		1
32	Lê Công Trứ			1		1
33	Nguyễn Văn Đào		1	1		1
34	Võ Thị Cúc		1	1		1
35	Lê Trường		1	1		1
36	Lê Minh Trỗi			1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
37	Lê Minh Trước		1	1		1
38	Lê Thị Đào		1	1		1
39	Trần Đình Cảnh			1		1
40	Đình Văn Huy		1	1		1
41	Trần Đình Điệp			1		1
42	Phan Thị Mai			1		1
43	Phạm Thành			1		1
44	Nguyễn Văn Thân		1	1		1
45	Nguyễn Thị Minh Thu		1	1		1
46	Lê Thoi			1		1
47	Phạm Quang		1	1		1
48	Phạm Vinh		1	1		1
49	Bùi Thị Công			1		1
50	Bùi Văn Sĩ		1	1		1
51	Nguyễn Đăng Vĩnh		1	1		1
52	Nguyễn Thị Vỹ			1		1
53	Nguyễn Đăng Chính		1	1		1
54	Nguyễn Đăng Phục		1	1		1
55	Nguyễn Đăng Phong		1	1		1
56	Trần Thị Nguyệt		1	1		1
57	Trần Thị Xuyên			1		1
58	Trần Lê		1	1		1
59	Lưu Ngọc Thâm		1	1		1
60	Nguyễn Đăng Hòa		1	1		1
61	Trần Cao Nghị		1	1		1
62	Phạm Thị Tám		1	1		1
63	Trần Cao Trí			1		1
64	Mai Thị Hương		1	1		1
65	Võ Văn Hùng		1	1		1
66	Võ Văn Cứ		1	1		1
67	Bùi Thị Đặng	1		1		1
68	Bùi văn Nghị		1	1		1
69	Đoàn Thế Linh		1	1		1
70	Đoàn Khắc Nghi		1	1		1
71	Nguyễn Cảnh			1		1
72	Nguyễn Hồng chủng		1	1		1
73	Đoàn Thế Đại		1	1		1
74	Nguyễn Văn Nam		1	1		1
75	Nguyễn Văn Tâm		1	1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
76	Đoàn Khắc Lương			1		1
77	Đoàn Thị Minh Dẫn		1	1		1
78	Đoàn Khắc Huân			1		1
79	Phạm Văn Sáu		1	1		1
80	Lâm Quang Bình		1	1		1
81	Ngô Thị Cẩm Liên			1		1
82	Lê Thánh Tôn			1		1
83	Ngô Thị Cẩm Anh	1		1		1
84	Ngô Hoàng Ân		1	1		1
85	Ngô Hoàng Nghĩa		1	1		1
86	Lê Văn Hoàng		1	1		1
87	Lê Kỳ Dụng			1		1
88	Võ Nhật Ánh		1	1		1
89	Trương Vũ		1	1		1
90	Trương Quang			1		1
91	Đinh Thị Nhơn			1		1
92	Nguyễn văn Đoàn		1	1		1
93	Trương Thị Tới	1		1		1
94	Từ Thị Thuởng		1	1		1
95	Nguyễn Thị Nhạc			1		1
96	Nguyễn Thị Út		1	1		1
97	Đinh Thiên Dương			1		1
98	Đoàn Phú Tiên		1	1		1
99	Lê Thị Trí (Lệ)		1	1		1
100	Đoàn Khắc Cự		1	1		1
101	Trần Thị Xuân Hương			1		1
102	Lưu Ngọc Thạch		1	1		1
103	Nguyễn Trung Mỹ			1		1
104	Nguyễn Trung Quý		1	1		1
105	Lê Thị Mai		1	1		1
106	Chế Hồng Liêm			1		1
107	Ngô Tài		1	1		1
108	Nguyễn Văn Đại		1	1		1
109	Lê Bá Ngôn		1	1		1
110	Nguyễn Văn Tính			1		1
111	Lê Bá Trật		1	1		1
112	Nguyễn Văn Trình		1	1		1
113	Nguyễn Văn Hàng		1	1		1
114	Nguyễn Thị Đường (Duật)		1	1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
115	Nguyễn Văn Huy			1		1
116	Nguyễn Thị Thái	1		1		1
117	Nguyễn văn Đông		1	1		1
118	Nguyễn Văn Thạch		1	1		1
119	Nguyễn Thị Lài			1		1
120	Nguyễn Văn Huệ		1	1		1
121	Nguyễn Văn Viêng		1	1		1
122	Nguyễn Thị Thái			1		1
123	Nguyễn Thị Tiến	1		1		1
124	Đoàn Thị Kim Tuyền		1	1		1
125	Nguyễn Đăng Truyền		1	1		1
126	Đinh Thị Dấu		1	1		1
127	Lê Thị Thu Thủy		1	1		1
128	Nguyễn Thị Hoa	1		1		1
129	Đoàn Thị Kế		1	1		1
130	Đinh Công Duẩn		1	1		1
131	Phạm Thị Luật		1	1		1
132	Nguyễn Thị Lê			1		1
133	Đoàn Thị Thủy			1		1
134	Lê Hoàng		1	1		1
135	Lê Thị Khuyên		1	1		1
136	Nguyễn Thị Thạch			1		1
137	Đinh Thị Thân		1	1		1
138	Đinh Công Anh			1		1
139	Đoàn Khắc Lập		1	1		1
140	Nguyễn Thị Thanh Thiều		1	1		1
141	Đinh Thị Minh Lệ		1	1		1
142	Đinh Nguyễn Việt Đạt		1	1		1
143	Đinh Nguyễn Việt Duy			1		1
144	Nguyễn Tấn Nhiệm		1	1		1
145	Nguyễn Trung Châu			1		1
146	Bùi Văn Khâm		1	1		1
147	Nguyễn Thị Thoại		1	1		1
148	Nguyễn Thị Tin		1	1		1
149	Lê Duy Mạnh		1	1		1
150	Nguyễn Tấn Đường		1	1		1
151	Tạ Thị Hà			1		1
152	Lê Bá Ngộ		1	1		1
153	Lê Quang Tráng		1	1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
154	Lê Tường		1	1		1
155	Võ Thị Đủ		1	1		1
156	Nguyễn Văn Lai			1		1
157	Nguyễn Văn Chương		1	1		1
158	Lê Diệu		1	1		1
159	Nguyễn Tấn Nhất		1	1		1
160	Lê Văn Tâm		1	1		1
161	Lê Thị Sáu			1		1
162	Huỳnh Thị Quỳnh			1		1
163	Lê Thị Tiên	1		1		1
164	Đoàn Thị Ái			1		1
165	Đoàn Khắc Hữu		1	1		1
166	Nguyễn Thị Đường (Q)			1		1
167	Lê Tiến Sỹ		1	1		1
168	Phạm Thị Tùng			1		1
169	Nguyễn Tấn Sỹ		1	1		1
170	Lê Văn Tứ		1	1		1
171	Nguyễn Thị Thom		1	1		1
172	Lê Hoài Linh		1	1		1
173	Bùi Văn Sơn		1	1		1
174	Lê Thị Mỹ Trang			1		1
175	Lê Thị Tờ			1		1
176	Bùi Thị Liễu		1	1		1
177	Lê Vũ Bảo		1	1		1
178	Lê Văn Thân		1	1		1
179	Lê Thiện Đoàn		1	1		1
180	Võ Thị Nguyệt (Xuân)		1	1		1
181	Lê Văn Chí		1	1		1
182	Lê Văn Công		1	1		1
183	Lê Văn Quý Thảo		1	1		1
184	Lương Hữu Nghị		1	1		1
185	Lương Hữu Thanh		1	1		1
186	Lương Hữu Xuân		1	1		1
187	Lê Văn Thương		1	1		1
188	Đinh Văn Tấn		1	1		1
189	Đinh Quang Hùng			1		1
190	Đinh Quang Vũ		1	1		1
191	Tôn Nữ Trà My	1		1		1
192	Đinh Quang Tân		1	1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
193	Đinh Quang Ngọc			1		1
194	Lương Thị Bình		1	1		1
195	Nguyễn Đăng Tòa		1	1		1
196	Nguyễn Đăng Ý			1		1
197	Lê Thị Xuân Ba		1	1		1
198	Bùi Thị Xuân Thanh			1		1
199	Nguyễn Ngọc Trang		1	1		1
200	Nguyễn Ngọc Nghiệp		1	1		1
201	Nguyễn Ngọc Vàng		1	1		1
202	Nguyễn Thị Thái (Bình)			1		1
203	Phạm Hồng Phở			1		1
204	Nguyễn Thị Nhung		1	1		1
205	Lê Nguyên Khiêm			1		1
206	Lê Quang Hiền		1	1		1
207	Lê Quang Hiền			1		1
208	Tại Thị Thanh Duyên		1	1		1
209	Lê Trung Hữu		1	1		1
210	Nguyễn Thị Hồng			1		1
211	Lê Quý Đôn		1	1		1
212	Lê Thanh Đạo		1	1		1
213	Võ Văn Bình		1	1		1
214	Nguyễn Thị Lựu		1	1		1
	Tổng	8	143	214	0	214

UBND XÃ PHƯỚC GIANG

TRƯỞNG THÔN

Lương Hữu Thanh

Biểu mẫu số 1. Cập nhật
Hiện trạng sử dụng nước sinh hoạt hộ gia đình năm 2025
Thôn Đông Trúc Lâm, xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi.

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Nguyễn Đăng Thống		1	1		1
2	Nguyễn Thị Tuế			1		1
3	Nguyễn Đăng Cường			1		1
4	Nguyễn Thị Thạch		1	1		1
5	Đông Thị Nữ		1	1		1
6	Nguyễn Thị Kiều			1		1
7	Nguyễn Đăng Trình			1		1
8	Nguyễn Lai		1	1		1
9	Nguyễn Tấn Đài			1		1
10	Trần Ngọc Quang Thao		1	1		1
11	Nguyễn Thị X Lan			1		1
12	Nguyễn Thị Nhung (Hương)			1		1
13	Lê Thị Thông			1		1
14	Nguyễn Thị Tám (Q)	1		1		1
15	Phạm Ngọc Sanh		1	1		1
16	Nguyễn Ngọc Chiến			1		1
17	Nguyễn Tấn Trợ			1		1
18	Nguyễn Thị Tường		1	1		1
19	Đoàn Giang			1		1
20	Phạm Thị Tơ			1		1
21	Phạm Thị Mai (v)		1	1		1
22	Nguyễn Hà			1		1
23	Nguyễn Thị Thịnh	1	1	1		1
24	Võ Thị Ngọc Huỳnh			1		1
25	Nguyễn Thị Bảy (Thắm)			1		1
26	Đinh Muộn		1	1		1
27	Phạm Thị Long (Thuật)			1		1
28	Nguyễn Hữu Danh		1	1		1
29	Nguyễn Tấn Tân			1		1
30	Nguyễn Đăng Triết			1		1
31	Đông Phú Hiến		1	1		1
32	Nguyễn Đăng Truyền (Lan)			1		1
33	Đông Phú Dương		1	1		1
34	Nguyễn Tấn Lâu			1		1
35	Đặng Thị Cúc			1		1
36	Nguyễn Thị Hơ			1		1
37	Nguyễn Thị Mai (T)		1	1		1
38	Nguyễn Thị Một			1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
39	Nguyễn Văn Lai(C)			1		1
40	Trần Thị Qua	1	1	1		1
41	Nguyễn Thị Thuận			1		1
42	Nguyễn Thị Xuân Thu			1		1
43	Phạm Ngọc Khương			1		1
44	Đồng Cao Siêu		1	1		1
45	Nguyễn Thị Minh (Thành)			1		1
46	Nguyễn Thị Thanh Thuý		1	1		1
47	Nguyễn Ngọc Lên			1		1
48	Nguyễn Tấn Sinh		1	1		1
49	Nguyễn Tấn Truyền			1		1
50	Nguyễn Thị Kim Phượng		1	1		1
51	Nguyễn Đăng Sinh			1		1
52	Lương Thị Năm			1		1
53	Nguyễn Tấn Đất		1	1		1
54	Nguyễn Đăng Dân			1		1
55	Lương văn Lịnh			1		1
56	Nguyễn Tấn Lại (13)		1	1		1
57	Nguyễn Văn Thân			1		1
58	Nguyễn Tấn Thông		1	1		1
59	Bùi Thị Tòng			1		1
60	Nguyễn Ngọc Ninh			1		1
61	Nguyễn Thị Mai(Sơn)		1	1		1
62	Đồng Văn Tiến			1		1
63	Trần Ngọc Anh			1		1
64	Nguyễn Đăng Quát			1		1
65	Nguyễn Đăng Siêng (Lan)		1	1		1
66	Đoàn Thị Sung (Q Trí)			1		1
67	Nguyễn Đăng Diên			1		1
68	Bùi Lờì			1		1
69	Lê Bá Xương		1	1		1
70	Đặng Bốn			1		1
71	Nguyễn Văn Thích			1		1
72	Nguyễn Đăng Dự		1	1		1
73	Nguyễn Đăng Thường			1		1
74	Nguyễn Thị Thiết			1		1
75	Nguyễn Anh Linh			1		1
76	Đồng Cao Tín		1	1		1
77	Đinh Dục			1		1
78	Nguyễn Tấn Hoanh			1		1
79	Nguyễn Đăng Tây		1	1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
80	Nguyễn Đăng Tiên (lan)			1		1
81	Đoàn Thị Thành(Phát mệnh)			1		1
82	Nguyễn Văn Trường		1	1		1
83	Nguyễn Tấn Hiệp		1	1		1
84	Nguyễn Ngọc Tuyên			1		1
85	Nguyễn Tấn Nhân			1		1
86	Bùi Văn Đoan		1	1		1
87	Bùi văn Đoàn			1		1
88	Bùi Văn Thái			1		1
89	Lê Thị Minh Nguyệt		1	1		1
90	Nguyễn Tấn Pháp			1		1
91	Nguyễn Văn Sinh		1	1		1
92	Nguyễn Thị Xê			1		1
93	Phạm Thị Hảo			1		1
94	Nguyễn Tấn Hoà		1	1		1
95	Nguyễn Thị Kim Duân			1		1
96	Nguyễn Tấn Toàn			1		1
97	Nguyễn Nguy Nga		1	1		1
98	Đặng Năm			1		1
99	Nguyễn Ngọc Sỹ		1	1		1
100	Trần Ngọc Linh(Anh)			1		1
101	Đồng văn Trí		1	1		1
102	Nguyễn Thị Liễn			1		1
103	Nguyễn Thị Thanh Diêm			1		1
104	Nguyễn Mốt		1	1		1
105	Nguyễn Mười			1		1
106	Phan Thị Thanh Thuý			1		1
107	Lê Thị Đề		1	1		1
108	Huỳnh Tấn Thảo			1		1
109	Nguyễn Tấn Đạo		1	1		1
110	Nguyễn Minh Vương			1		1
111	Nguyễn Văn Hiếu		1	1		1
112	Nguyễn Thị Em			1		1
113	Lê Văn Nhân			1		1
114	Nguyễn Khê		1	1		1
115	Nguyễn Thị Thê			1		1
116	Lê Thị Minh Thái			1		1
117	Trần Thị Xuyên		1	1		1
118	Phạm Lam			1		1
119	Trần Phái			1		1
120	Nguyễn Thị Khuyên		1	1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
121	Trần Văn Luận			1		1
122	Trần Thị Như Hiếu			1		1
123	Đình Quang Thanh		1	1		1
124	Lê Lộc			1		1
125	Nguyễn Thị Xuân Bông			1		1
126	Đặng Na		1	1		1
127	Lê Tỷ			1		1
128	Lê Thị Kim Thơ		1	1		1
129	Nguyễn Đăng Thức			1		1
130	Phạm Sinh			1		1
131	Tiêu Thị Thanh (Tụ)		1	1		1
132	Phạm Thị Hoa	1		1		1
133	Nguyễn Tấn Tín			1		1
134	Nguyễn Thị Thu Hằng			1		1
135	Phan Thị Minh	1	1	1		1
136	Lương quang Sang		1	1		1
137	Trần Ngọc Bình			1		1
138	Nguyễn Năm			1		1
139	Phạm Văn Công		1	1		1
140	Lê Văn Bình			1		1
141	Huỳnh Thạch			1		1
142	Phạm Thị Mười		1	1		1
143	Phạm Viết Phú			1		1
144	Nguyễn A		1	1		1
145	Lê Văn An			1		1
146	Nguyễn Trung Sơn			1		1
147	Trương Thời		1	1		1
148	Lý Thị Hồng Hải			1		1
149	Nguyễn Thị Ba			1		1
150	Phạm Thị Mỹ Hương		1	1		1
151	Lê Quang Xô			1		1
152	Võ Duy Thiệu			1		1
153	Nguyễn Thị Đào		1	1		1
154	Phạm Văn Chính		1	1		1
155	Phạm Thị Em		1	1		1
156	Nguyễn Thị Minh			1		1
157	Nguyễn Thiện	1		1		1
158	Đình Quang Trung			1		1
159	Lê Trọng Tường			1		1
160	Huỳnh Thị Tuyết Đông		1	1		1
161	Nguyễn Thái			1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
162	Lê Đức			1		1
163	Nguyễn Tấn Hanh		1	1		1
164	Nguyễn Tấn Thận			1		1
165	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm		1	1		1
166	Nguyễn Tấn Sơn			1		1
167	Lê thị Liên			1		1
168	Nguyễn Thị Yến		1	1		1
169	Nguyễn Hữu Thương			1		1
170	Nguyễn Văn Thích			1		1
171	Nguyễn Đăng Thường		1	1		1
172	Nguyễn Tấn Tây			1		1
173	Lê Thị Lý			1		1
174	Nguyễn Hữu Tình		1	1		1
175	Trần Lắm			1		1
176	Lê Bốn		1	1		1
177	Nguyễn Tấn Đạo (Xu)			1		1
178	Nguyễn Tấn Quỳnh		1	1		1
179	Phạm Một			1		1
180	Nguyễn Thị Mai		1	1		1
181	Nguyễn Đa			1		1
182	Nguyễn Thị Nết		1	1		1
183	Nguyễn Tấn Toán			1		1
184	Phạm Ba			1		1
185	Nguyễn Tấn Trọng		1	1		1
186	Nguyễn Tấn Tản			1		1
187	Huỳnh Tấn Vị			1		1
188	Nguyễn Thanh Lô		1	1		1
189	Mai Thị Hải			1		1
190	Nguyễn Văn Hùng		1	1		1
191	Nguyễn đăng Hợp			1		1
192	Nguyễn Dương		1	1		1
193	Nguyễn Thị Nhung			1		1
194	Nguyễn Đăng Nam			1		1
195	Nguyễn Văn Dương		1	1		1
196	Nguyễn Đức Hùng			1		1
197	Lê Bình		1	1		1
198	Nguyễn Văn Phương			1		1
199	Nguyễn Hữu Lý		1	1		1
200	Phạm Văn Hùng			1		1
201	Nguyễn Thị Thu Vân			1		1
202	Phạm Thị Cúc		1	1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
203	Lê Hoàng Đạo			1		1
204	Nguyễn Đăng An			1		1
205	Nguyễn Đăng Lực			1		1
206	Nguyễn Đình		1	1		1
207	Nguyễn Đăng Thọ			1		1
208	Nguyễn Thị Diễm		1	1		1
209	Trần Thị Đại			1		1
210	Lê Thị Nở		1	1		1
211	Nguyễn Dũng			1		1
212	Từ Thị Bình		1	1		1
213	Võ Hương			1		1
214	Trần Duy Bình			1		1
215	Nguyễn Văn Đông		1	1		1
216	Nguyễn Cường			1		1
217	Đồng Quang Dự			1		1
218	Trần Thị Thanh			1		1
219	Nguyễn Văn		1	1		1
220	Nguyễn Văn Hùng(T)			1		1
221	Nguyễn Thị Thư			1		1
222	Nguyễn Đăng Tiến		1	1		1
223	Nguyễn Văn Thuyết			1		1
224	Phan Văn Việt		1	1		1
225	Nguyễn Thành Trung			1		1
226	Nguyễn Văn Lộc		1	1		1
227	Phan Văn Chiến			1		1
228	Huỳnh Thị Tiêm		1	1		1
229	Hồ Độc Vũ			1		1
230	Lê Thị Hồng		1	1		1
231	Nguyễn Thị Thương			1		1
232	Võ Duy Tuấn			1		1
233	Nguyễn Văn Thống		1	1		1
234	Nguyễn Thị Phụng			1		1
235	Trần Ngọc Hải		1	1		1
236	Trần Ngọc Cư			1		1
237	Đoàn Thị An			1		1
238	Nguyễn Sứ		1	1		1
239	Võ Duy Sơn			1		1
240	Nguyễn Đăng Xuân		1	1		1
241	Hồ Thị Phương			1		1
242	Đặng Hào			1		1
243	Hồ Hoa		1	1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
244	Nguyễn Đăng Thắng			1		1
245	Nguyễn Thị Cẩm		1	1		1
246	Trần Ngọc Xì			1		1
247	Nguyễn Văn Nam		1	1		1
248	Lê Tuấn Hiếu			1		1
249	Phan Văn Đoàn			1		1
250	Nguyễn Văn Vịnh		1	1		1
251	Phan Thị Phong			1		1
252	Đặng Quy			1		1
253	Nguyễn Ngọc Vinh		1	1		1
254	Võ Thị Thuý			1		1
255	Phan Văn Thìn		1	1		1
256	Lê Thanh chiến			1		1
257	Đinh Tiến Đô			1		1
258	Nguyễn Văn Sơn(T)		1	1		1
259	Bùi Thị Đường			1		1
260	Nguyễn Đăng Trung			1		1
261	Nguyễn Văn Hợp		1	1		1
262	Nguyễn Thị Thanh			1		1
263	Phan Văn Công			1		1
264	Nguyễn Thị Tiến		1	1		1
265	Nguyễn Văn Sơn			1		1
266	Hồ Thị Thiên			1		1
267	Võ Duy Chánh		1	1		1
268	Đồng Quang Tính			1		1
269	Võ Duy Hưng		1	1		1
270	Lê Thị Minh Trúc			1		1
271	Nguyễn Đăng Đạo (C)		1	1		1
272	Nguyễn Đăng Đức			1		1
273	Nguyễn Thanh Vân		1	1		1
274	Đặng Thị Mai			1		1
275	Phạm Thị ánh (dâu Sứ)		1	1		1
276	Nguyễn Đăng Cự			1		1
277	Phan Văn Cung			1		1
278	Nguyễn Đăng Khoái		1	1		1
279	Nguyễn Tùng		1	1		1
280	Huỳnh Thị Yến			1		1
281	Nguyễn Đăng Hiệp			1		1
282	Nguyễn Đăng Tịnh		1	1		1
283	Nguyễn Thị Hiền			1		1
284	Trần Ngọc Hoàng			1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
285	Hồ Cao			1		1
286	Võ Duy Năm		1	1		1
287	Nguyễn Văn Toàn			1		1
288	Nguyễn Văn Bích		1	1		1
289	Nguyễn Văn Hiệu			1		1
290	Đặng Đầu			1		1
291	Lương Hữu Huyền		1	1		1
292	Nguyễn Thị Thanh Đoà			1		1
293	Nguyễn Văn Chính		1	1		1
294	Trương Thị Lài (Thận)			1		1
295	Nguyễn Thị Thu			1		1
296	Trần Ngọc Quang		1	1		1
297	Trần Thị Tuyên			1		1
298	Phan Thị Nhị Hà			1		1
299	Nguyễn Đăng Nhật		1	1		1
300	Hồ Trung			1		1
301	Nguyễn Đăng Tâm		1	1		1
302	Nguyễn Tấn Toàn			1		1
303	Lương Hữu Diệu		1	1		1
304	Lê Thanh Hưng			1		1
305	Phạm Văn Hiền			1		1
306	Nguyễn Văn Dưỡng		1	1		1
307	Nguyễn vệ			1		1
308	Nguyễn Tiến Dũng		1	1		1
309	Nguyễn Văn Thích			1		1
310	Nguyễn Thị K Tuyền		1	1		1
311	Đinh Hợi			1		1
312	Nguyễn Văn Tây		1	1		1
313	Nguyễn Văn Pháp (L)			1		1
314	Lương Sinh Công		1	1		1
315	Lê Thị Nhân (L)		1	1		1
316	Trần Văn Nghiệp			1		1
317	Nguyễn Tấn Hồng	1		1		1
318	Trần Thị Phương (N)		1	1		1
319	Lương Q Cảnh			1		1
320	Trần Chánh			1		1
321	Lương Xe			1		1
322	Nguyễn Tấn Tự		1	1		1
323	Võ Thị Thời (thành)			1		1
324	Ngô Trăn			1		1
325	Trần Thị Diễm			1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
326	Trần Hiền			1		1
327	Nguyễn Diệp (Hoa)		1	1		1
328	Trần Hương			1		1
329	Võ Thị Hồng Liên			1		1
330	Nguyễn Đăng Bảy (Q)			1		1
331	Lê Tiến		1	1		1
332	Lê Thị Nhạn			1		1
333	Nguyễn Thị Bông			1		1
334	Nguyễn Tấn Lập		1	1		1
335	Lương Thị Hùng			1		1
336	Tiêu Văn Huy			1		1
337	Lưu Văn Bảng		1	1		1
338	Nguyễn Thị Thuỷ			1		1
339	Nguyễn Ngọc Bốn			1		1
340	Lương Thị K Liên		1	1		1
341	Trần Văn Thạch			1		1
342	Trần Nguyên			1		1
343	Lê Thị Hương			1		1
344	Phạm Sáu		1	1		1
345	Nguyễn Văn Chính			1		1
346	Nguyễn Đăng Mậu		1	1		1
347	Ngô Thị Mai (Bốn)			1		1
348	Nguyễn Đăng Sáu (Q)			1		1
349	Nguyễn Thị Tổ Nga			1		1
350	Phan Thân	1	1	1		1
351	Phạm Thị Sỹ			1		1
352	Phạm Thị X Ít		1	1		1
353	Trần Thị Thu Ba			1		1
354	Võ Văn Nghị		1	1		1
355	Nguyễn Đăng Hạnh (P)			1		1
356	Đặng Tinh		1	1		1
357	Lương Thị Tuyết Khanh			1		1
358	Tiêu Chí Thanh		1	1		1
359	Nguyễn Đăng Xa			1		1
360	Lương Thị Dần			1		1
361	Phạm Thị Hạnh		1	1		1
362	Trần Loáng			1		1
363	Nguyễn Văn Luân		1	1		1
364	Nguyễn Đăng Phúc			1		1
365	Nguyễn thị Hoa(X)			1		1
366	Nguyễn Thị Nghê		1	1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
367	Ngô Văn Kiên			1		1
368	Trần Thị Xung			1		1
369	Nguyễn Tấn Liệt		1	1		1
370	Lương Thị Quận			1		1
371	Nguyễn Chiến		1	1		1
372	Nguyễn Văn Minh			1		1
373	Nguyễn Thị Thắng			1		1
374	Lê Thị Bình		1	1		1
375	Nguyễn Đăng Xuân			1		1
376	Nguyễn Tấn Lại			1		1
377	Nguyễn Thị Nhiều	1		1		1
378	Đồng văn Dân		1	1		1
379	Lê Thị Cưu			1		1
380	Nguyễn Thị Hoa			1		1
381	Nguyễn Tấn Cả		1	1		1
382	Nguyễn Thị Trông			1		1
383	Nguyễn Tấn Hương			1		1
384	Nguyễn Văn Ba			1		1
385	Nguyễn Tấn Thứ		1	1		1
386	Phạm Văn Nhị			1		1
387	Nguyễn Tấn Chuân			1		1
388	Lê Thị Nhàn (Hợp)		1	1		1
389	Nguyễn Hùng			1		1
390	Huỳnh Lê Thị Hiền			1		1
391	Nguyễn Đăng Chu		1	1		1
392	Đỗ Xuân Thời			1		1
393	Trần Nam			1		1
394	Ngô Lợi			1		1
395	Nguyễn Đăng Chính		1	1		1
396	Nguyễn Điền			1		1
397	Võ Duy Thiên			1		1
398	Bùi Đình Thi			1		1
399	Nguyễn Thị Đức		1	1		1
400	Lê Văn Thuận			1		1
401	Nguyễn Thị Phượng			1		1
402	Võ Văn Lễ		1	1		1
403	Nguyễn Đăng Thu			1		1
404	Trần Thị Phương (K)	1		1		1
405	Nguyễn Đăng Thi			1		1
406	Nguyễn Thị Tuyết(Dũng)			1		1
407	Nguyễn Thị Ngà			1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
408	Trương Thuần		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
409	Huỳnh Văn Trắc			<i>l</i>		<i>l</i>
410	Bùi Được			<i>l</i>		<i>l</i>
411	Phạm Thị Hoa (B)			<i>l</i>		<i>l</i>
412	Lương Kim Xuy		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
413	Nguyễn Duy Sự			<i>l</i>		<i>l</i>
414	Trần Thị Hồng Dương			<i>l</i>		<i>l</i>
415	Nguyễn Đăng Tám (Q)		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
416	Nguyễn Đăng Bảy (Xuân)			<i>l</i>		<i>l</i>
417	Nguyễn Quang Huệ		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
418	Nguyễn Thị Chiến			<i>l</i>		<i>l</i>
419	Trần Sơn (Ngân)			<i>l</i>		<i>l</i>
420	Nguyễn Văn Khiêm		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
421	Lương Kim Sơn			<i>l</i>		<i>l</i>
422	Nguyễn Văn Tân		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
423	Lương Thị Kim Tuyên			<i>l</i>		<i>l</i>
424	Nguyễn Đăng Khoa		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
425	Nguyễn Ngọc Lưu			<i>l</i>		<i>l</i>
426	Nguyễn Thị Điều			<i>l</i>		<i>l</i>
427	Võ Thị Kim Chi		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
428	Nguyễn An		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
429	Trương Thận			<i>l</i>		<i>l</i>
430	Nguyễn Tấn Màu			<i>l</i>		<i>l</i>
431	Trần Thông		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
432	Phạm Thị Phúc			<i>l</i>		<i>l</i>
433	Lê Văn Liệu(Khang)			<i>l</i>		<i>l</i>
434	Nguyễn Đăng Thiết		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
435	Trần Tự Do			<i>l</i>		<i>l</i>
436	Nguyễn Đăng Anh		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
437	Nguyễn Trọng Đời			<i>l</i>		<i>l</i>
438	Nguyễn Đăng Hạnh			<i>l</i>		<i>l</i>
439	Lê Trí			<i>l</i>		<i>l</i>
440	Nguyễn Thị Nhân		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
441	Nguyễn Đăng Thiệt			<i>l</i>		<i>l</i>
442	Đoàn Trần Sơn Tùng		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
443	Phạm Thị Thư	<i>l</i>		<i>l</i>		<i>l</i>
444	Nguyễn Hồ			<i>l</i>		<i>l</i>
445	Nguyễn Thị Kim Trang			<i>l</i>		<i>l</i>
446	Đặng Ngọc Hiếu		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
447	Nguyễn Đăng Trí			<i>l</i>		<i>l</i>
448	Nguyễn Thị Mỹ Hiệp			<i>l</i>		<i>l</i>

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
449	Nguyễn Thị Hoa Lý		1	1		1
450	Nguyễn Thị Hữu			1		1
451	Nguyễn Thị Hồng			1		1
452	Nguyễn Tấn Huỳnh		1	1		1
453	Lương Kim Sinh			1		1
454	Lương Kim Vui			1		1
455	lương Quang Tất		1	1		1
456	Nguyễn Văn Anh			1		1
457	Nguyễn Tấn Chính			1		1
458	Võ văn Cư			1		1
459	Nguyễn Tấn Lịch		1	1		1
460	Nguyễn Thị Thuý			1		1
461	Lương Thì			1		1
462	Nguyễn Miên		1	1		1
463	Nguyễn Thị Ánh (Liệu)		1	1		1
464	Võ Thị Ánh Thư			1		1
465	Lê Anh Trung			1		1
466	Trần Thị Bích Thuý		1	1		1
467	Trần Văn Duyệt			1		1
468	Nguyễn Thị Kim Chung		1	1		1
469	Tiêu Ngọc Điệp			1		1
	Tổng	11	173	469	0	469

UBND XÃ PHƯỚC GIANG

TRƯỞNG THÔN

Võ Duy Chánh

Biểu mẫu số 1: Cấp thôn
Hiện trạng sử dụng nước sinh hoạt hộ gia đình năm 2025
 Thôn Bình Thành, xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi.

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Lê Văn Một			1		1
2	Lê Thị Ngọc Dung			1		1
3	Lê Văn Thanh		1	1		1
4	Lê Văn Bình		1	1		1
5	Phạm Thị Ngọc			1		1
6	Lê Đình Vũ		1	1		1
7	Lê Văn Tất		1	1		1
8	Trần Thị Ngọc Hạnh			1		1
9	Lê Văn Nho		1	1		1
10	Lê Thị Cúc Hoa		1	1		1
11	Lê Hoài Khanh		1	1		1
12	Võ Văn Sáu		1	1		1
13	Lê Huynh		1	1		1
14	Lê Văn Chuân		1	1		1
15	Đào Đức		1	1		1
16	Trương Vạn Cảnh		1	1		1
17	Nguyễn Thị Diên Cúc		1	1		1
18	Lê Văn Cư		1	1		1
19	Phan Thị Tâm		1	1		1
20	Thị Thị Xuân Lang			1		1
21	Trương Quang Kinh		1	1		1
22	Phạm Thanh Tuấn		1	1		1
23	Phạm Vũ		1	1		1
24	Trần Hoàng Vũ		1	1		1
25	Lê Thị Kim Anh			1		1
26	Nguyễn Thị Luận			1		1
27	Nguyễn Thị Sâm		1	1		1
28	Nguyễn Thị Kiên			1		1
29	Đỗ Thị Ty			1		1
30	Nguyễn Thị Hải Đường		1	1		1
31	Hà Thanh Hòa		1	1		1
32	Nguyễn Thị Thành		1	1		1
33	Nguyễn Thị Đoàn			1		1
34	Phan Văn Diệu		1	1		1
35	Vũ Tuế		1	1		1
36	Bùi Thi			1		1
37	Tiêu Thị Bường			1		1
38	Lê Thị Hương		1	1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
39	Nguyễn Thị Lan		1	1		1
40	Lê Thị Ba		1	1		1
41	Phạm Thị Duyên (Lý)			1		1
42	Hồ Thạch Lưu		1	1		1
43	Võ Văn Cầu		1	1		1
44	Nguyễn Thị Lợ			1		1
45	Bùi Đình Văn		1	1		1
46	Võ Thị Ba		1	1		1
47	Phan Văn Hiến		1	1		1
48	Trịnh Ngọc Thiệu		1	1		1
49	Huỳnh Thị Lục	1		1		1
50	Bùi Thị Đoàn		1	1		1
51	Nguyễn Tấn Thanh			1		1
52	Bùi Ngọc Anh		1	1		1
53	Huỳnh Thịnh		1	1		1
54	Lê Thị Mai			1		1
55	Trần Thị Kim Phi			1		1
56	Huỳnh Xuân Bửu		1	1		1
57	Hà Thanh Vũ		1	1		1
58	Chế Sương			1		1
59	Võ Văn Hoàng		1	1		1
60	Nguyễn Thị Thúy		1	1		1
61	Chế Hồng Hùng		1	1		1
62	Nguyễn Bá Trung			1		1
63	Võ Văn Ánh			1		1
64	Võ Năm			1		1
65	Nguyễn Văn Duy		1	1		1
66	Hồ Thạch Cát			1		1
67	Phan Thị Hào		1	1		1
68	Lê Thị Xê (Hòa)		1	1		1
69	Lê Văn Hoàng		1	1		1
70	Phan Văn Thúc		1	1		1
71	Nguyễn Hữu Thúc			1		1
72	Võ Văn Thiều		1	1		1
73	Lê Hồng Hùng			1		1
74	Nguyễn Diên Chín		1	1		1
75	Chế Xuân			1		1
76	Nguyễn Thới		1	1		1
77	Chế Hồng Tâm		1	1		1
78	Võ Cây			1		1
79	Lê Thanh Toàn		1	1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
80	Nguyễn Tân		1	1		1
81	Nguyễn Diên Tề			1		1
82	Nguyễn Phụ		1	1		1
83	Nguyễn Dụ			1		1
84	Nguyễn Văn Mười		1	1		1
85	Nguyễn Thị Trâm			1		1
86	Nguyễn Diên Quốc			1		1
87	Nguyễn văn Đóa		1	1		1
88	Nguyễn Thịnh		1	1		1
89	Trần Ngọc Hùng		1	1		1
90	Nguyễn Văn Bửu		1	1		1
91	Nguyễn Bá Trịnh		1	1		1
92	Đinh Thị Thu			1		1
93	Nguyễn Hữu Định		1	1		1
94	Nguyễn Văn Hiền		1	1		1
95	Nguyễn Diên Linh			1		1
96	Nguyễn Văn Tùng		1	1		1
97	Lê Hồng Phong		1	1		1
98	Nguyễn Viết Thanh		1	1		1
99	Phan Văn Hường		1	1		1
100	Nguyễn Văn Dũng		1	1		1
101	Võ Văn Giáp		1	1		1
102	Lê Văn Tuấn			1		1
103	Bùi Thị Cúc			1		1
104	Võ Hồng Thái		1	1		1
105	Nguyễn Văn Ngôn		1	1		1
106	Nguyễn Thị Lai			1		1
107	Nguyễn Kinh		1	1		1
108	Huỳnh Thị Ba	1		1		1
109	Nguyễn Diên Chức		1	1		1
110	Nguyễn Thị Trừu			1		1
111	Nguyễn Văn Đường			1		1
112	Trần Thi		1	1		1
113	Huỳnh Văn Toàn			1		1
114	Phùng Văn Đại			1		1
115	Huỳnh Quang Thự			1		1
116	Nguyễn Văn Tân		1	1		1
117	Nguyễn Văn Đăng		1	1		1
118	Nguyễn Diên Tào		1	1		1
119	Dương Văn Sáu			1		1
120	Huỳnh Hạng		1	1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
121	Lâm Thị Tư			1		1
122	Huỳnh Ngọc Cẩn			1		1
123	Nguyễn Văn Thịnh		1	1		1
124	Nguyễn Nhường			1		1
125	Bùi Thị Khánh		1	1		1
126	Bùi Thị Lang		1	1		1
127	Hồ Thạch Việt		1	1		1
128	Nguyễn Thanh Tùng			1		1
129	Huỳnh Quý		1	1		1
130	Huỳnh Văn Thường			1		1
131	Đoàn Quang Dũng		1	1		1
132	Huỳnh Xuân Trang		1	1		1
133	Bùi Đình Lâm		1	1		1
134	Hồ Thạch Thạch			1		1
135	Hà Thanh Hồng		1	1		1
136	Phạm Ngọc Đồng		1	1		1
137	Võ Văn Phương			1		1
138	Lê Thị Thúy Hồng			1		1
139	Võ Văn Truyền		1	1		1
140	Nguyễn Thị Dương			1		1
141	Hồ Thạch Giải		1	1		1
142	Nguyễn Thị Huân			1		1
143	Đoàn Thị Cảnh			1		1
144	Nguyễn Thị Châu	1		1		1
145	Lê Văn Trình			1		1
146	Võ Thị Sen			1		1
147	Huỳnh Tấn Hưng		1	1		1
148	Huỳnh Phúc		1	1		1
149	Lê Văn Nờ			1		1
150	Nguyễn Tấn Thảo			1		1
151	Đình Thị Liên			1		1
152	Lê Thanh Trà		1	1		1
153	Lê Văn Phụng		1	1		1
154	Trần Phi	1		1		1
155	Nguyễn Diên Luận			1		1
156	Nguyễn Văn Huy		1	1		1
157	Hồ Thạch Vàng		1	1		1
158	Võ Văn Hùng (N)			1		1
159	Nguyễn Văn Thanh		1	1		1
160	Nguyễn Diên Chi		1	1		1
161	Nguyễn Diên Bảy			1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
162	Nguyễn Tài		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
163	Phạm Đồng		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
164	Nguyễn Thị Chín			<i>l</i>		<i>l</i>
165	Phan Văn Lực		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
166	Võ Văn Hùng (Gò)		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
167	Nguyễn Tín		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
168	Trần Văn Phương			<i>l</i>		<i>l</i>
169	Nguyễn Hùng			<i>l</i>		<i>l</i>
170	Nguyễn Văn Cường(thủy)			<i>l</i>		<i>l</i>
171	Hồ Văn Tác (Tâm)			<i>l</i>		<i>l</i>
172	Nguyễn Thị Thu			<i>l</i>		<i>l</i>
173	Nguyễn Thanh		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
174	Huỳnh Thị Thiệp			<i>l</i>		<i>l</i>
175	Nguyễn Thị Hạnh			<i>l</i>		<i>l</i>
176	Nguyễn Diên Thủ			<i>l</i>		<i>l</i>
177	Nguyễn Diên Ba		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
178	Đặng Dữ		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
179	Hồ Thạch Nguyên			<i>l</i>		<i>l</i>
180	Trịnh Ngọc Tuấn		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
181	Nguyễn Thị Hoa			<i>l</i>		<i>l</i>
182	Trương Thị Lợi		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
183	Lê Hoài Trịnh			<i>l</i>		<i>l</i>
184	Trương Thị Kim Tuyền			<i>l</i>		<i>l</i>
185	Đoàn Tình	<i>l</i>	<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
186	Nguyễn Diên Thọ		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
187	Võ Văn Hải			<i>l</i>		<i>l</i>
188	Võ Văn Nghiệp		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
189	Huỳnh Đạo		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
190	Võ Thị Kim Liên			<i>l</i>		<i>l</i>
191	Võ Văn Vinh			<i>l</i>		<i>l</i>
192	Nguyễn Diên Khánh			<i>l</i>		<i>l</i>
193	Lê Văn Quế		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
194	Nguyễn Văn Thạch		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
195	Võ Văn Duy		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
196	Nguyễn Diên Tứ		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
197	Hồ Thanh Vũ			<i>l</i>		<i>l</i>
198	Lê Hữu Tiến		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
199	Nguyễn Văn Minh			<i>l</i>		<i>l</i>
200	Phạm Ngọc Thuận		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
201	Phan Văn Quốc Anh		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
202	Hồ Hoàng Trung Minh Nhật		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
203	Lê văn Triều		1	1		1
204	Đoàn Thị Phần			1		1
205	Huỳnh Xuân Hoanh		1	1		1
206	Nguyễn Thị Thà		1	1		1
207	Nguyễn Tấn Định		1	1		1
208	Hồ Thanh Phương		1	1		1
209	Võ Văn Tuyên		1	1		1
	Tổng	5	125	209	0	209

UBND XÃ PHƯỚC GIANG

TRƯỞNG THÔN

Phan Văn Cầm

Biểu mẫu số 1: Cấp thôn
Hiện trạng sử dụng nước sinh hoạt hộ gia đình năm 2025
 Thôn Long Bàn Bắc, xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Lê Thị Minh Nhung		1	1	
2	Huỳnh Lâm		1	1	
3	Lê Thị Ba		1	1	
4	Lý Văn Lưu		1	1	
5	Huỳnh Sum		1	1	
6	Nguyễn Nê			1	
7	Nguyễn Kê		1	1	
8	Huỳnh Thị Giải		1	1	
9	Nguyễn Hữu Tâm		1	1	
10	Tiêu Thị Nờ		1	1	
11	Hồ Thị Bông		1	1	
12	Hồ Xuân Thu		1	1	
13	Lê Thị Khoa		1	1	
14	Lê Ninh		1	1	
15	Nguyễn Công		1	1	
16	Tôn Ngọc Anh		1	1	
17	Nguyễn Thị Xuân Liên		1	1	
18	Tôn Như Thị Kim Tuyết	1		1	
19	Võ Thị Tâm		1	1	
20	Nguyễn Ngọc Thích		1	1	
21	Nguyễn Thị Thanh		1	1	
22	Nguyễn Văn Trinh		1	1	
23	Nguyễn Tại			1	
24	Nguyễn Văn Sơn		1	1	
25	Nguyễn Mạnh Hà		1	1	
26	Lưu Thị Bảy			1	
27	Nguyễn Thị Thu Thê			1	
28	Nguyễn Văn Đông		1	1	
29	Nguyễn Hữu Cầm		1	1	
30	Huỳnh Hùng		1	1	
31	Nguyễn Tân Giáo		1	1	
32	Phạm Hùng		1	1	
33	Nguyễn Thị Như		1	1	
34	Bùi Thị Hà		1	1	
35	Hồ Trung Huệ		1	1	
36	Nguyễn Văn Giáo		1	1	
37	Nguyễn Thị Trúc		1	1	
38	Lê Văn Đông		1	1	
39	Lê Văn Bé			1	
40	Lê Văn Thảo			1	
41	Huỳnh Mãi			1	
42	Cao Thanh Long		1	1	
43	Huỳnh Thị Lang		1	1	
44	Nguyễn Hữu Lộc		1	1	
45	Tôn Ngọc Đạo		1	1	
46	Nguyễn Ngọc Vũ		1	1	
47	Lý Thị Luyến			1	
48	Nguyễn Ngọc Linh			1	
49	Nguyễn Ngọc Ánh		1	1	
50	Trần Toàn		1	1	
51	Tôn Thị Bích Thủy			1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn Công trình CNSNTTT***
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
52	Tôn Thanh Tuấn			1	
53	Lưu Văn Sự			1	
54	Lưu Văn Mừng			1	
55	Nguyễn Thị Mai		1	1	
56	Hồ Duy Nhất		1	1	
57	Hồ Thị Sỹ		1	1	
58	Trần Văn Luận		1	1	
59	Dương Thị Nhạn			1	
60	Huỳnh Văn Tuấn		1	1	
61	Trần Nông		1	1	
62	Huỳnh Sơ			1	
63	Huỳnh Tường			1	
64	Võ Thị Nhân		1	1	
65	Nguyễn Thị Ân (Cường)			1	
66	Trần Thị Anh		1	1	
67	Trần On		1	1	
68	Nguyễn Thị Kim Chung	1		1	
69	Bùi Văn Chín		1	1	
70	Hồ Văn Đoan		1	1	
71	Nguyễn Thị Lự			1	
72	Tạ Thị Nhân			1	
73	Lê Thị Hạnh		1	1	
74	Trần Thê			1	
75	Phạm Văn Đạt		1	1	
76	Phạm Văn Công		1	1	
77	Bùi Văn Dưỡng		1	1	
78	Hồ Văn Luật		1	1	
79	Huỳnh Thị Thịnh			1	
80	Huỳnh Văn Định		1	1	
81	Trần T Mai Khanh		1	1	
82	Trần Văn Hòa		1	1	
83	Trần Huỳnh			1	
84	Lê Thị Nhon		1	1	
85	Nguyễn T Thùy Trang		1	1	
86	Trần Thị Thanh Nga		1	1	
87	Phạm Văn Rô		1	1	
88	Phạm Sỹ		1	1	
89	Trần Minh Đức		1	1	
90	Nguyễn Công Vân		1	1	
91	Nguyễn Văn Hưng		1	1	
92	Trần Văn Thích		1	1	
93	Trần Văn Thời		1	1	
94	Phạm Thị Ninh		1	1	
95	Tôn Nhỏ			1	
96	Tôn Tiến			1	
97	Trần Thắng		1	1	
98	Trần Kiệm	1		1	
99	Lê Đình Xuyên		1	1	
100	Nguyễn Thị Hoa		1	1	
101	Nguyễn T Thu Ân		1	1	
102	Đoàn Thị Tý	1		1	
103	Huỳnh Thị Loan Em	1		1	
104	Trần Hữu Nam		1	1	
105	Trần Văn Tư		1	1	
106	Trần Huỳnh		1	1	
107	Trần Hồng		1	1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
108	Bùi Thị Cúc			1	
109	Lương Thị Nhân		1	1	
110	Huỳnh Văn Tâm		1	1	
111	Nguyễn Thị Nữ			1	
112	Nguyễn Đình Trung			1	
113	Lê Văn Danh		1	1	
114	Đinh Văn Thông			1	
115	Đinh Văn Thanh		1	1	
116	Đinh Văn Hương		1	1	
117	Lê Thị Hoanh			1	
118	Trịnh Ngọc Hiền		1	1	
119	Nguyễn Ngọc			1	
120	Nguyễn Thị Hồng			1	
121	Nguyễn Vàng		1	1	
122	Nguyễn Thâm		1	1	
123	Nguyễn Sáu		1	1	
124	Trịnh Ngọc Nhân		1	1	
125	Trịnh Ngọc Thế		1	1	
126	Nguyễn Gia Minh			1	
127	Tôn Văn Qua			1	
128	Hồ Văn Bình		1	1	
129	Tôn Sự			1	
130	Tôn Nhân			1	
131	Huỳnh Thị Diên			1	
132	Huỳnh Thị Diễm			1	
133	Trần Ngọc Trung		1	1	
134	Võ Huệ		1	1	
135	Võ Hữu Công		1	1	
136	Hồ Minh Hùng		1	1	
137	A Thị Nhứt			1	
138	Huỳnh Thị Hoàng			1	
139	Nguyễn Thị Kim Liên			1	
140	Phạm Thị Tâm			1	
141	Võ Thị Bích Thủy			1	
142	Nguyễn Thị Duyên			1	
143	Hồ Thị Trú			1	
144	Nguyễn Văn Thống			1	
145	Phạm Phong			1	
146	Nguyễn Văn Sung		1	1	
147	Phạm Thị Thương		1	1	
148	Tạ Anh Tôn		1	1	
149	Nguyễn Sự			1	
150	Nguyễn Tình		1	1	
151	Lê Văn Đình		1	1	
152	Lê Văn Hiệp			1	
153	Nguyễn Thị Thứ			1	
154	Nguyễn Gia Phổ			1	
155	Nguyễn Văn Đoàn			1	
156	Nguyễn Văn Trường			1	
157	Nguyễn Quang Bửu			1	
158	Nguyễn Quang Thiên			1	
159	Nguyễn Văn Bé			1	
160	Nguyễn Văn Nhỏ		1	1	
161	Lưu Văn Đoan		1	1	
162	Lưu Quốc Duy			1	
163	Võ Hiếu		1	1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn Công trình CNSNTTT***
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
164	Nguyễn Hữu Diện			1	
165	Nguyễn Văn Thanh		1	1	
166	Huỳnh Tấn Quang		1	1	
167	Nguyễn Thị Phụng			1	
168	Trần Thích			1	
169	Lê Thị Lự			1	
170	Phan Thị Hòa		1	1	
171	Nguyễn Văn Trang			1	
172	Nguyễn Văn Chát		1	1	
173	Nguyễn Thị Nguyên	1		1	
174	Nguyễn Thị Bình	1		1	
175	Nguyễn Văn Lai		1	1	
176	Lưu Khoan			1	
177	Lưu Thiện			1	
178	Lương Thị Tường Vy			1	
179	Lương Văn Bé			1	
180	Lương Giáp			1	
181	Trần Văn Tiền		1	1	
182	Đỗ Thị Tứ		1	1	
183	Lưu Thị Hòa		1	1	
184	Trần Kim Sơn			1	
185	Lưu Thị Đường			1	
186	Nguyễn Văn Khiêm			1	
187	Phạm Quang Khôi			1	
188	Lê Thị Vinh			1	
189	Phạm Quang Vũ		1	1	
190	Nguyễn Chân		1	1	
191	Nguyễn Thị Hồng		1	1	
192	Lưu Chút		1	1	
193	Huỳnh Ngọc Hưng		1	1	
194	Võ Hương		1	1	
195	Lưu Thị Thúy		1	1	
196	Nguyễn Văn Sáu			1	
197	Nguyễn Văn Vũ			1	
198	Nguyễn Văn Thắng		1	1	
199	Phan Thị Xê			1	
200	Nguyễn Thị Vang		1	1	
201	Lưu Văn Mỹ			1	
202	Lê Thị Hoa			1	
203	Nguyễn Văn Cường			1	
204	Nguyễn Cho			1	
205	Nguyễn Công Chi		1	1	
206	Nguyễn Lộc			1	
207	Lương Đông			1	
208	Võ Thị Chi			1	
209	Võ Huệ			1	
210	Nguyễn Thị Thảo			1	
211	Võ Thị Diễm Hiền			1	
212	Nguyễn Ba			1	
213	Nguyễn Lưu			1	
214	Nguyễn Văn Trung		1	1	
215	Nguyễn Hùng			1	
216	Trần Thị Phụng			1	
217	Trần Tư		1	1	
218	Nguyễn Dũng			1	
219	Nguyễn Thanh (Hùng)			1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn Công trình CNSNTTT***
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
220	Nguyễn Văn Thuận		1	1	
221	Bùi Đình Hiếu		1	1	
222	Võ Thị Hoài Nhân		1	1	
223	Lê Hồng Sinh		1	1	
224	Nguyễn Văn Cáng		1	1	
225	Lê Văn Phiên		1	1	
226	Nguyễn Lý		1	1	
227	Lê Thị Thỉnh	1		1	
228	Bùi Thị Huyền			1	
229	Lê Hữu Công		1	1	
230	Nguyễn Thanh Vinh			1	
231	Hồ Thị Đức			1	
232	Lê Văn Kính		1	1	
233	Lê Hữu Căn		1	1	
234	Lê Thị Thạnh			1	
235	Đinh Sơn		1	1	
236	Nguyễn Bắc		1	1	
237	Nguyễn Đình Vũ			1	
238	Nguyễn Văn Oanh		1	1	
239	Huỳnh Thị Trâm			1	
240	Nguyễn Thị Năm			1	
241	Nguyễn Nguyên			1	
242	Nguyễn Trung			1	
243	Đặng Thị Đào			1	
244	Nguyễn Hữu Ninh			1	
245	Lê Văn Thủy		1	1	
246	Lê Thị Nghi			1	
247	Lê Thị Hóa			1	
248	Nguyễn Duy Côi			1	
249	Lê Hữu Linh		1	1	
250	Nguyễn Văn Hoàng		1	1	
251	Đinh Viêt Hòa		1	1	
252	Đinh Viêt Bình			1	
253	Đinh Viêt Tiền			1	
254	Nguyễn Văn Tèo			1	
255	Nguyễn Văn Thanh			1	
256	Nguyễn Duy Hùng			1	
257	Nguyễn Duy Cường		1	1	
258	Nguyễn Văn Tài			1	
259	Võ Văn Trí		1	1	
260	Võ Văn Vạn		1	1	
261	Đinh Mai Tạo			1	
262	Bùi Đình Ái			1	
263	Nguyễn Văn Mẹo			1	
264	Nguyễn Văn Chế			1	
265	Phạm Quang Bảy		1	1	
266	Nguyễn Trung Thành			1	
267	Nguyễn Lam		1	1	
268	Tôn Ngọc Tín		1	1	
269	Võ Văn Dũng		1	1	
270	Lê Đình Giáo		1	1	
271	Lê Thành Tâm			1	
272	Trần Văn Hiến		1	1	
273	Nguyễn Hoan		1	1	
274	Lê Hồng Nam			1	
275	Nguyễn Hữu Đoàn		1	1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
276	Võ Văn Nhon			1	
277	Nguyễn Thị Tám			1	
278	Nguyễn Thị Tuyết			1	
279	Trần Thiện Khiêm		1	1	
280	Nguyễn Quang		1	1	
281	Đinh Viết Cu			1	
282	Nguyễn Sự		1	1	
283	Lê Thị Điệp			1	
284	Nguyễn Đăng Dự		1	1	
285	Nguyễn Đăng Việt		1	1	
286	Lê Thị Thu			1	
287	Trần Rân		1	1	
288	Nguyễn Trí			1	
289	Phạm Tấn Vũ			1	
290	Nguyễn Thị Sen		1	1	
291	Trần Quang		1	1	
292	Nguyễn Thị Thúy			1	
293	Hồ Văn Nhất		1	1	
294	Hồ Đại Tân		1	1	
295	Nguyễn Hồng Bôn			1	
296	Đinh Viết Nhân			1	
297	Nguyễn Hữu Khương			1	
	Tổng	8	160	297	0

UBND XÃ PHƯỚC GIANG

TRƯỞNG

Hoàng]

Biểu mẫu số 1: Cấp thôn
Hiện trạng sử dụng nước sinh hoạt hộ gia đình năm 2025
 Thôn Long Bàn Nam, xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Nguyễn Đạt		1	1		1
2	Tiêu Văn Cư		1	1		1
3	Nguyễn Thị Chín		1	1		1
4	Nguyễn Thị Mười		1	1		1
5	Tiêu Văn Đến		1	1		1
6	Nguyễn Hữu		1	1		1
7	Tiêu Văn Đi		1	1		1
8	Nguyễn Văn Vân		1	1		1
9	Võ Thị Hồng		1	1		1
10	Đặng Thị Thể		1	1		1
11	Võ Minh Hương		1	1		1
12	Nguyễn Văn Bé		1	1		1
13	Nguyễn Hiệp		1	1		1
14	Đoàn Thị Minh Thu		1	1		1
15	Bùi Văn Sư		1	1		1
16	Tiêu Thị Thu Sương		1	1		1
17	Nguyễn Trang Huyền		1	1		1
18	Bùi Đình Cường		1	1		1
19	Lê Văn Khoái		1	1		1
20	Phạm Thị Tám (Đầy)		1	1		1
21	Bùi Đình Dũng		1	1		1
22	Tiêu Nhung		1	1		1
23	Tiêu Hơ		1	1		1
24	Bùi Đình Được		1	1		1
25	Bùi Đình Tấn		1	1		1
26	Huỳnh Thị Thanh		1	1		1
27	Nguyễn Thị Cang		1	1		1
28	Tiêu Văn Tày		1	1		1
29	Trần Văn Dung		1	1		1
30	Trần Văn Bích		1	1		1
31	Nguyễn Thị Mực		1	1		1
32	Huỳnh Thị Xuân			1		1
33	Nguyễn Thị Phương			1		1
34	Nguyễn Văn Bình		1	1		1
35	Huỳnh Thị Thúy		1	1		1
36	Nguyễn Thị Bình	1		1		1
37	Phạm Thu		1	1		1
38	Nguyễn Thị Sáu		1	1		1
39	Đặng Bé		1	1		1
40	Bùi Đình Tánh		1	1		1
41	Từ Thị Ái		1	1		1
42	Từ Thị Liên	1		1		1
43	Bùi Đình Chát		1	1		1
44	Nguyễn Á		1	1		1
45	Tiêu Mun		1	1		1
46	Đinh Văn Linh		1	1		1
47	Nguyễn Bình		1	1		1
48	Nguyễn Thị Hoa			1		1
49	Lê Thị Như		1	1		1
50	Nguyễn Ngọc Linh		1	1		1
51	Trần Văn Điệp		1	1		1

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
52	Đặng Lê		/	/		/
53	Huỳnh Thị Dung (Tùng)		/	/		/
54	Bùi Đình Tân		/	/		/
55	Bùi Đình Nhu			/		/
56	Bùi Đình Trình			/		/
57	Bùi Đình Đoàn		/	/		/
58	Hồ Văn Doãn		/	/		/
59	Lê Thị Truyền	/	/	/		/
60	Bùi Đình Phụng		/	/		/
61	Bùi Đình Hân		/	/		/
62	Tiêu Thị Thanh		/	/		/
63	Tiêu Văn Danh		/	/		/
64	Tiêu Văn Lý		/	/		/
65	Hồ Trung Hiệp		/	/		/
66	Tiêu Văn Hay		/	/		/
67	Tiêu Thị Loan		/	/		/
68	Nguyễn Nông		/	/		/
69	Nguyễn Thị Xanh		/	/		/
70	Nguyễn Phú		/	/		/
71	Tiêu Văn Nhân		/	/		/
72	Lê Đây		/	/		/
73	Nguyễn Mười		/	/		/
74	Lê Nghiệp		/	/		/
75	Lê Phú		/	/		/
76	Lê Văn Bửu		/	/		/
77	Hồ Thị Nguyễn		/	/		/
78	Bùi Đình Vinh		/	/		/
79	Bùi Đình Trai		/	/		/
80	Bùi Đình Sứy		/	/		/
81	Bùi Thị Hải Đường		/	/		/
82	Lê Thị Phương		/	/		/
83	Bùi Thị Bích Lượng		/	/		/
84	Bùi Thị Diễm		/	/		/
85	Tiêu Thị Xuân			/		/
86	Tiêu Thị Thu Thúy		/	/		/
87	Trần Văn Nhân		/	/		/
88	Lê Hồng Lâm		/	/		/
89	Lê Thị Tuyết Nhung		/	/		/
90	Nguyễn Văn Thanh		/	/		/
91	Nguyễn Thị Năm		/	/		/
92	Tiêu Thị Viên		/	/		/
93	Tiêu Tùng		/	/		/
94	Nguyễn Thị Tuyết		/	/		/
95	Từ Phước Hới		/	/		/
96	Hồ Thị Nga		/	/		/
97	Từ Thị Hoa		/	/		/
98	Từ Văn Tiên		/	/		/
99	Chế Mừng		/	/		/
100	Từ Đông Hưng		/	/		/
101	Từ Duy		/	/		/
102	Huỳnh Văn Bốn		/	/		/
103	Nguyễn Thị Hiền		/	/		/
104	Đặng Điệp		/	/		/
105	Lê Văn Đây		/	/		/
106	Từ Văn Thế		/	/		/
107	Từ Văn Việt		/	/		/

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
108	Từ Văn Đô		/	/		/
109	Từ Văn Thư		/	/		/
110	Hồ Thị Nhung		/	/		/
111	Trần Văn Hoai		/	/		/
112	Võ Quang Càng		/	/		/
113	Từ Văn Như		/	/		/
114	Đoàn Thị Dung		/	/		/
115	Tiêu Văn Quân		/	/		/
116	Tiêu Văn Giàu		/	/		/
117	Trương Huệ		/	/		/
118	Trương Ái		/	/		/
119	Tiêu Thị Thảo	/		/		/
120	Nguyễn Khắc Hận	/		/		/
121	Trương Thảo		/	/		/
122	Lê Trung		/	/		/
123	Tiêu Thị Phước		/	/		/
124	Nguyễn Thị Ba		/	/		/
125	Bùi Thị Nga		/	/		/
126	Lê Thị Mai		/	/		/
127	Lê Luận		/	/		/
128	Nguyễn Tấn Thủy		/	/		/
129	Trần Ngọc Vân		/	/		/
130	Nguyễn Tấn Quang		/	/		/
131	Từ Văn Tâm		/	/		/
132	Từ Ngọc Ánh		/	/		/
133	Từ Ngọc Ứng		/	/		/
134	Từ Tú		/	/		/
135	Trương Thị Hường		/	/		/
136	Lê Văn Danh		/	/		/
137	Tiêu Văn Thụ		/	/		/
138	Lê Trình		/	/		/
139	Trương Đoan		/	/		/
140	Nguyễn Tấn Chung		/	/		/
141	Phạm Thị Nhành		/	/		/
142	Trần Trung		/	/		/
143	Nguyễn Hùng		/	/		/
144	Trần Thành		/	/		/
145	Từ Văn Bá		/	/		/
146	Nguyễn Nhẫn		/	/		/
147	Từ Phương		/	/		/
148	Từ Phước		/	/		/
149	Mai Thị Mùi		/	/		/
150	Lê Thị Tấn	/	/	/		/
151	Lê Thiết		/	/		/
152	Lê Tiến		/	/		/
153	Lê Quang Châu		/	/		/
154	Tiêu Danh		/	/		/
155	Hồ Càn		/	/		/
156	Hồ Cúa		/	/		/
157	Hồ Thị Việt		/	/		/
158	Nguyễn Lượng	/		/		/
159	Chế Thanh		/	/		/
160	Chế Sơn		/	/		/
161	Phạm Thị Thích		/	/		/
162	Từ Văn Ân		/	/		/
163	Tiêu Hận			/		/

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
164	Đặng Thị Bốn		/	/		/
165	Chê Tiên		/	/		/
166	Bùi Đình Hạnh		/	/		/
167	Trần Đình Cường		/	/		/
168	Lê Văn Vỹ		/	/		/
169	Lê Núc		/	/		/
170	Lê Văn Bình		/	/		/
171	Từ Văn Tấn		/	/		/
172	Đỗ Thi		/	/		/
173	Đỗ Quảng		/	/		/
174	Đỗ Sáu		/	/		/
175	Đỗ Tiên		/	/		/
176	Nguyễn Thị Diễm		/	/		/
177	Tiêu Thị Hưng		/	/		/
178	Lương Mỹ	/		/		/
179	Nguyễn Hồng Quân		/	/		/
180	Lê Thanh Hà		/	/		/
181	Võ Thọ		/	/		/
182	Tiêu Thanh Truyền		/	/		/
183	Nguyễn Thị Phú (Hương)		/	/		/
184	Hồ Sơn Trung		/	/		/
185	Lê Thanh Sơn		/	/		/
186	Nguyễn Thê Dương		/	/		/
187	Nguyễn Văn Phong		/	/		/
188	Nguyễn Thị Dung		/	/		/
189	Nguyễn Văn Quân		/	/		/
190	Nguyễn Chức		/	/		/
191	Nguyễn Cừ			/		/
192	Nguyễn Thị Dung (D)		/	/		/
193	Nguyễn Thị Nhị		/	/		/
194	Võ Thị Hiền		/	/		/
195	Huỳnh Thị Trinh		/	/		/
196	Bùi Đình Minh		/	/		/
197	Bùi Đình Thành		/	/		/
198	Bùi Đình Quý		/	/		/
199	Ngô Thị Khoát		/	/		/
200	Phạm Văn Thông		/	/		/
201	Huỳnh Thị Tuyết Mai		/	/		/
202	Nguyễn Thị Anh		/	/		/
203	Mai Văn Mẫn		/	/		/
204	Lưu Đức		/	/		/
205	Lương Thị Âm	/		/		/
206	Lê Văn Ngọc		/	/		/
207	Nguyễn Tuấn		/	/		/
208	Huỳnh Ngọc Kiệm		/	/		/
209	Huỳnh Ngọc Chính		/	/		/
210	Đoàn Văn Sâm		/	/		/
211	Đoàn Văn Ngọc		/	/		/
212	Huỳnh Nguu		/	/		/
213	Nguyễn Thị Năm		/	/		/
214	Lâm Thị Xuân		/	/		/
215	Lê Văn Công		/	/		/
216	Bùi Ngọc Lập		/	/		/
217	Nguyễn Minh			/		/
218	Nguyễn Dũng		/	/		/
219	Nguyễn Văn Thương		/	/		/

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
220	Lê Hội		/	/		/
221	Đặng Em		/	/		/
222	Đặng Âm		/	/		/
223	Đặng Nhi		/	/		/
224	Tiêu Thị Xi			/		/
225	Phạm Văn Xuân		/	/		/
226	Phạm Văn Đi		/	/		/
227	Phạm Văn Thi		/	/		/
228	Phạm Văn Luật		/	/		/
229	Bùi Tài		/	/		/
230	Bùi Ngọc Anh		/	/		/
231	Bùi Văn Cường		/	/		/
232	Tiêu Thị Cừ		/	/		/
233	Bùi Truyền		/	/		/
234	Tiêu Nam		/	/		/
235	Nguyễn Thị Liễu (Quang)		/	/		/
236	Bùi Thị Lực		/	/		/
237	Võ Thị Liên		/	/		/
238	Trần Cao Kỳ		/	/		/
239	Trần Thị Sâm		/	/		/
240	Nguyễn Một		/	/		/
241	Bùi Viên		/	/		/
242	Lê Tứ		/	/		/
243	Bùi Văn Hân			/		/
244	Bùi Văn Hòa		/	/		/
245	Phan Văn Khoa		/	/		/
246	Huỳnh Thị Bảy		/	/		/
247	Lê Văn Tinh		/	/		/
248	Bùi Thị Mưu		/	/		/
249	Lê Văn phước		/	/		/
250	Đặng Thị Trung	/	/	/		/
251	Lương Vy		/	/		/
252	Nguyễn Khanh		/	/		/
253	Nguyễn Tàu		/	/		/
254	Huỳnh Bi		/	/		/
255	Lưu Văn Sơn		/	/		/
256	Lương Luận			/		/
257	Lê Văn Thiệu		/	/		/
258	Tiêu Văn Huệ		/	/		/
259	Tiêu Văn Thiện			/		/
260	Tiêu Văn Thuật		/	/		/
261	Đinh Viết Hùng		/	/		/
262	Đinh Thị Hà		/	/		/
263	Tiêu Văn Hai		/	/		/
264	Tiêu Văn Miên		/	/		/
265	Vy Thị Xuân		/	/		/
266	Tiêu Thị Tâm	/		/		/
267	Nguyễn Thanh Vy		/	/		/
268	Tiêu Dư		/	/		/
269	Đinh Viết Lộc			/		/
270	Tiêu Thị Hường		/	/		/
271	Phạm Trình		/	/		/
272	Tiêu Quang Thái		/	/		/
273	Tiêu Thị Mậu		/	/		/
274	Lê Thanh Hải		/	/		/
275	Tiêu Ngân		/	/		/

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
276	Tiêu Sinh		/	/		/
277	Bùi Thị An		/	/		/
278	Tiêu Mệnh		/	/		/
279	Tiêu Văn Tụ		/	/		/
280	Tiêu Thông		/	/		/
281	Tiêu Quang Vũ		/	/		/
282	Tiêu Tú		/	/		/
283	Lê Thị Thái		/	/		/
284	Tiêu Văn Tuyên		/	/		/
285	Lê Thanh Nghị		/	/		/
286	Tiêu Văn Đạt		/	/		/
287	Đỗ Thị Xuân Hạnh		/	/		/
288	Đỗ Quang Tuyến		/	/		/
289	Hồ Chính		/	/		/
290	Hồ Phụng		/	/		/
291	Hồ Trung Nghĩa		/	/		/
292	Tiêu Ry		/	/		/
293	Nguyễn Thị Huân		/	/		/
294	Nguyễn Dũng		/	/		/
295	Nguyễn Cẩm		/	/		/
296	Lê Thị Nghiệp		/	/		/
297	Lê Phục		/	/		/
298	Nguyễn Lập		/	/		/
299	Nguyễn Vô		/	/		/
300	Nguyễn Bốn		/	/		/
301	Tiêu Chót		/	/		/
302	Đỗ Quang Tâm	/		/		/
303	Lê Thị Hảo		/	/		/
304	Tiêu Chút		/	/		/
305	Tiêu Văn Tiến		/	/		/
306	Tiêu Văn Hội		/	/		/
307	Nguyễn Thị Hồng			/		/
308	Tiêu Thị Hồng		/	/		/
309	Tiêu Rô		/	/		/
310	Tiêu Xi		/	/		/
311	Huỳnh Thị Duyên		/	/		/
312	Phạm Thị Lãnh (Nghĩ)		/	/		/
313	Nguyễn Thị Bích Thủy	/	/	/		/
314	Nguyễn Quang		/	/		/
315	Lê Văn Quốc		/	/		/
316	Mai Ca		/	/		/
317	Mai Rê		/	/		/
318	Mai Huynh		/	/		/
319	Phạm Hồng Thái		/	/		/
320	Phạm Minh Cẩm		/	/		/
321	Bùi Đình Nghĩa		/	/		/
322	Đỗ Sang		/	/		/
323	Lê Văn Diệp		/	/		/
324	Bùi Đình Chính		/	/		/
325	Lê Sơn		/	/		/
326	Bùi Văn Tiến		/	/		/
327	Đặng Thị Cúc		/	/		/
328	Tiêu Văn Khanh		/	/		/
329	Nguyễn Tân Hảo		/	/		/
330	Hồ Vũ		/	/		/
331	Hồ Ngân		/	/		/

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
332	Bùi Đình Nhu		1	1		1
333	Đặng Thanh Đoàn		1	1		1
334	Chê Thị Duy		1	1		1
335	Nguyễn Văn Chính		1	1		1
336	Nguyễn Ngọc Quảng		1	1		1
337	Bùi Văn Duy		1	1		1
338	Lê Văn Dương		1	1		1
339	Vô Thức		1	1		1
340	Đàm Thị Kiều Hoanh		1	1		1
341	Phạm Thị Trị		1	1		1
342	Bùi Đình Cường		1	1		1
343	Nguyễn Văn Quang		1	1		1
344	Nguyễn Văn Minh		1	1		1
345	Nguyễn Văn Chính		1	1		1
346	Phạm Ngọc Huệ		1	1		1
	Tổng	13	322	346	0	346

UBND XÃ PHƯỚC GIANG

TRƯỞNG THÔN

Đoàn Thị Giang

Biểu mẫu số 1. Cup inon
Hiện trạng sử dụng nước sinh hoạt hộ gia đình năm 2025
 Thôn Tình Phú Nam, xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bùi Thị Bảy		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
2	Bùi Thị Tư		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
3	Kiều Thị Thu Trâm	<i>1</i>	<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
4	Hồ Thị Kim Loan			<i>1</i>		<i>1</i>
5	Đoàn Thị Mỹ Tuệ	<i>1</i>		<i>1</i>		<i>1</i>
6	Lê Văn Hùng		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
7	Ngô Văn Chí		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
8	Nguyễn Thị Liêu		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
9	Lê Văn Niếp			<i>1</i>		<i>1</i>
10	Nguyễn Tấn Bảy		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
11	Nguyễn Thượng Khánh		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
12	Nguyễn Thượng Vinh		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
13	Nguyễn Thị Hồng Vân		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
14	Nguyễn Thị Em	<i>1</i>		<i>1</i>		<i>1</i>
15	Tiêu Văn Hạnh		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
16	Tiêu Thị Sáu		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
17	Phạm Thị Xuân		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
18	Ngô Thị Lộc		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
19	Nguyễn Đăng Sơn		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
20	Huỳnh Thị Mai		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
21	Võ Thị Hương		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
22	Đoàn Tấn Lực		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
23	Phạm Thị Quới		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
24	Trần Thị Hồng		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
25	Nguyễn Vinh Sơn		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
26	Nguyễn Thành Trung		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
27	Nguyễn Thị Liên		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
28	Ngô Hữu Tình		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
29	Phạm Ngân		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
30	Ngô Minh Thuận		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
31	Nguyễn Thiệt		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
32	Nguyễn Diệp		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
33	Nguyễn Tấn Nghiệp		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
34	Trần Đại		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
35	Ngô Hữu Chánh		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
36	Nguyễn Thượng Đường		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
37	Nguyễn Văn		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
38	Nguyễn Thượng Hải		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
39	Nguyễn Thị Bông		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
40	Nguyễn Thị Hạt	<i>1</i>		<i>1</i>		<i>1</i>
41	Nguyễn Thị Giới			<i>1</i>		<i>1</i>
42	Bùi Đình Trung		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
43	Trương Hoàng		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
44	Nguyễn Tấn Trực		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
45	Bùi Đình Gang		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
46	Đặng Tấn Cường		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
47	Lê Thị Kim Anh		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
48	Nguyễn Tấn Pháp		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
49	Phạm Thị Cẩm		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
50	Ngô Hữu Tín		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
51	Lê Thị Trà		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
52	Nguyễn Tấn Sinh		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
53	Nguyễn Văn Thới		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
54	Nguyễn Thị Thông			<i>l</i>		<i>l</i>
55	Ngô Hữu Thống		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
56	Ngô Thi		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
57	Phạm Thị Minh Tân		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
58	Ngô Thiệt		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
59	Nguyễn Thị Xuân Lãng		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
60	Bùi Hữu Kính		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
61	Nguyễn Thị Dung		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
62	Từ Nhâm		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
63	Nguyễn Thị Vân (Tây)		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
64	Nguyễn Thanh		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
65	Nguyễn Hoàng Danh		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
66	Nguyễn Thị Bênh			<i>l</i>		<i>l</i>
67	Huỳnh Tấn Vọng		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
68	Nguyễn Văn Chi		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
69	Nguyễn Tấn Minh		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
70	Nguyễn Văn Bình		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
71	Huỳnh Giữa		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
72	Huỳnh Tấn Vỹ		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
73	Huỳnh Phước		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
74	Nguyễn Thị Ba	<i>l</i>	<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
75	Phan Thị Bích Nguyệt		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
76	Phan Thanh Sơn		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
77	Nguyễn Thị Kim Liên		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
78	Tạ Thị Nhanh		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
79	Bùi Thị Tâm			<i>l</i>		<i>l</i>
80	Nguyễn Tấn Khôi		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
81	Lâm Văn Hương		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
82	Lâm Văn Trà			<i>l</i>		<i>l</i>
83	Nguyễn Thị Chi		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
84	Lê Thị Thanh Xuân		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
85	Nguyễn Đức Khánh		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
86	Lê Thị Sỷ		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
87	Võ Văn Viên		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
88	Nguyễn Tấn		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
89	Huỳnh Thị Thu Hường		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
90	Hà Văn Pử		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
91	Trương Sáu			<i>l</i>		<i>l</i>
92	Nguyễn Văn Nghiệp		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
93	Lê Thị Bốn		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
94	Đoàn Thị Thu Ba			<i>l</i>		<i>l</i>
95	Đoàn Thị Mẫn		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
96	Huỳnh Tấn Cảnh		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
97	Nguyễn Tấn Sang		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
98	Nguyễn Tấn Đức (Chiêm)			<i>l</i>		<i>l</i>
99	Nguyễn Văn Thơ		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
100	Tiêu Tấn Thân		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
101	Nguyễn Thị Tấn		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
102	Nguyễn Thông		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
103	Huỳnh Thị Nông (Hai)		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
104	Nguyễn Huê		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
105	Đoàn Tấn Nhiên		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
106	Đoàn Văn Trung		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
107	Huỳnh Thị Thanh		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
108	Đoàn Thị Chi		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
109	Trần Văn Quang		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
110	Nguyễn Thị Cúc		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
111	Trần Thị Kim Dung			<i>l</i>		<i>l</i>
112	Nguyễn Văn Năm		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
113	Nguyễn Thị Thu Hường		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
114	Nguyễn Hữu Trước		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
115	Nguyễn Thị Mai		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
116	Võ Đước		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
117	Nguyễn Thị Hường		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
118	Nguyễn Văn Hạnh		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
119	Nguyễn Ri		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
120	Nguyễn Rê		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
121	Nguyễn Chi		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
122	Lâm Văn Tú		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
123	Nguyễn Thị Hòa		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
124	Đoàn Phụng			<i>l</i>		<i>l</i>
125	Nguyễn Hạnh		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
126	Trần Ngọc Hiếu		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
127	Nguyễn Thị Phong		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
128	Phan Thị Bửu		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
129	Nguyễn An		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
130	Võ Hồng Danh		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
131	Nguyễn Hữu Ký		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
132	Nguyễn Biển		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
133	Lâm Văn Duy		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
134	Huỳnh Mẹo		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
135	Huỳnh Tấn Tịnh		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
136	Ngô Hữu Hùng		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
137	Ngô Hữu Cường		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
138	Ngô Phi		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
139	Ngô Thanh Sơn			<i>1</i>		<i>1</i>
140	Ngô Xuân Quang		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
141	Phan Thanh Trinh		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
142	Ngô Văn Hiền		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
143	Đinh Thị Minh Nga		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
144	Nguyễn Văn Vân		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
145	Ngô Thị Cúc		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
146	Nguyễn Thị Tám		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
147	Ngô Văn Sỹ		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
148	Ngô Văn Hữu		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
149	Nguyễn Tài			<i>1</i>		<i>1</i>
150	Lê Thị Đức		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
151	Ngô Hữu Danh		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
152	Võ Hồng Nam		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
153	Đoàn Nam Đạt		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
154	Ngô Hữu Dũ		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
155	Ngô Hữu Cận		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
156	Ngô Hữu Minh		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
157	Hồ Văn Nghĩa		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
158	Hồ Văn Long		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
159	Hồ Văn An		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
160	Hồ Văn Nhơn		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
161	Nguyễn Đồng		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
162	Nguyễn Minh		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
163	Phạm Quí		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
164	Phạm Văn Năm		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
165	Phan Thị Thu Bích		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
166	Nguyễn Luận		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
167	Nguyễn Thị Hương			<i>1</i>		<i>1</i>
168	Lưu Trọng Lư		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
169	Lê Thị Thích		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
170	Nguyễn Văn Đậu		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
171	Nguyễn Văn Quý		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
172	Nguyễn Văn Chính		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
173	Nguyễn Thị Thương		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
174	Ngô Văn Lầu		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
175	Đoàn Văn Hùng		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
176	Trần Thị Bích Liên		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
177	Nguyễn Sỹ Điền		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
178	Nguyễn Mẫn		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
179	Bùi Đình Cư		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
180	Nguyễn Tấn Nam		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
181	Lê Thị Nga		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
182	Nguyễn Đoàn Ngọc Hưng		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
183	Nguyễn Hiền		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
184	Trịnh Duy Đoan		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
185	Thới Xuân Của		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
186	Nguyễn Đình Tài		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
187	Lương Hữu Hồng		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
188	Trương Minh Phúc		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
189	Võ Bạo		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
190	Lê Thị Nga		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
191	Ngô Ngọc Minh		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
192	Lương Văn Chí		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
193	Lương Văn Dẫn		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
194	Nguyễn Lãnh		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
195	Huỳnh Thị Bích		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
196	Mai Văn Thuận		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
197	Nguyễn Văn Quê			<i>l</i>		<i>l</i>
198	Nguyễn Thị Hồng		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
199	A Văn Cường			<i>l</i>		<i>l</i>
200	Nguyễn Thị Dư		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
201	Trần Kim Nhuận		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
202	Nguyễn Phúc Thuận		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
203	Nguyễn Hùng (Cần)		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
204	Phan Thị Cúc			<i>l</i>		<i>l</i>
205	Đoàn Văn Bình		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
206	Huỳnh Tấn Lập		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
207	Nguyễn Hữu Thanh		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
208	Phạm Thị Liễu			<i>l</i>		<i>l</i>
209	Lê Văn Trang		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
210	Huỳnh Cao Quý		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
211	Huỳnh Tư		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
212	Huỳnh Thị Sáu		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
213	Trần Vọng		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
214	Ngô Thương		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
215	Huỳnh Thị Dung		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
216	Nguyễn Thị Liên			<i>l</i>		<i>l</i>
217	Võ Duy Lộc		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
218	Võ Duy Hưởng		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
219	Lê Văn Chung		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
220	Nguyễn Huế		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
221	Nguyễn Thị Quới		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
222	Nguyễn Hà		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
223	Võ Thị Vạn		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
224	Lương Hữu Kính		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
225	Võ Lầu		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
226	Phạm Văn Bình		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
227	Dương Thị Lang		/	/		/
228	Bùi Thị Hoàng		/	/		/
229	Bùi Chí Việt		/	/		/
230	Bùi Thị Oanh		/	/		/
231	Trần Thiện Tân		/	/		/
232	Nông Thị Dy (Xuân)		/	/		/
233	Nguyễn Hồng Tịnh		/	/		/
234	Chế Tấn Hưng		/	/		/
235	Nguyễn Thị Vàng		/	/		/
236	Nguyễn Thị Lan		/	/		/
237	Võ Quốc		/	/		/
238	Võ Văn Duẩn		/	/		/
239	Ngô Thị Lệ Thu		/	/		/
240	Võ Duy Sơn		/	/		/
241	Phùng Văn Trường		/	/		/
242	Đoàn Tấn Nguyên		/	/		/
243	Lê Thị Phương			/		/
244	Nguyễn Quang Tòng		/	/		/
245	Trần Thị Xuân		/	/		/
246	Nguyễn Thị Lâm		/	/		/
247	Nguyễn Thị Hoa		/	/		/
248	Nguyễn Văn Pháp		/	/		/
249	Nguyễn Thị Thanh			/		/
250	Võ Duy Trí		/	/		/
251	Võ Hồng Trung		/	/		/
252	Trần Hữu Thủy		/	/		/
253	Lê Thị Xuân Thanh		/	/		/
254	Nguyễn Tường		/	/		/
255	Nguyễn Thị Năm		/	/		/
256	Trần Thị Thảo		/	/		/
257	Nguyễn Trần Tấn Danh		/	/		/
258	Lê Chín		/	/		/
259	Ngô Thị Hiệp			/		/
260	Nguyễn Tấn Đoàn		/	/		/
261	Nguyễn Hồng Ngãi		/	/		/
262	Võ Duy Tâm			/		/
263	Ngô Văn Tường		/	/		/
264	Đoàn Mai Hoàng		/	/		/
265	Võ Duy Nguyên		/	/		/
266	Võ Duy Minh		/	/		/
267	Trần Văn Thanh		/	/		/
268	Nguyễn Tấn Minh		/	/		/
269	Võ Duy Văn		/	/		/
270	Trần Văn Ngãi		/	/		/
271	Thị Văn Dung		/	/		/
272	Trần Thị Đồng		/	/		/

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
273	Trần Văn Liên		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
274	Trần Văn Tuyển		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
275	Nguyễn Thị Cúc		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
276	Bùi Đình Lai		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
277	Nguyễn Tấn Lệ		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
278	Nguyễn Tấn Hùng		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
279	Lê Văn Phú		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
280	Lê Thị Nhơn		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
281	Đoàn Văn Hải		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
282	Nguyễn Tấn Kỳ		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
283	Nguyễn Văn Chúng		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
284	Phùng Văn Đạt		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
285	Phan Phú Tánh		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
286	Nguyễn Quang Tòng		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
287	Nguyễn Hữu Chánh		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
288	Võ Văn Nghĩa		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
289	Nguyễn Trần Tấn Phương			<i>l</i>		<i>l</i>
290	Nguyễn Thị Mai		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
291	Trần Ngọc Tuấn		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
292	Phan Hữu Minh		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
293	Võ Văn Doan		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
294	Lương Thị Mỹ Duyên	<i>l</i>		<i>l</i>		<i>l</i>
295	Võ Duy Đến	<i>l</i>		<i>l</i>		<i>l</i>
296	Nguyễn Văn Cường		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
297	Nguyễn Văn Sơn		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
298	Nguyễn Văn An		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
299	Nguyễn Thị Lê	<i>l</i>		<i>l</i>		<i>l</i>
300	Nguyễn Tấn Long		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
301	Bùi Thị Phượng		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
302	Phan Thị Bích		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
303	Lâm Văn Việt		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
304	Nguyễn Thị Thanh Ngà		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
305	Nguyễn Văn Nghĩa			<i>l</i>		<i>l</i>
306	Lâm Thị Ái Vân		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
307	Nguyễn Hạnh		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
308	Nguyễn Minh Tịnh			<i>l</i>		<i>l</i>
309	Nguyễn Duy Tất		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
310	Tiêu Thương			<i>l</i>		<i>l</i>
311	Lâm Văn Dương		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
312	Huỳnh Tấn Tuấn		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
313	Nguyễn Diên Cư		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
314	Nguyễn Trung		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
315	Nguyễn Tấn Đức		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
316	Trần Văn Trọng		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
317	Nguyễn Văn Tuấn		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>
318	Võ Thanh		<i>l</i>	<i>l</i>		<i>l</i>

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
319	Trần Thị Kim Tính		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
320	Nguyễn Văn Bé		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
321	Võ Thị Hồng Trinh		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
322	Phan Văn Đoàn		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
323	Đặng Tấn Dạng		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
324	Nguyễn Minh Hưng		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
325	Nguyễn Thị Hồng Vân		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
326	Nguyễn Phú		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
327	Bùi Đình Chánh		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
328	Nguyễn Thị Xuân	<i>1</i>		<i>1</i>		<i>1</i>
329	Nguyễn Thành		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
330	Hồ Văn Ngu		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
331	Huỳnh Tấn Sơn		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
332	Nguyễn Bảo		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
333	Bùi Thị Trà My			<i>1</i>		<i>1</i>
334	Nguyễn Thị Thu Hồng		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
335	Trần Văn Anh		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
336	Phan Thị Bộ		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
337	Nguyễn Vũ Thị Anh Đào		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
338	Lưu Ngọc Hiền		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
339	Nguyễn Trần Tấn Hiệp		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
340	Ché Xuân Mẫn		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
341	Nguyễn Thị Tượng		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
342	Phan Văn Duy		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
343	Nguyễn Văn Nhân		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
344	Nguyễn Đình Nghĩ		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
345	Lưu Thị Minh Huyền		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
346	Ché Văn Giàu		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
347	Lê Thị Yến		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
348	Phan Thị Kiều Huyền		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
349	Đoàn Thị Triều Mến		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
350	Phan Thị Chi		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
351	Hồ Văn Thắng		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
352	Nguyễn Lê Vít		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
353	Nguyễn Văn Giang		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
354	Nguyễn Duy Côi		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
355	Bùi Trung Thành		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
356	Hồ Văn Giảng		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
357	Nguyễn Hà		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
358	Võ Văn Tin		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
359	Trương Giốc		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
360	Lê Văn Lộc		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
361	Ngô Hữu Nhất		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
362	Bùi Thị Quốc		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
363	Trần Văn Tiễn		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>
364	Nguyễn Tấn Thông		<i>1</i>	<i>1</i>		<i>1</i>

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước	
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***	Công trình CNQMHGD****
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
365	Nguyễn Tấn Ý		1	1		1
366	Nguyễn Thị Thu Phương		1	1		1
367	Võ Thị Hồng Tín		1	1		1
368	Phạm Thị Đệ	1	1	1		1
369	Nguyễn Tường Quang		1	1		1
370	Từ Văn Bình		1	1		1
371	Nguyễn Đào		1	1		1
372	Lê Văn Lợi		1	1		1
373	Lê Văn Lộc		1	1		1
374	Nguyễn Văn Ân		1	1		1
375	Tiêu Tấn Ý		1	1		1
376	Tiêu Thị Năm		1	1		1
377	Huỳnh Cao Sâm		1	1		1
378	Bùi Thị Em		1	1		1
379	Đoàn Thị Nhung		1	1		1
380	Ngô Hữu Cẩm		1	1		1
381	Nguyễn Thị Liên		1	1		1
382	Trần Văn Đường		1	1		1
383	Phạm Tấn Khương		1	1		1
384	Nguyễn Đức Dinh		1	1		1
385	Bùi Hữu Long		1	1		1
	Tổng	10	349	385	0	385

UBND XÃ PHƯỚC GIANG

TRƯỞNG THÔN

Phan Thanh Trinh

Biểu mẫu số 1: Cập nhật
Hiện trạng sử dụng nước sinh hoạt hộ gia đình năm 2025
 Thôn Tình Phú Bắc, xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn Công trình CNSNTTT***
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nguyễn Văn Ba		1	1	
2	Nguyễn Thị Nhòa			1	
3	Nguyễn Thị Mai Lựu			1	
4	Nguyễn Khánh Lực			1	
5	Nguyễn Thanh Cường			1	
6	Nguyễn Thị Kim Dung			1	
7	Phan Công Phú			1	
8	Phan Công Quới			1	
9	Phan Công Lộc			1	
10	Phan Công Huệ			1	
11	Vô Đồng		1	1	
12	Nguyễn Sĩ		1	1	
13	Trần Thị Liêm			1	
14	Nguyễn Thanh Vân		1	1	
15	Vô Thị Thắng			1	
16	Tạ Thị Kim Cúc		1	1	
17	Ngô Hữu Thạch		1	1	
18	Nguyễn Thị Liên		1	1	
19	Nguyễn Văn Minh			1	
20	Tạ Mông		1	1	
21	Vô Trai			1	
22	Vô Văn Phi		1	1	
23	Phan Thời		1	1	
24	Phan Thị Thuận		1	1	
25	Phan Ngọc Giới		1	1	
26	Nguyễn Thị Vân (Tiễn)		1	1	
27	Phan Công Thái		1	1	
28	Nguyễn Thiện			1	
29	Nguyễn Thị Quyên			1	
30	Phan Phước		1	1	
31	Hoàng Thị Ngọc		1	1	
32	Vô Hữu Thanh		1	1	
33	Nguyễn Diệu			1	
34	Vô Văn Bảy		1	1	
35	Phan Lưu			1	
36	Phan Công Thuần		1	1	
37	Lê Văn Phương		1	1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
38	Đoàn Văn Trung		1	1	
39	Đoàn Văn Hiên		1	1	
40	Đoàn Văn Dũng		1	1	
41	Đoàn Văn Hiên		1	1	
42	Nguyễn T Ngọc Chính		1	1	
43	Trần Thị Tính		1	1	
44	Nguyễn Thị Hoa		1	1	
45	Nguyễn Hữu Thuận		1	1	
46	Võ Luật		1	1	
47	Võ Quý			1	
48	Đoàn Có			1	
49	Nguyễn Hữu Vũ		1	1	
50	Nguyễn Đức Hùng		1	1	
51	Nguyễn Thanh Cường		1	1	
52	Nguyễn Tấn lãnh		1	1	
53	Nguyễn Úc		1	1	
54	Nguyễn Tấn Dũng		1	1	
55	Nguyễn Hòa		1	1	
56	Đoàn Ngọc An			1	
57	Trần An		1	1	
58	Phạm Thị Thủy		1	1	
59	Nguyễn Diên Ánh		1	1	
60	Nguyễn Hồng Vinh		1	1	
61	Bùi Đình Ba		1	1	
62	Nguyễn Văn Vỹ			1	
63	Nguyễn Hữu Sỹ		1	1	
64	Nguyễn Đông An		1	1	
65	Nguyễn Thị Đôn		1	1	
66	Nguyễn Hữu Tuệ		1	1	
67	Ngô Hữu Quyết		1	1	
68	Nguyễn Thị Liên		1	1	
69	Nguyễn Thị Đặng		1	1	
70	Nguyễn Thị Trinh		1	1	
71	Lê Thị Hoa		1	1	
72	Nguyễn Thị Nguyệt		1	1	
73	Nguyễn Diên Khiêm			1	
74	Nguyễn Diên Vàng			1	
75	Nguyễn Sử			1	
76	Nguyễn Lai		1	1	
77	Nguyễn Hữu Nhi		1	1	
78	Trần Khoa			1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn Công trình CNSNTTT***
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
79	Nguyễn Thanh Vũ		1	1	
80	Nguyễn Thanh Trà		1	1	
81	Trần Thị Mai		1	1	
82	Nguyễn Hữu Thuần		1	1	
83	Đoàn Thị Lệ Hằng		1	1	
84	Cao Văn Viên		1	1	
85	Phạm Minh Tuấn		1	1	
86	Phạm Minh Tùng		1	1	
87	Ngô Hữu Dư		1	1	
88	Ngô Thị Xuân Liễu			1	
89	Ngô Hữu Khiết		1	1	
90	Đặng Thị Hạnh			1	
91	Nguyễn Thị Diệp		1	1	
92	Đoàn Ngọc Tuấn		1	1	
93	Đoàn Ngọc Thanh Sơn			1	
94	Đoàn Ngọc Chuân		1	1	
95	Đoàn Ngọc Đường	1		1	
96	Ngô Hữu An		1	1	
97	Từ Thảo			1	
98	Từ Đức Cung		1	1	
99	Võ Hồng Ca			1	
100	Lê Bá Trung		1	1	
101	Lê Văn Hải		1	1	
102	Ngô Hữu Tâm		1	1	
103	Nguyễn Văn Tính		1	1	
104	Tiêu Thị Tình		1	1	
105	Đoàn Ngọc Tri		1	1	
106	Đoàn Ngọc Thư		1	1	
107	Phan Út		1	1	
108	Nguyễn Văn Minh (Lệ)		1	1	
109	Nguyễn Thị Ngà			1	
110	Nguyễn Ngọc Mẫn		1	1	
111	Nguyễn Thị Luyện		1	1	
112	Ngô Hữu Khánh			1	
113	Ngô Quân		1	1	
114	Nguyễn Thị Hoa			1	
115	Nguyễn Văn Tuấn		1	1	
116	Nguyễn Hồng Thuột		1	1	
117	Nguyễn Thị Hồng Thắm		1	1	
118	Nguyễn Hồng Danh		1	1	
119	Nguyễn Hồng Trai		1	1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn Công trình CNSNTTT***
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
120	Nguyễn Thị Sang		1	1	
121	Nguyễn Thị Hồng Luyến	1		1	
122	Đoàn Thị Mai		1	1	
123	Đoàn Thị Mưu			1	
124	Đoàn Thị Đệ			1	
125	Võ Thị Bình			1	
126	Huỳnh Thị Kim Yến		1	1	
127	Nguyễn Thị Uyên		1	1	
128	Phan Đông		1	1	
129	Phan Bảy			1	
130	Phan Thị Tiến		1	1	
131	Tạ Văn Lâm		1	1	
132	Tạ Thị Cửu		1	1	
133	Nguyễn Tường Anh		1	1	
134	Phan Công Chính			1	
135	Ngô Hồng			1	
136	Đoàn Thị Mộng Toan			1	
137	Nguyễn Tấn			1	
138	Nguyễn Tường Em		1	1	
139	Nguyễn Sinh Vinh		1	1	
140	Đoàn Thị Tiền		1	1	
141	Đoàn Thị Duyên	1		1	
142	Võ Thị Quốc			1	
143	Nguyễn Thị Thuyền			1	
144	Nguyễn Thị Lan Anh		1	1	
145	Đoàn Ngọc Phiên			1	
146	Nguyễn Ngọc Thạch			1	
147	Nguyễn T Thu Sương			1	
148	Đoàn Ngọc Truyền			1	
149	Nguyễn Thị Ánh			1	
150	Đoàn Thị Minh Trâm			1	
151	Phạm Thị Sâm			1	
152	Võ Hồng Cường			1	
153	Lê Văn Niên			1	
154	Lê Văn Trung			1	
155	Lê Văn Phán			1	
156	Lê Thị Nhon			1	
157	Đoàn Ngọc Đồng			1	
158	Nguyễn Định			1	
159	Nguyễn Thị Trương			1	
160	Nguyễn Thị Lan			1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn Công trình CNSNTTT***
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
161	Nguyễn Văn Bé		1	1	
162	Võ Tân		1	1	
163	Ngô Hữu Có		1	1	
164	Ngô Hữu Vũ		1	1	
165	Trần Văn Hòa			1	
166	Nguyễn Hữu Phục		1	1	
167	Đoàn Thị Tuyết Nữ		1	1	
168	Trần Đông		1	1	
169	Lâm Thị Sinh		1	1	
170	Nguyễn Thị Nữ		1	1	
171	Huỳnh Hà		1	1	
172	Nguyễn Đoàn Thị Bích Thủy			1	
173	Đoàn Ngọc Phụng		1	1	
174	Trần Nhị			1	
175	Trịnh Bá Minh		1	1	
176	Nguyễn Hồng Luyện		1	1	
177	Nguyễn Văn Sáu		1	1	
178	Lê Văn Phiến		1	1	
179	Lê Văn Tịnh		1	1	
180	Lê Văn Thụy			1	
181	Tiêu Thị Cẩm Lệ		1	1	
182	Nguyễn Thị Tường Vy		1	1	
183	Phạm Văn Liên			1	
184	Lương Văn Lai		1	1	
185	Lê Văn Lũy		1	1	
186	Lê Thị Thanh Hòa		1	1	
187	Nguyễn Thị Dung		1	1	
188	Lê Minh Thọ			1	
189	Lê Ngọc Hưng			1	
190	Lê Thị Hằng			1	
191	Đoàn Văn Trung		1	1	
192	Đoàn Thị Thương			1	
193	Hồ Thị Đào		1	1	
194	Lê An		1	1	
195	Lê Văn Thuyết		1	1	
196	Lê Văn Cường		1	1	
197	Lê Thị Chi		1	1	
198	Nguyễn Đức Hiếu		1	1	
199	Nguyễn Thị Viễn			1	
200	Nguyễn Thị Mười	1		1	
201	Tiêu Văn Nhi		1	1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
202	Nguyễn Thị Kim Hoa		1	1	
203	Lê Văn Giáo		1	1	
204	Lê Văn Luyện		1	1	
205	Phan Thị Nhi		1	1	
206	Nguyễn Văn Vương		1	1	
207	Phan Thị Tuyết		1	1	
208	Tiêu Văn Tinh		1	1	
209	Tiêu Thị Xuyên		1	1	
210	Tiêu Thị Hường			1	
211	Bùi Công Lâm			1	
212	Lê Văn Nhân		1	1	
213	Phạm Thị Minh Tường			1	
214	Lê Thị Thanh Tùng		1	1	
215	Lê Văn Hoanh		1	1	
216	Lê Thị Thanh Ái		1	1	
217	Từ Thị Hạnh			1	
218	Nguyễn Khắc Hà		1	1	
219	Nguyễn Thị Loan		1	1	
220	Nguyễn Văn Long			1	
221	Lê Mạnh Cường			1	
222	Phạm Trung		1	1	
223	Phạm Tấn Trí		1	1	
224	Trần Văn Tô		1	1	
225	Huỳnh Thị Hải		1	1	
226	Võ Văn Quang		1	1	
227	Trương Văn Trà			1	
228	Trương Thị Mai		1	1	
229	Lê Văn Chí		1	1	
230	Lê Thị Lưu		1	1	
231	Nguyễn Văn Dương		1	1	
232	Từ Thị Ba		1	1	
233	Nguyễn Văn Lai			1	
234	Nguyễn Tấn Chuân		1	1	
235	Nguyễn Liệu		1	1	
236	Nguyễn Hữu Huyền		1	1	
237	Lê Văn Thạch		1	1	
238	Nguyễn Thành Thư		1	1	
239	Huỳnh Ngọc Cẩm		1	1	
240	Nguyễn Diên Dũng		1	1	
241	Nguyễn Tiến		1	1	
242	Nguyễn Diên Danh			1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn Công trình CNSNTTT***
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
243	Nguyễn Văn Hiếu		1	1	
244	Trần Thị Chi		1	1	
245	Nguyễn Thị Lộc		1	1	
246	Lê Văn Lợi		1	1	
247	Lê Thị Kim Loan		1	1	
248	Đoàn Ngọc Thuật			1	
249	Nguyễn Tấn Bửu		1	1	
250	Nguyễn Vạn Thần			1	
251	Tạ Cảnh			1	
252	Nguyễn Lựu		1	1	
253	Nguyễn Văn Ai		1	1	
254	Nguyễn Cao Kha		1	1	
255	Lê Hoàng Phu		1	1	
256	Đoàn Ngọc Duy		1	1	
257	Đoàn Ngọc Tín		1	1	
258	Phan Thị Loan		1	1	
259	Trần Văn Thanh			1	
260	Nguyễn Thị Lệ		1	1	
261	Nguyễn Trung Thiện		1	1	
262	Lương Thị Huệ		1	1	
263	Nguyễn Khắc Châu		1	1	
264	Phạm Bình		1	1	
265	Nguyễn Tuấn Huy			1	
266	Từ Phước Hải		1	1	
267	Nguyễn Hữu Tân		1	1	
268	Phạm Văn Dũng		1	1	
269	Từ Thị Thảo		1	1	
270	Lê Thị Ngàn			1	
271	Nguyễn Đức Kiên		1	1	
272	Trương Thuận			1	
273	Nguyễn Trường		1	1	
274	Nguyễn Văn Tấn		1	1	
275	Nguyễn Văn Oí			1	
276	Nguyễn Thị Mai		1	1	
277	Huỳnh Thị Nhạn		1	1	
278	Nguyễn Thị Thúy Nga		1	1	
279	Nguyễn Hữu Nguyên		1	1	
280	Huỳnh Tấn Cảnh		1	1	
281	Từ Phước Tứ		1	1	
282	Nguyễn Đức Hải		1	1	
283	Trần Văn Lập		1	1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn Công trình CNSNTTT***
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
284	Phạm Quế		1	1	
285	Tiêu T Thu Ba		1	1	
286	Trương Hiền		1	1	
287	Lê Văn Khiêm		1	1	
288	Bùi Thị Tường		1	1	
289	Ngô Sen		1	1	
290	Trương Thị Dự		1	1	
291	Võ Thị Chi			1	
292	Trần Vương Vũ		1	1	
293	Trần Thị Xanh		1	1	
294	Lê Văn Công		1	1	
295	Trần Văn Chính		1	1	
296	Nguyễn Quốc Danh		1	1	
297	Lê Thị Hoa		1	1	
298	Nguyễn Tấn Dũng		1	1	
299	Nguyễn Diên Mùi		1	1	
300	Lê Thị Chung		1	1	
301	Trần Thật		1	1	
302	Nguyễn Quyên		1	1	
303	Từ Phước Thành		1	1	
304	Lê Thị Ánh Tuyết		1	1	
305	Võ Tuất		1	1	
306	Nguyễn T Hoàng Dung		1	1	
307	Nguyễn Thanh Bình		1	1	
308	Lê Lục		1	1	
309	Nguyễn Hữu Cao		1	1	
310	Lê Đình Thuần		1	1	
311	Nguyễn Hoàng Văn		1	1	
312	Nguyễn Hồng Khoa		1	1	
313	Huỳnh Thị Liễu			1	
314	Nguyễn Thị Khuê		1	1	
315	Lê Văn Cư			1	
316	Nguyễn Thị Hương		1	1	
317	Từ Phước Thanh			1	
318	Nguyễn T Kim Hương		1	1	
319	Trần Ân		1	1	
320	Võ Châu		1	1	
321	Tiêu Văn Hoanh		1	1	
322	Lê Thị Thúy Hường		1	1	
323	Lê Xuân Dũng		1	1	
324	Bùi Đình Anh		1	1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn Công trình CNSNTTT***
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
325	Nguyễn Thị Giang		1	1	
326	Cao Thị Hồng Thắm		1	1	
327	Lê Thị Hoa		1	1	
328	Lê Văn Dũng			1	
329	Nguyễn Ngọc Dương		1	1	
330	Nguyễn Tấn Đợi			1	
331	Đoàn Văn Phiên			1	
332	Nguyễn Thị Quyên		1	1	
333	Phan Loan		1	1	
334	Nguyễn Thị Lanh		1	1	
335	Nguyễn Dục		1	1	
336	Võ Văn Hạnh		1	1	
337	Ngô Ngọc Trúc		1	1	
338	Huỳnh Thị Việt			1	
339	Huỳnh Thành			1	
340	Lê Thị Phương		1	1	
341	Đoàn Nam Việt			1	
342	Nguyễn Thị Phượng		1	1	
343	Huỳnh Thị Phượng	1		1	
344	Nguyễn Diên Hùng			1	
345	Từ Thị Luận			1	
346	Ngô Hữu Định		1	1	
347	Nguyễn Đức Minh		1	1	
348	Nguyễn Văn Còn		1	1	
349	Đoàn Anh Trị			1	
350	Lê Văn Cường		1	1	
351	Nguyễn Xuân Kiệm		1	1	
352	Phan Cảnh		1	1	
353	Lê Văn Việt		1	1	
354	Trần Thị Loan		1	1	
355	Tạ Ngọc Đoàn		1	1	
356	Võ Tuấn		1	1	
357	Huỳnh Thị Luân		1	1	
358	Nguyễn Thị Vân		1	1	
359	Nguyễn Đông An		1	1	
360	Nguyễn Hữu Tính		1	1	
361	Nguyễn Thượng Hoàng			1	
362	Trần Văn Toàn		1	1	
363	Nguyễn Văn Xuân			1	
364	Nguyễn Thị Kim Thoa		1	1	
365	Nguyễn Thị Kim Luyến		1	1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
366	Nguyễn Nghệ Sỹ		1	1	
367	Từ Thị Hiền		1	1	
368	Nguyễn Thị Kim Duyên		1	1	
369	Nguyễn Thị Tân		1	1	
370	Huỳnh Ngọc Tư		1	1	
371	Huỳnh Ngọc Anh		1	1	
372	Huỳnh Ngọc Tuấn		1	1	
373	Trương Ngọc Hạnh		1	1	
374	Nguyễn Hồng Chương		1	1	
375	Nguyễn Hữu Thuần		1	1	
376	Bùi Thị Ca		1	1	
377	Nguyễn Đức Hoành		1	1	
378	Nguyễn Thanh Thủy		1	1	
379	Lê Văn Tuấn		1	1	
380	Lê Văn Thương		1	1	
381	Nguyễn Thị Ý Chung		1	1	
382	Trần Phiên		1	1	
383	Ngô Hữu Hân		1	1	
384	Lê Thị Sang		1	1	
385	Lê Bá Tín		1	1	
386	Ngô Hữu Hải		1	1	
387	Nguyễn Đ Ngọc Hùng		1	1	
388	Đoàn Thị Khuy		1	1	
389	Bùi Đình Chức		1	1	
390	Nguyễn Tấn Tương		1	1	
391	Bùi Đức		1	1	
392	Hồ Văn Thắng		1	1	
393	Trần Hữu Lâm		1	1	
394	Chế Đạt		1	1	
395	Trịnh Bá Thạch		1	1	
396	Ngô Hữu Tây		1	1	
397	Tôn Ngọc Em		1	1	
398	Trần Văn Luyện		1	1	
399	Đoàn Văn Trinh		1	1	
400	Phạm Duy Hòa		1	1	
401	Phạm Đường			1	
402	Từ Văn Khánh		1	1	
403	Nguyễn Đình Khai		1	1	
404	Hồ Văn Hồng		1	1	
405	Trần Nam		1	1	
406	Nguyễn T Hồng Loan		1	1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn Công trình CNSNTTT***
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
407	Lê Văn Quyết		1	1	
408	Nguyễn Tấn Duy		1	1	
409	Ngô Hữu Trung		1	1	
410	Nguyễn T Kim Tuyền		1	1	
411	Bùi Văn Thịnh		1	1	
412	Nguyễn Thị Ngọt		1	1	
413	Ngô Thị Bộ		1	1	
414	Ngô Hữu Chuân			1	
415	Tiêu Đạo		1	1	
416	Nguyễn Duy Khánh		1	1	
417	Nguyễn Thị Thu		1	1	
418	Nguyễn Thị Kim		1	1	
419	Ngô Hữu Chính		1	1	
420	Tạ Ngọc Tuấn			1	
421	Võ Văn Giáp			1	
422	Phạm Ngọc Huệ		1	1	
423	Võ Thanh Vũ		1	1	
424	Nguyễn Đức Long		1	1	
425	Đoàn Ngọc Lâm		1	1	
426	Lê Thị Lang		1	1	
427	Trần Bảo Tài		1	1	
428	Huỳnh Thảo		1	1	
429	Lê Văn Duân		1	1	
430	Lê Văn Doãn		1	1	
431	Võ Văn Nhỏ		1	1	
432	Nguyễn Quốc Dương		1	1	
433	Nguyễn Thị Kim Phượng		1	1	
434	Võ Thị Túy		1	1	
435	Nguyễn Văn Ba (Thê)		1	1	
436	Nguyễn Cu		1	1	
437	Nguyễn Huân		1	1	
438	Nguyễn Thị Trúc Lâm		1	1	
439	Nguyễn Nam		1	1	
440	Nguyễn Văn Tuấn Anh		1	1	
441	Nguyễn Văn Thạch		1	1	
442	Nguyễn Đức Hòa		1	1	
443	Lê Văn Hiền		1	1	
444	Trần Đình Tài		1	1	
445	Phan Thị Thu Nguyệt			1	
446	Nguyễn Thị Hoàng Thư		1	1	
447	Trần Xuân Tây		1	1	

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn
			Nước sạch theo quy chuẩn*	Nước hợp vệ sinh**	Công trình CNSNTTT***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
448	Nguyễn Đức Ký		1	1	
449	Huỳnh Văn Thảo			1	
450	Lê Thị Luận		1	1	
451	Nguyễn Học		1	1	
452	Nguyễn Thị Ánh Vân		1	1	
453	Nguyễn Cư		1	1	
454	Nguyễn Quốc Bảo		1	1	
455	Ngô Thị Xuân cầm		1	1	
456	Ngô Hữu Chước		1	1	
457	Nguyễn Huỳnh		1	1	
458	Nguyễn Thị Cương			1	
459	Nguyễn Thị Kim Huyền		1	1	
460	Phan Thị Thu		1	1	
461	Nguyễn Thị Đi			1	
462	Phạm Thanh			1	
463	Đoàn Anh Lũy			1	
	Tổng	5	347	463	0

UBND XÃ PHƯỚC GIANG

TRƯỞNG

Trần V

[illegible]

cấp nước

Công trình
CNQMHGD****

(7)

1

l

1

l

1

1

1

1

1

l

1

l

1

l

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

l

1

1

cấp nước

Công trình
CNQMHGĐ****

(7)

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

l

1

l

1

1

cấp nước

Công trình
CNQMHGĐ****

(7)

1

1

1

1

1

1

1

1

l

1

l

1

1

1

1

1

1

1

l

1

l

1

1

1

1

1

1

1

l

1

l

1

1

1

1

1

l

1

1

1

1

cấp nước

Công trình
CNQMHGĐ****

(7)

1

1

1

1

1

1

1

1

l

1

l

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

cấp nước

Công trình
CNQMHGD****

(7)

1

l

1

l

1

1

1

1

1

l

1

l

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

l

1

1

cấp nước

Công trình
CNQMHGĐ****

(7)

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

l

1

l

1

1

cấp nước

Công trình
CNQMHGD****

(7)

1

l

1

l

1

1

1

1

1

l

1

l

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

l

1

1

cấp nước

Công trình
CNQMHGD****

(7)

1

l

1

l

1

1

1

1

1

l

l

l

1

l

1

1

1

1

1

1

l

1

1

1

1

1

l

1

l

1

1

cấp nước

Công trình
CNQMHGD****

(7)

1

l

1

l

1

1

1

1

1

l

1

l

l

1

1

1

1

l

1

l

l

1

1

1

1

1

1

1

1

1

l

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

cấp nước

Công trình
CNQMHGĐ****

(7)

1

l

1

l

1

1

1

1

1

l

l

l

1

l

1

1

1

1

1

1

l

1

1

1

1

1

l

1

l

1

1

Biểu mẫu số 2: Cấp xã
Tổng hợp tình hình sử dụng nước sinh hoạt năm 2025
Xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo báo cáo số: 444/BC-UBND ngày 19/12/2025 của UBND xã Phước Giang)

TT	Tên thôn	Tổng số HGD	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ (%) HGD sử dụng nước sạch										Tỷ lệ (%) HGD sử dụng nước HVS									
				Tỷ lệ sử dụng từ công trình CNSNTTT				Tỷ lệ sử dụng từ công trình CNQMHGD				Tổng		Tỷ lệ sử dụng từ công trình CNSNTTT				Tỷ lệ sử dụng từ công trình CNQMHGD				Tổng	
				Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ nghèo	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ nghèo	Tỷ lệ	Hộ GD	Hộ nghèo	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ nghèo	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ nghèo	Tỷ lệ	Hộ GD	Hộ nghèo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
1	An Sơn	235	6	0	0,00	0	0,00	135	57,45	1	16,67	57,45	16,67	0	0,00	0	0,00	235	100,00	6	100,00	100,00	100,00
2	An Định	236	9	0	0,00	0	0,00	133	56,36	2	22,22	56,36	22,22	0	0,00	0	0,00	236	100,00	9	100,00	100,00	100,00
3	An Tân	136	4	0	0,00	0	0,00	78	57,35	1	25,00	57,35	25,00	0	0,00	0	0,00	136	100,00	4	100,00	100,00	100,00
4	An Phước	330	7	0	0,00	0	0,00	157	47,58	2	28,57	47,58	28,57	0	0,00	0	0,00	330	100,00	7	100,00	100,00	100,00
5	An Hòa	271	5	0	0,00	0	0,00	161	59,41	5	100,00	59,41	100,00	0	0,00	0	0,00	271	100,00	5	100,00	100,00	100,00
6	Kim Thành	365	24	0	0,00	0	0,00	197	53,97	3	12,50	53,97	12,50	0	0,00	0	0,00	365	100,00	24	100,00	100,00	100,00
7	Trung Mỹ	186	2	0	0,00	0	0,00	90	48,39	0	0,00	48,39	0,00	0	0,00	0	0,00	186	100,00	2	100,00	100,00	100,00
8	Kim Thành Thượng	436	10	0	0,00	0	0,00	346	79,36	2	20,00	79,36	20,00	0	0,00	0	0,00	436	100,00	10	100,00	100,00	100,00
9	Đồng Vinh	296	2	0	0,00	0	0,00	251	84,80	0	0,00	84,80	0,00	0	0,00	0	0,00	296	100,00	2	100,00	100,00	100,00
10	Nghĩa Lâm	208	5	0	0,00	0	0,00	148	71,15	1	20,00	71,15	20,00	0	0,00	0	0,00	208	100,00	5	100,00	100,00	100,00
11	Tân Lập	177	4	0	0,00	0	0,00	121	68,36	1	25,00	68,36	25,00	0	0,00	0	0,00	177	100,00	4	100,00	100,00	100,00
12	Phước Lâm	214	8	0	0,00	0	0,00	143	66,82	0	0,00	66,82	0,00	0	0,00	0	0,00	214	100,00	8	100,00	100,00	100,00
13	Đồng Trúc Lâm	469	11	0	0,00	0	0,00	173	36,89	4	36,36	36,89	36,36	0	0,00	0	0,00	469	100,00	11	100,00	100,00	100,00
14	Bình Thành	209	5	0	0,00	0	0,00	125	59,81	1	20,00	59,81	20,00	0	0,00	0	0,00	209	100,00	5	100,00	100,00	100,00
15	Long Bàn Bắc	297	8	0	0,00	0	0,00	160	53,87	0	0,00	53,87	0,00	0	0,00	0	0,00	297	100,00	8	100,00	100,00	100,00
16	Long Bàn Nam	346	13	0	0,00	0	0,00	322	93,06	4	30,77	93,06	30,77	0	0,00	0	0,00	346	100,00	13	100,00	100,00	100,00
17	Tỉnh Phú Nam	385	10	0	0,00	0	0,00	349	90,65	3	30,00	90,65	30,00	0	0,00	0	0,00	385	100,00	10	100,00	100,00	100,00
18	Tỉnh Phú Bắc	463	5	0	0,00	0	0,00	347	74,95	0	0,00	74,95	0,00	0	0,00	0	0,00	463	100,00	5	100,00	100,00	100,00
	Tổng	5.259	138	0	0,00	0	0,00	3.436	65,34	30	21,74	65,34	21,74	0	0,00	0	0,00	5.259	100,00	138	100,00	100,00	100,00

Người lập biểu

UBND xã Phước Giang

Phạm Ngọc Quang